

TẠP CHÍ

SỐ 405

VĂN HÓA

P H Â T G I Á O

ISSN 2734-9128

PHÚC TUỆ KHƯƠNG AN

PHƯỚC TUỆ AN KHANG
KHI MÙA XUÂN DI LẶC VỀ

NIÊM HOA VI TIỂU:
MÙA XUÂN TRONG KINH PALI





Ở đời có nhiều thứ lo lắng và đau buồn,
Nhưng không có thứ lo buồn nào lớn hơn cái lo buồn do ái dục đem lại.
Buông bỏ được ái dục mới hết lo buồn.

(Kinh Pháp cú Hán tạng, phẩm Ái dục, HT. Thích Nhất Hạnh dịch)

PHÁT HÀNH VÀO ĐẦU THÁNG

Tổng Biên tập **HT. Thích Hải Ấn**

Phó Tổng Biên tập TT
kiêm Thư ký Tòa soạn **TT.TS. Thích Minh Nhẫn**

Phó Tổng Biên tập **TT. Thích Minh Hiền**
TT. Thích Phước Nghiêm

Trị sự Tòa soạn **ĐĐ. Thích Minh Ân**

Biên tập **Trương Ứng Minh**
Trần Hoài Vũ

Mỹ thuật & Thiết kế **Trần Ngọc Huỳnh**
Mai Phương Nam
Châu Quốc Hùng
Quách Minh Triết

Liên hệ Quảng cáo **ĐĐ. Thích Tuệ Tánh**
0944 020 802

Phòng Phát hành **ĐĐ. Thích Minh Thuận**
Liên hệ **0886 424 842**



Tòa soạn

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-028) 38 484 335 - 0932 850 969
Email: toasoanvhpg@gmail.com
Website: www.tapchivanhoaphatgiao.vn

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản: 0071001053555
Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 304/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Hùng Khang
Q. Tân Phú, TP. HCM

CHỦ ĐỀ: PHÚC TUỆ KHƯƠNG AN

- 6 Phước Tuệ An Khang khi mùa xuân Di Lạc về (TT.TS. Thích Phước Nguyên)
12 Xuân hoan hỷ (TT.TS. Thích Phước Đạt)
18 Niêm Hoa Vi Tiểu Mùa xuân trong Kinh Pali (Nguyên Giác)
22 Tứ Nhiếp pháp - Pháp hành vun trồng phước đức và trí tuệ
(ĐĐ.ThS. Thích Thiện Mãn)
28 Góp nhặt phước đức và ươm mầm yêu thương (ĐĐ. Thích Quảng Lâm)
34 Nhớ nghĩ ân đức của Đức Phật để luôn phát nguyện tu tập (Nguyễn Đông)

PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

- 44 Vai trò hoằng pháp cho thanh thiếu niên hiện nay
(Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Thái Bình)
52 Hành trang của một giảng sư thời đại công nghệ số (ĐĐ.TS. Thích Không Tú)

PHẬT GIÁO - VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

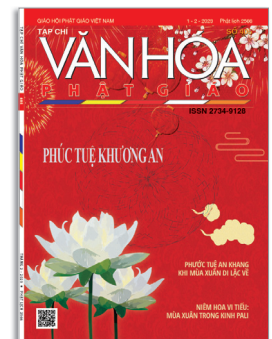
- 60 Vài nét về tư tưởng Phật giáo trong thơ Vương Duy (Nguyễn Ngọc Hùng)
68 Tín ngưỡng cúng tế của người Việt Nam qua nhãn quan của Đạo Phật
(NCS. Lê Tấn Lộc)
76 Lược sử về niên đại chùa Côn Sơn (Phạm Thanh Long, Hồng Lượmg)

PHẬT GIÁO - KHOA HỌC VÀ TRIẾT LÝ

- 82 Bát Kính Pháp của Tỳ kheo Ni trong Luật Tạng (Pali) và Tứ Phần Luật (Hán tạng)
(TKN.ThS. Thích Nữ Liên Liên)
88 Tìm hiểu thuật ngữ “Phương tiện” qua lăng kính Phật giáo Đại thừa
(SC. Thích Nữ Thuần Giới)

GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN:

Chùa Thanh Lương, tỉnh Kiên Giang



Ý tưởng Bìa: Ngọc Huỳnh
Thiết kế: Phương Nam

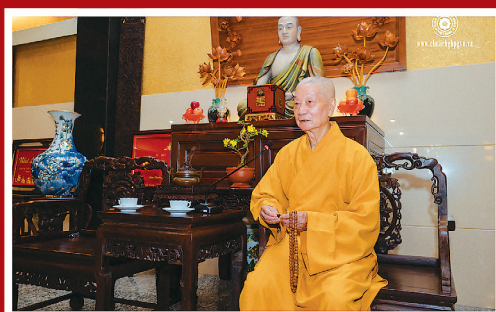
HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ TIÊU BIỂU TRONG THÁNG



Ban Trị sự GHPGVN TP.HCM
khai đàn Pháp hội Dược Sư
đầu Xuân Quý Mão
tại Việt Nam Quốc Tự



Chư Tôn giáo phẩm Hội đồng Trị sự khánh tuế Đức Pháp chủ



Trung ương Giáo hội đánh lễ, dâng hương
tri ân chư Tôn túc lãnh đạo Giáo hội
qua các thời kỳ





Văn phòng II Trung ương
Giáo hội họp mặt đầu xuân
Quý Mão 2023



Lễ hội
mùa
xuân
tại
một số
ngôi
chùa
trên
cả
nước



THƯ TÒA SOẠN

Quý độc giả thân mến!

Trong Kinh A Hàm, Đức Phật đã dạy: *Nếu người phải bị nuốt một nắm muối, thì sẽ đau khổ biết đường nào. Nhưng nếu bỏ nắm muối đó vào một tô nước nhỏ rồi mới phải uống, thì sẽ dễ chịu hơn một chút. Nếu bỏ nắm muối vào một lu nước rồi mới phải uống, thì sẽ dễ chịu nhiều hơn chút nữa. Nếu bỏ nắm muối vào hồ nước lớn rồi mới uống vào, thì chuyện sẽ không thành vấn đề nữa.*

Nắm muối tượng trưng cho các nghiệp nhân bất thiện do con người tạo ra từ trước đến nay. Quả báo khổ đau là điều không sao tránh khỏi. Chỉ có phước báu, dù ít hay nhiều, tượng trưng là tô nước, lu nước hay hồ nước, mới có thể giúp con người vượt qua khổ đau. Vì vậy, mỗi người hãy vun trồng phước điền, xem đó như là một phần tư lương trên con đường học đạo và tu đạo. Muốn có được phúc phần, quan trọng nhất vẫn là trí tuệ để nhận biết chánh đạo, nhận biết các quy luật vận hành như: duyên khởi, nghiệp báo... nhằm gia tăng phúc đức, giảm trái oán, tịnh hoá thân tâm.

Người trí chính là người biết thực hành hạnh nguyện bố thí chí vì từ tâm, giúp người an vui qua cơn khốn khó, khiến người khác sinh tâm bố thí, nhứt tâm hồi hướng, ban phúc đức cho khắp pháp giới chúng sinh. Điều này giúp trí tuệ khai mở, tâm niệm hòa bình, chúng sinh an lạc, hạnh phúc. Mỗi người làm phúc cũng đừng mong cầu hưởng phúc về sau, mà nên phát nguyện: đời đời kiếp kiếp, đầy đủ phúc duyên, gặp được chính pháp, thầy lành, bạn tốt, giúp đỡ trợ duyên, tu tâm dưỡng tính, cho đến ngày giác ngộ giải thoát.

Để cùng bàn luận sâu hơn về vấn đề này, trong những ngày xuân Quý Mão, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng gửi đến quý độc giả số báo 405 với chủ đề “*Phúc Tuệ khương an*”. Hy vọng tất cả chúng ta đều áp dụng giáo lý Đức Phật vào trong cuộc sống hàng ngày, giữ thân khẩu ý luôn luôn thanh tịnh để cùng đạt được phước báu, trí tuệ viên mãn, đạt tới Niết bàn giải thoát, không còn trầm luân sinh tử luân hồi.

Ban Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo





Phúc Tuệ **KHƯƠNG AN**

Phước Tuệ An Khang khi mùa xuân Di Lặc về

TT. Thích Phước Nguyên*



Ý nghĩa đón mừng Phật Di Lặc Đản sinh nhân dịp xuân về Tết đến là thông điệp sống theo nếp sống hướng thiện, trên hết là hướng đến mục tiêu giải thoát khổ đau giữa cuộc đời đầy biến động này.

Phước tuệ an khang là lời ước nguyện của Phật tử Việt Nam khi xuân về Tết đến, cũng là thông điệp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam gửi đến đồng bào Phật tử khắp nơi, thể hiện trong chủ đề “Kỷ cương - Trách nhiệm - Đoàn kết - Phát triển” của Đại hội Phật giáo Việt Nam toàn quốc nhiệm kỳ IX (2022-2027). Suy cho cùng, chủ trương, đường lối, phương thức hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng không ngoài phụng sự chúng sinh là thiết thực cúng dường chư Phật, tất cả vì lợi ích, vì sự an lạc, vì hạnh phúc số đông như Đức Phật thường dạy. Trong ý nghĩa đó, chư Tổ sư, Thiền sư và chư Tôn đức lãnh đạo Giáo hội đã chuyển hóa toàn bộ nội dung khát ngưỡng nói trên thành lời cầu chúc “Phước tuệ an khang” khi xuân Di Lặc về với tất cả niềm tin và lý tưởng thực thi.

PHƯỚC ĐỨC DO NỖ LỰC HÀNH THIỆN MÀ THÀNH

Trong Kinh Phước đức, Phật chỉ dạy vấn đề tạo phước đức ở đời, mở đầu bằng lời dạy: “Lánh xa kẻ xấu ác, được thân cận người hiền. Tôn kính bậc đáng kính, là phước đức lớn nhất. Điều này có nghĩa Phước đức của mỗi người không phải Phật thánh, trời đất ban cho mà sự nỗ lực thực hành điều thiện. Điều thiện theo quan điểm của Phật giáo là những việc làm của thân, lời nói của miệng, ý nghĩ từ tâm phải đem lại kết quả lợi ích cho mình cho người, cho cả hai trong mọi không gian và thời gian. Khi một người thực thi điều thiện lành, đồng nghĩa đã tạo phước đức. Phước đức chính là sự tích lũy điều thiện lành có khả năng vận hành trong chiều hướng tốt đẹp của quy luật nhân quả nghiệp báo.

Cho nên, người làm việc thiện là người có phước đức, hẳn nhiên phải biết tránh xa điều ác, kẻ xấu ác, thân cận và tôn kính bậc thánh, người hiền. Đó cũng lý do ông bà cha mẹ chúng ta thường dạy: “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, “Gieo gió gặt bão”. Nói cách khác, đó cũng là mục tiêu mà Giáo hội muốn tất cả các thành viên cộng đồng Phật giáo sống đúng kỷ cương, trách nhiệm, đoàn kết và phát triển thì bất cứ người nào hiện hữu trên cõi đời đều an lạc, hạnh phúc, các tổ chức hoạt động của Giáo hội ban/ngành/viện đều phát huy khả năng, tiềm lực, vai trò, trách nhiệm của mình trong cuộc sống vốn thường xuyên biến động này mà đóng góp cho xã hội, cho đất nước.

Một người có tu tập phước đức là người tự thân khai mở trí tuệ. Trí tuệ và phước đức là hai mặt của một vấn đề. Sống có phước đức là sống có giới hạnh, có giới hạnh là định lực, có định lực là có trí tuệ. Đức Phật thường dạy mọi người lấy trí tuệ làm sự nghiệp (Duy tuệ thị nghiệp). Có nhiều bản kinh Nikaya đã xác chứng như thế nào được gọi là trí tuệ khi hành giả tiến sâu vào con đường tuệ giác vô thượng. Trong Kinh Đại Phược Quang, Đức Phật đã trình bày sự có mặt của trí tuệ là do tu tập và liễu đạt về khổ, nguyên nhân dẫn đến khổ, sự diệt tận về khổ và con đường đoạn tận mọi khổ đau như sau: “Này Hiền giả, như thế nào được gọi là trí tuệ? Vì có tuệ tri, có tuệ tri này Hiền giả nên được gọi là trí tuệ. Có tuệ tri là gì? Có tuệ tri: đây là khổ, có tuệ tri: đây là khổ tập, có tuệ tri: đây là khổ diệt, có tuệ tri: đây là con đường đưa đến khổ diệt. Vì có tuệ tri, có tuệ tri này Hiền giả, nên được gọi là trí tuệ”.

Và như thế, bằng sự tu tập tuệ quán, hành giả tuệ tri như thật các pháp để bước vào lộ trình giác ngộ chân lý, giải thoát, Niết bàn. Điều đáng nói là thông qua con đường tự thân tu tập, với đôi mắt tuệ giác, con người nhìn nhận sự vật các pháp vốn vô ngã, các hành vô thường. Mọi tâm lý của thế giới tư duy hữu ngã thường tình hầu như bị đồ rúng khi tự thân mỗi người đều tuệ quán: “Cái này không phải là tôi, cái này không phải là của tôi, cái này không phải tự ngã của tôi”. Thiết nghĩ, một nền văn hoá, giáo dục, kinh tế xã hội của thế giới tư duy vô



Mùa xuân là mùa đầu tiên trong năm, mùa khởi đầu cho muôn loài thay da đổi thịt, cây cối đâm chồi nảy lộc, vạn vật đổi thay, tràn trề sức sống mãnh liệt. Con người vì thế háo hức đón chào mùa xuân, cũng là đón mừng mùa xuân Di Lặc, mang theo niềm tin Đức Di Lặc thị hiện ở đời cùng những điều tốt lành sẽ đến với mọi người, mọi nhà.

ngã được vận hành sẽ mở ra chân trời hạnh phúc cho loài người đến với niềm phúc lạc vô biên.

Đó là lý do người ta mong chờ và đón mừng Đức Phật Di Lặc thị hiện trong cuộc đời. Bởi khát vọng lớn nhất của con người là ước nguyện sống hạnh phúc và an lạc. Cũng vì lẽ đó, bất kì ai hiện hữu trên cõi đời này, mỗi khi thấy hình tượng Ngài Di Lặc đều khởi tâm hoan hỷ và thích ngắm nhìn. Phật tử Việt Nam cũng có tâm lý chiêm ngưỡng, tôn kính Phật Di Lặc (Metteyya) và Ngài trở thành biểu tượng cho sự mong cầu an vui, thịnh vượng dài lâu trong tâm khảm của lòng mình.

MÙA XUÂN DI LẶC

Mùa xuân là mùa đầu tiên trong năm, mùa khởi đầu cho muôn loài thay da đổi thịt, cây cối đâm chồi nảy lộc, vạn vật đổi thay, tràn trề sức sống mãnh liệt. Con người vì thế háo hức đón chào mùa xuân, cũng là đón mừng mùa xuân Di Lặc, mang theo niềm tin Đức Di Lặc thị hiện ở đời cùng những điều tốt lành sẽ đến với mọi người, mọi nhà.

Kinh *Di Lặc Thượng sinh* và Kinh *Di Lặc hạ sinh* cho rằng: Ngài xuất thân trong một gia đình Bà la môn, sau làm đệ tử Phật, nhập diệt trước Phật, dùng thân Bồ tát trụ ở cõi trời Đâu Suất thuyết pháp giáo hóa các vị trời cõi này. Theo truyền thuyết, Bồ tát vì muốn giáo hóa chúng sinh nên không ăn thịt từ lúc mới phát tâm; do nhân duyên ấy mà Ngài có tên là Từ Thị. Bản Kinh *Đại Nhật Sớ 1*, Bồ tát Từ Thị ấy lấy chữ *Từ* trong Tứ vô lượng tâm của Phật làm đầu. Lòng từ đó sinh ra từ chủng tính Như Lai, khiến hết thảy chúng sinh trong thế gian này không mất hết Phật tính. Đức Thế Tôn từng thọ ký rằng: hết thời kỳ tuổi thọ con người là 4.000 tuổi, ước vào khoảng 57 tỷ 60 triệu năm nữa, lúc ấy Bồ tát hạ sinh xuống cõi này thành Phật dưới cội Long Hoa, chia làm 3 hội thuyết pháp. Do ý nghĩa Ngài thay Phật thuyết giáo nên gọi Bồ tát là Nhất sinh Bồ xứ, Bồ tát Bồ xứ, Bồ xứ tát đồa. Khi Ngài thành Phật thì gọi là Di Lặc Như Lai, Phật Di Lặc.

Theo như ý nghĩa trên, chân dung của Ngài, phần lớn được các chùa thờ phụng bằng hình ảnh Di Lặc miệng cười tươi, bụng phơi ra; có khi còn có lục tặc hải nhi đeo quanh mà vẫn thản nhiên, tự tại vô cùng. Thế nên, Phật tử chúng ta có tâm lý yêu thích chiêm ngưỡng Ngài, nhất là vào những ngày đầu



Hình tượng Đức Phật Di Lặc hiện hữu với nụ cười trên môi, dáng vẻ hiền hòa khiến ai nhìn vào cũng thấy lòng mình nhẹ nhàng, hiền thiện và hoan hỷ hơn bao giờ hết. Ngày đầu tiên của năm mới mà có được cảm nhận hân hoan, hiền thiện của chất liệu từ bi hỷ xả như thế thì không gì phúc lạc bằng, không gì ấn tượng hơn đối với niềm tin vào Tam bảo, đối với niềm tin lễ sống của người biết sống đạo.

xuân trong ý nghĩa “*tổng cựu nghinh tân*”, xóa bỏ những điều xấu xa, không may mắn trong năm cũ, nỗ lực hành thiện để đón chào năm mới với bao điều tốt đẹp.

Hình tượng Đức Phật Di Lặc hiện hữu với nụ cười trên môi, dáng vẻ hiền hòa khiến ai nhìn vào cũng thấy lòng mình nhẹ nhàng, hiền thiện và hoan hỷ hơn bao giờ hết. Ngày đầu tiên của năm mới mà có được cảm nhận hân hoan, hiền thiện của chất liệu từ bi hỷ xả như thế thì không gì phúc lạc bằng, không gì ấn tượng hơn đối với niềm tin vào Tam bảo, đối với niềm tin lễ sống của người biết sống đạo. Huống chi, bản chất người học đạo vốn là những người biết hướng tâm sống theo nếp sống hiền thiện, chân chất, tùy hỷ với mọi người, yêu thích mọi loài, đầu năm lên chùa lễ Phật, hướng nghĩ về Ngài, phẩm tính Phật Di Lặc “*Từ thị*” trong mình lại càng dễ hiển lộ ra bên ngoài. Do vậy, tâm tính chúng ta lại càng vui hơn, hạnh phúc nhiều hơn khi tiếp xúc với mọi người trong giờ phút hiện tại, bây giờ và tại đây.

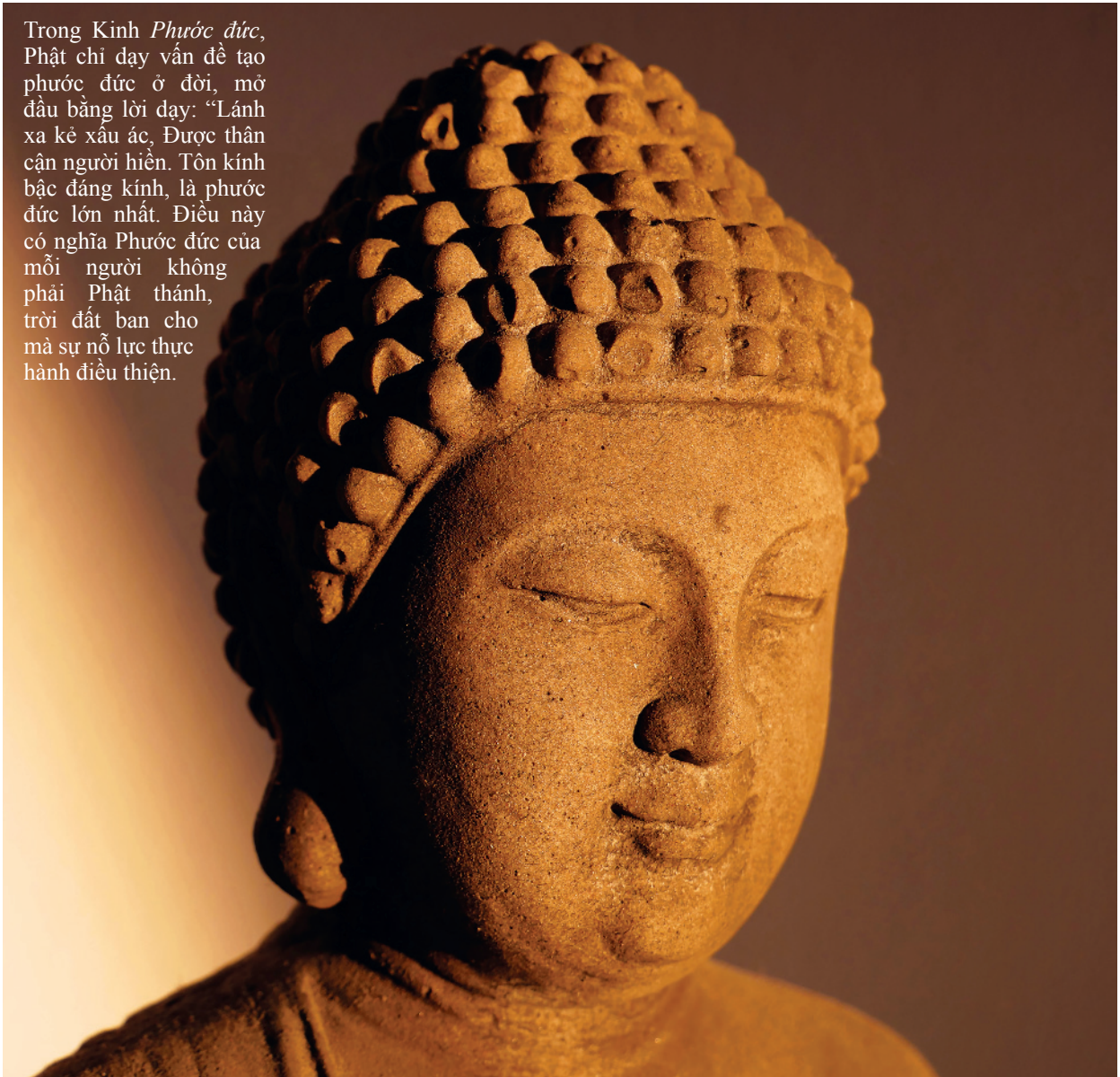
Mỗi khi con người sống với tâm hiền thiện, có chánh tín vào nếp sống đạo, có hỷ lạc trong việc thực hành pháp thiện, từ bỏ pháp ác, đây chính là niềm tin trong một tương lai gần Đức Di Lặc sẽ thị

hiện. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã từng xác tín rằng, chính nếp sống hiền thiện, hướng thiện của người học đạo, hành đạo, chứng đạo là cơ sở, là nền tảng đón chào Ngài ra đời trên thế gian này.

Bản Kinh *Chuyển luân Thánh vương Sư tử hống* (*Cakkavatti-sihanāda-suttanta*), *Trường Bộ Kinh* [1] cho rằng nhân duyên Đức Phật Di Lặc thị hiện hoàn toàn khác với Đức Thích Ca Mâu Ni đản sinh giữa ở cõi đời ô trược, nơi chúng sinh có tâm địa vô cùng phức tạp, tham ái nặng nề. Trong khi đó, Đức Phật Di Lặc chỉ thị hiện vào lúc con người có một đời sống đạo đức hướng thượng, con người biết kết nối yêu thương, sống chân thật, hoan hỷ với nhau chứa chan tình người. Như vậy, sự hiện thân của Đức Phật Di Lặc là biểu trưng cho một nếp sống đạo đức hướng thiện, thuần tịnh, mà đỉnh cao là hướng tâm giải thoát.

Nói một cách dễ hiểu, bất cứ ai được sinh ra, lớn lên, trưởng thành đều mong cầu được sống hạnh phúc, đầy đủ vật chất, sức khỏe dồi dào, sống lâu trường thọ và trí tuệ minh mẫn. Quan trọng hơn, là người đó cần thể hiện một đời sống tâm linh thánh thiện, giàu chất liệu yêu thương được thể hiện qua tinh thần từ bi hỷ xả trong đời sống thường nhật. Do

Trong Kinh *Phước đức*, Phật chỉ dạy vấn đề tạo phước đức ở đời, mở đầu bằng lời dạy: “Lánh xa kẻ xấu ác, Được thân cận người hiền. Tôn kính bậc đáng kính, là phước đức lớn nhất. Điều này có nghĩa Phước đức của mỗi người không phải Phật thánh, trời đất ban cho mà sự nỗ lực thực hành điều thiện.



đó, mỗi khi Phật tử háo hức đón chào xuân Di Lặc, mong cầu Phật Di Lặc đản sinh có nghĩa trong tâm thức họ ước nguyện sống thiện lành, từ bỏ ác pháp, thực hành chánh pháp trong niềm hỷ lạc vô biên.

Đây chính là điểm cốt lõi của bản kinh này, cũng là thâm ý của chư Phật muốn khuyến cáo Phật tử đón xuân, mừng xuân và căn bản nhất là sống với “mùa xuân thường tại” quanh năm suốt tháng, khi tâm thức thuần tịnh, không nhiễm ô, tuổi thọ sẽ dài ra. Ngược lại, con người sẽ khổ đau khi rong ruổi theo mùa xuân vật lý với sự mong chờ được hưởng thụ và đắm say dục lạc thế gian, tràn đầy tham ái.

Tuổi thọ con người sẽ giảm đi, hẳn nhiên khổ đau và đọa lạc sẽ ập đến.

Phật dạy, con người là chủ nhân của nghiệp, là người thừa tự nghiệp. Do đó con người tự quyết định đời sống hạnh phúc hay khổ đau của chính mình. Một người thân cứ làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ về điều ác thì cấp độ khổ đau theo đó sẽ gia tăng mãi, đồng nghĩa tuổi thọ đi xuống điếm tận cùng. Chỉ khi nào con người nhận chân sự nguy hại của một đời sống bất thiện, khởi tâm sống với điều thiện, hiếu kính Sa môn, tôn trọng bậc trưởng thượng trong gia đình, thực hành chánh pháp thì

nguy cơ khổ đau sẽ giảm thiểu và tuổi thọ bắt đầu tăng trưởng trở lại:

“Này các Tỳ kheo đến một thời kỳ, do nhân làm ác hạnh, tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi,... rồi các loài hữu tình suy nghĩ vì chúng tạo nhân bất thiện nên bà con ta giết hại nhau như vậy. Chúng ta hãy làm các điều thiện. Do hành thiện nên tuổi thọ được tăng thịnh, sắc đẹp tăng trưởng. Vì tuổi thọ được tăng thịnh, sắc đẹp tăng trưởng nên tuổi thọ loài người chỉ 10 tuổi nhưng con của họ sẽ thọ đến 20 tuổi. Rồi suy nghĩ vậy chúng ta làm việc thiện nhiều hơn nữa, sống đúng 10 thiện pháp, hiếu kính với mẹ cha, lễ lạy các vị Sa môn, Bà la môn, cung kính các vị cầm đầu trong gia đình... con cái họ sẽ lên đến 40 tuổi, 80 tuổi...cho đến khi tuổi thọ loài người lên đến bốn vạn tuổi và các người con lên đến tám vạn tuổi...”

Nhờ nỗ lực sống hướng thiện, lại được xác tín bởi niềm tin bất diệt đối với Tam bảo kết quả sắc đẹp, tuổi thọ kéo dài cho đến khi nào mọi người trở nên hiền hòa, an lạc, gia đình hạnh phúc, xứ sở phồn vinh, thế giới hòa bình thực sự... Bấy giờ tuổi thọ của con người có thể lên đến tám vạn tuổi, vị Chuyển luân Thánh vương sẽ xuất hiện, dùng chánh pháp để an dân, khiến cho cả thế gian này thái bình, thịnh trị vững bền. Chính thời điểm này Đức Phật Di Lặc cũng ra đời và chuyển pháp luân, khiến cho ai cũng an trú hạnh phúc trong giáo pháp của Ngài:

“Bấy giờ có vị Chuyển luân Thánh vương tên là Sankha ra đời, là vị Pháp vương lấy Chánh pháp trị nước, chinh phục bốn thiên hạ, cai trị các quốc độ, có đủ bảy món báu. Vị ấy vì quả đất này cho đến hải biên, dùng chánh pháp trị quốc, không dùng trượng, không dùng kiếm. Này các Tỳ kheo, khi tuổi thọ loài người lên đến tám vạn tuổi, có Thế Tôn tên là Metteyya sẽ ra đời, là vị A la hán, Chánh đẳng giác, Minh hạnh túc, Thiện Thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự Trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn. Vị này tự mình biết, chứng và tuyên thuyết trên quả đất này, gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới; Thế giới này gồm Sa môn, Bà la môn, loài trời, loài người. Vị này sẽ thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa lý văn tự đầy đủ thanh tịnh và tuyên thuyết đời sống phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh như Ta hiện nay thuyết pháp. Vị này sẽ có khoảng vài ngàn vị Tỳ kheo, Tăng đoàn như Ta hiện nay có khoảng vài ngàn vị Tỳ kheo Tăng đoàn”.

Rõ ràng, sự kiện đức Chuyển luân Thánh vương và Đức Phật Di Lặc ra đời giữa thế gian này như kinh điển ghi lại là câu trả lời xác tín cho vấn đề tại sao chúng ta phải thực thi nếp sống hiền thiện, sống đúng luật nghi, có chánh kiến và trang trải lòng từ bi hỷ xả đến với mọi người. Tại đây, loài người không còn khởi tâm tham, sân, si trong khi hành xử giữa con người với con người, con người với xã hội, con người với thiên nhiên, môi trường sống. Như vậy, ý nghĩa đón mừng Phật Di Lặc Đản sinh nhân dịp xuân về Tết đến là thông điệp sống theo nếp sống hướng thượng, trên hết là hướng đến mục tiêu giải thoát khổ đau giữa cuộc đời đầy biến động này.

Đó cũng là con đường sống của Phật giáo xưa nay hướng đến. Cụ thể, mỗi cá nhân hiện hữu ở đời phải biết thực thi nếp sống đạo như ngài Mâu Tử nói *“Ở trong nhà thì hiếu thảo với mẹ cha, ra ngoài đường thì phải biết giúp nước hộ dân, khi ngồi một mình phải biết tu thân”* [2]. Lời dạy trên chỉ cho chúng ta tự thiết lập một nếp sống đạo đức nhân sinh, xây dựng trên nền tảng hiếu thảo mẹ cha, hòa thuận với bà con, biết sẻ chia, giúp đỡ mọi người trong từng hoàn cảnh cụ thể, trên hết là tu tâm dưỡng tánh để tự điều chỉnh bản thân thích ứng với mọi điều kiện sống mà hành xử cho đúng đạo. Cho nên, mỗi cá nhân hiện hữu phải thường xuyên chánh niệm, sống đúng luật nghi, không ngừng nỗ lực làm thiện, lấy trí tuệ làm sự nghiệp.

KẾT LUẬN

Có như vậy, khi bạn làm điều gì cũng sanh tâm hoan hỷ như Phật từng xác tín trong kinh *Tăng Chi*: *“Trước khi làm thiện việc gì, chúng ta cũng sanh tâm hoan hỷ, trong khi làm việc thiện gì cũng sanh tâm hoan hỷ, sau khi làm việc thiện gì cũng sanh tâm hoan hỷ”*. Đây cũng là cơ sở để mọi người trên hành tinh này cùng nhau nỗ lực kiến tạo một thế giới an lạc mà Phật Di Lặc thị hiện. Chúng ta có quyền ước nguyện và cùng nỗ lực thực thi, hướng đến xây dựng thế giới hạnh phúc ngay từ bây giờ.

Chú thích và tài liệu tham khảo:

* Thượng tọa Tiến sĩ Thích Phước Nguyên, Phó Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự, Chánh Văn phòng II Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

[1] Xem *Kinh Trường Bộ*, q.2. Đại tạng Kinh Việt Nam, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1991, tr.353-386.

[2] Lê Mạnh Thát (1982), *Nghiên cứu về Mâu Tử*, tập 2, Tu thư Vạn Hạnh, tr.292. -

Kuân hoan hỷ

TT. Thích Phước Đạt*



Đức Phật không phải nói đời là khổ, chỉ có khổ cho những người không biết tu tập tự thân. Được sinh ra ở cõi người là cõi thiện, cõi lành và được sanh làm người là điều hạnh phúc. Thế nhưng, Đức Phật là bậc trí tuệ lớn, Ngài không muốn con người an phận với đời sống, với những niềm vui tầm thường, nhỏ bé, giả tạo của thế tục. Ngài muốn con người sống nếp sống hướng thượng, rời bỏ niềm vui thế tục, vươn tới niềm vui chắc thật, vững bền của giác ngộ và giải thoát.

Năm mới Quý Mão đã đến. Bao nhiêu khó khăn vất vả trong năm cũ cũng theo thời gian và không gian cứ thế lặng lẽ đi qua để đón chào năm mới với niềm tin, hy vọng của mùa xuân Phật Di Lặc. Mùa xuân ngập tràn hoan hỷ của đất trời mang hương vị giải thoát mà Đức Phật từng chỉ dạy những người con Phật.



Thực tế sống trong thế giới hữu hạn này, người ta nói cuộc đời là bể khổ. Vì vậy, Đức Phật Thích Ca thị hiện ở đời để giáo hóa với mục đích “*Ta ra đời vì hạnh phúc, vì sự an lạc cho chư thiên và loài người*”. Đức Phật đã chuyển pháp luân, đem giáo pháp mà mình chứng đắc thuyết pháp độ sinh để con người nỗ lực chuyển hóa nội tâm, thành tựu tâm thanh tịnh hỷ lạc, có đủ niềm tin và nghị lực sống với đời, làm cho đời thêm sáng tươi. Trong cuộc sống đầy biến động ở thời đại 4.0, sự vận hành của con người đối với các mối quan hệ càng diễn ra nhanh chóng, vạn vật theo đó càng thay đổi chóng mặt. Cho nên, khi tiếp xúc với đời, tiếp cận và sống trong đạo, người ta mới cảm nhận được giá trị hạnh phúc do đạo Phật đem lại. Và như vậy, đạo Phật đã đem đến niềm vui nhất trần gian để con người có thể tận hưởng mà không cần bất cứ điều kiện gì.

Chúng ta biết rằng, theo như trong kinh thì những người sống cùng thời với Đức Phật đã mô tả Ngài luôn luôn mỉm cười. Điều đó minh chứng cuộc đời Ngài luôn luôn hiện hữu sự hỷ lạc, không có bất kỳ sự lo âu nào làm tâm thức Ngài có thể dao động. Chính vì lẽ đó, hầu hết các tượng và tranh Phật đều khắc họa hình ảnh Ngài với gương mặt bình thản, tươi cười. Nụ cười của Ngài không rõ ràng như các tượng

Phật Di Lặc, nhưng có độ sâu lắng, truyền trao nội lực cho người chiêm ngưỡng, lễ bái để có sức mạnh nội tại mà thực thi các hạnh nguyện tốt lành.

Từ hiện thực cuộc sống đầy sống động và đa sắc diện, Ngài đã xác chứng niềm vui cùng sự hỷ lạc do công phu tự thân tu tập, tự thân hành trì, tự thân chứng ngộ, khác hẳn tất cả niềm vui thế gian có được. Ngài khẳng định, niềm vui của đạo Phật chân thực, trong sáng, lâu bền hơn tất cả với bất cứ ai hướng tâm học tập, tu tập giáo pháp mà Như Lai đã thực tu và thực chứng. Trong *Kinh Tiểu Kinh Khổ Uẩn*, khi các tu sĩ phái Ni Kiền Từ (Nigantha) hỏi Phật là niềm vui của Phật và niềm vui của Bimbisara, xứ Magatha, nếu so sánh bên nào hơn, Đức Phật nói: “*Ta có thể không di động thân thể, không nói lên một lời, sống cảm giác thuần túy lạc thọ luôn trong hai ngày hai đêm, luôn trong ba ngày ba đêm, luôn trong bốn ngày bốn đêm, luôn trong năm ngày, năm đêm, luôn trong sáu ngày sáu đêm, luôn trong bảy ngày bảy đêm. Chư hiền Nigantha, nhà người nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy? Ai sống hạnh phúc hơn, vua Bimbisara Seniya hay Ta?*”

Cuối cùng, các tu sĩ phái Nigatha thừa nhận là Phật sống hạnh phúc hơn vua Bimbisara” [1].

PHÚC TUỆ KHƯƠNG AN

Nhưng có thể nói, niềm vui của Đức Phật, về chất lượng khác hẳn với niềm vui tầm thường của vua chúa nói chung, của vua Bimbisara nói riêng. Đó là niềm vui xuất thế mà người thế tục không thể ý thức được. Đối với những người đệ tử của Ngài sống trong đạo, tu đạo và chứng đạo cũng thế, tự thân chính họ cũng là những người an trú trong Chánh pháp, hỷ lạc trong pháp. Ngay trong bài *Thiền Tịch*

Phú, Thiền sư Chân Nguyên đã mở đầu bằng những câu rất vui và rất thật:

“Vui thay tu đạo Thích!

Vui thay tu đạo Thích!

Lộ phải thành đô, nào nề tuyền thạch,

Dù ngồi nơi cảnh trí trang nghiêm,

Hoặc ở chốn chùa chiền cô tịch,

Đâu cũng giòng phúc đức trang nghiêm...”

Nếu Niết Bàn được đạo Phật xác nhận là niềm vui, niềm an lạc không gì hơn, thì ngay trong quá trình tu tập tiến tới cảnh giới Niết Bàn, Phật tử đã có thể hưởng được hương vị thật sự của niềm vui đó, khi lần lượt cởi bỏ ba độc tham sân si và các phiền não khác.



Có thể nói, Tăng Ni, Phật tử, xuất gia cũng như tại gia, ở đâu cũng một niềm hoan hỷ, đúng như lời vua Pasenadi tán thán chư Tăng trước Đức Phật trong *Kinh Pháp Trang Nghiêm*: “Ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy các Tỳ kheo hân hoan, phấn khởi, hỷ lạc, các căn thoải mái, không dao động, bình tĩnh...”. Và vua Pasenadi cho rằng: sở dĩ được như vậy là vì các vị Tỳ kheo đó “chắc chắn đã thể nghiệm được ý nghĩa cao cả và sâu sắc của giáo lý của Đức Thế Tôn”. Khi chúng ta học Phật và tu theo Phật không phải để chịu khổ mà để diệt khổ, hưởng lạc ngay trong hiện tại, không phải chờ đợi mai sau. Đó là sự an lạc của một nội tâm đã gột bỏ mọi tham ái, dục vọng, trở nên an tịnh và trầm lặng. Đó là niềm an lạc của giải thoát, tuy chưa phải Niết Bàn, nhưng đã hướng tới Niết Bàn.

Theo bản *Kinh Nhất Dạ Hiền giả* [2], một bản kinh đi vào tâm khảm người Phật tử, niềm vui thật sự trong đời sống hiện hữu không hề xa lạ đến mức con người không thể nắm bắt được. Nội dung bài kinh đã thấu tóm toàn bộ giá trị con người hiểu đạo và hành đạo với thái độ sống lấy tuệ giác soi chiếu vào nội tâm, từ đó sống với thực tại “đang là”, chứ không phải vọng ngưỡng các tham dục khát ái, đam mê hào nhoáng lộng lẫy bên ngoài, hương vị ngọt ngào trần thế, đa sắc màu huyền ảo... Hãy chiêm nghiệm lời dạy của Đức Phật qua bài kinh nói trên:

*Tương lai không ước vọng,
Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai lại chưa đến,
Tuệ quán chính ở đây, ...
Trú như vậy nhiệt tâm,
Đêm ngày không mệt mỏi,
Xứng đáng Nhất Dạ Hiền,
Bạc an tịnh trầm lặng... ”.*

Bài kệ tán thán người ngộ đạo không đeo đuổi quá khứ, không ước vọng tương lai, cũng không bị lôi cuốn trong hiện tại bởi tham ái và dục vọng, nhờ tuệ quán, tức nhờ quan sát bằng trí tuệ, thấy rõ mọi sự vật ở hiện tại đều chỉ là nhân duyên giả hợp mà thành, vô thường, không có thực thể, không xứng đáng để tham đắm. Nhờ đó, người ngộ đạo sống an tịnh, trầm lặng, vui niềm của giải thoát.

Cần nói thêm, Đức Phật không những chỉ đề cao niềm vui siêu thế và giải thoát, mà trong nhiều bài kinh, cũng có nói tới những niềm vui xuất thế và

giải thoát chắc thật hơn nhiều, siêu việt hơn nhiều. Thậm chí, Đức Phật còn khích lệ những người học Phật đang sống trong cuộc sống vì sự sinh tồn, vì gia đình, cũng cần có những niềm vui như: niềm vui có của, niềm vui được giàu có, niềm vui không nợ nần... Đức Phật dạy: “*Có bốn niềm vui mà người tại gia cảm thọ, đó là niềm vui có của, niềm vui giàu có, niềm vui không nợ và niềm vui không phạm lỗi lầm, không bị chê trách*”.

Hãy bắt đầu về niềm vui có của, Đức Phật dạy: “*Thế nào là niềm vui có của? Ở đây gia chủ có của cải nhờ phần đầu tích cực, gom góp được bằng sức của bàn tay, bằng mồ hôi, đúng pháp, và tích lũy đúng pháp, và có suy nghĩ như sau: Của cải này là của tôi, có được nhờ phần đầu tích cực, tích lũy đúng pháp, cho nên niềm vui và thỏa mãn đến ông ta. Đó là niềm vui có của cải*”. Rõ ràng, niềm vui có của, tức tài sản vật chất giúp trang trải cuộc sống, giải quyết những lo toan hay vấn đề sinh tồn là trách nhiệm mà mỗi người sinh ra ở đời cần tự xử lý. Để có niềm vui thật sự về của cải tài sản mình có được mà không sợ mất mát thì phải nỗ lực làm đúng chánh pháp, tích lũy đúng chánh pháp từ đôi bàn tay chăm chỉ và khối óc đầy tư duy sáng tạo. Sự nhiệt tâm tinh cần lao động với thành quả có được do chính mình tạo ra là niềm hạnh phúc thật sự.

Đối với niềm vui thứ hai là được giàu có. Đức Phật dạy: “*Thế nào là niềm vui được giàu có? Ở đây vị gia chủ được giàu có nhờ phần đầu tích cực, vui vẻ nhờ giàu có mà làm nhiều việc lành. Vì có suy nghĩ: “Nhờ giàu có mà có thể hưởng thụ sự giàu có và làm các việc thiện lành”, cho nên niềm vui và sự thỏa mãn đến với ông ta. Đó là niềm vui được giàu có*”. Niềm vui thứ hai bắt nguồn từ niềm vui thứ nhất mà Phật tử tại gia có được. Đó là kết quả tích cực từ sự tích lũy của cải chân chánh do sức lao động và trí tuệ của mình làm ra. Nhờ vậy, trở nên giàu có mới hội đủ điều kiện làm việc thiện lành. Điều này có nghĩa là sự phát tâm chia sẻ và thực hành hạnh bố thí, cúng dường – một trong những hạnh tu Bồ thí ba la mật trong lục độ, sẽ đem lại giá trị hạnh phúc tự thân và cộng đồng.

Niềm vui thứ ba là niềm vui không có nợ nần. Đức Phật dạy: “*Thế nào là niềm vui không có nợ nần? Ở đây vị gia chủ không có nợ nần, nhiều hay ít đối với bất cứ một ai. Và có ý nghĩ “không có mắc nợ dù ít*

Đạo Phật là đạo của niềm vui và sự an lạc dành cho tất cả mọi người hiện hữu trên thế gian này, không biệt màu da, sắc tộc, giai cấp hay thành phần nào trong xã hội.

hay nhiều đối với bất cứ ai”, cho nên niềm vui và thỏa mãn đến với ông ta. Đó là niềm vui không có nợ nần”. Xem ra, niềm vui thứ ba là niềm vui của Phật tử tại gia không có nợ nần với bất cứ ai trong cuộc sống thường nhật, cơm gạo áo tiền hay buôn bán làm ăn. Có thể nói, đây là niềm vui cá nhân, thể hiện tính độc lập tự chủ sinh mạng của mình.

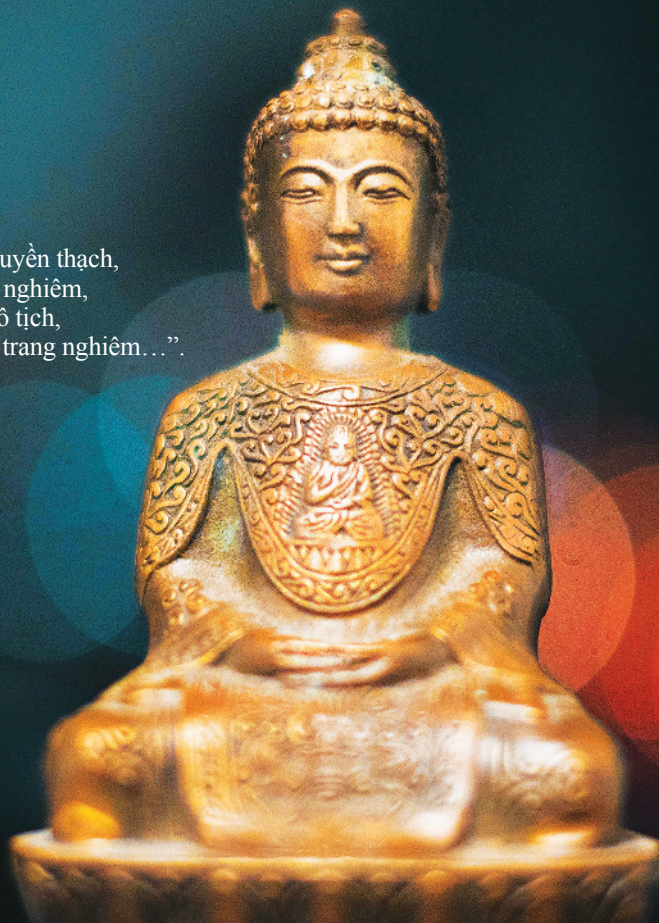
Niềm vui thứ tư là niềm vui không bị người khác chê trách. Đức Phật dạy: “*Và thế nào là niềm vui không bị chê trách? Ở đây vị gia chủ Thánh đệ tử có niềm vui vì các hành động ở nơi thân, lời nói và ý nghĩ của mình đều không có gì đáng chê trách. Với ý nghĩ: “Tôi không có gì đáng chê trách ở nơi thân, miệng và ý”, niềm vui và thỏa mãn đến với ông ta*” [3]. Đây chính là niềm vui của sự hoan hỷ, bởi tự thân không có sự chê trách về lời nói, việc làm và cả ý nghĩ trong suy tư. Tại đây tâm an nhiên không có sự lo âu, phiền não. Tiếp đó, Đức Phật nói trong bốn niềm vui trên của người tại gia, niềm vui không có gì đáng chê trách nơi hành động, lời nói và ý nghĩ là siêu việt hơn cả.

Dẫn chứng các đoạn kinh trên để khẳng định Đức Phật không phải nói đời là khổ, chỉ có khổ cho những người không biết tu tập tự thân. Được sinh

ra ở cõi người là cõi thiện, cõi lành và được sanh làm người là điều hạnh phúc. Thế nhưng, Đức Phật là bậc trí tuệ lớn, Ngài không muốn con người an phận với đời sống, với những niềm vui tầm thường, nhỏ bé, giả tạo của thế tục. Ngài muốn con người sống nếp sống hướng thượng, rời bỏ niềm vui thế tục, vươn tới niềm vui chắc thật, vững bền của giác ngộ và giải thoát.

Nếu Niết Bàn được đạo Phật xác nhận là niềm vui, niềm an lạc không gì hơn, thì ngay trong quá trình tu tập tiến tới cảnh giới Niết Bàn, Phật tử đã có thể hưởng được hương vị thật sự của niềm vui đó, khi lần lượt cởi bỏ ba độc tham sân si và các phiền não khác. Chính Đức Phật nói tới niềm vui thật sự ở nhiều trường hợp trong khi học Phật, tu theo Phật, chứng ngộ đạo Phật. Ví dụ, Đức Phật nói tới niềm vui giải thoát của người sống đời phạm hạnh, cởi bỏ mọi dục vọng và pháp bất thiện, khi Ngài nói đến tâm trạng của người chứng sơ thiền. Sơ thiền là cấp thiền định thứ nhất, người tu thiền đạt được khi xóa bỏ hết năm triền cái (tức năm ràng buộc), cụ thể là xóa bỏ tham dục, sân hận, hôn trầm thụy miên, trạo cử và nghi. Cấp sơ thiền thường được kinh Phật mô tả bằng lời lẽ như một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ. Hỷ lạc là niềm vui trong tâm và thân.

“Vui thay tu đạo Thích!
Vui thay tu đạo Thích!
Lọ phải thành đồ, nẻo nẻo tuyên thạch,
Dù ngồi nơi cảnh trí trang nghiêm,
Hoặc ở chốn chùa chiền cô tịch,
Đâu cũng giòng phúc đức trang nghiêm...”.



Đến cấp thiền thứ hai, người tu hành cảm nhận một niềm vui sâu sắc hơn, cao cấp hơn mà kinh Phật mô tả bằng lời lẽ như: *“Một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh, nhất tâm”*. Như vậy ở cấp Sơ thiền, nguồn gốc của niềm vui (hỷ lạc) là do cõi bỏ được dục vọng và các pháp bất thiện. Cấp thiền thứ hai, nguồn gốc của niềm vui là do định tâm. Tâm của người tu thiền định tĩnh tập trung vào một điểm (nội tĩnh nhất tâm).

Đến cấp thiền thứ ba, người tu thiền bỏ cả hỷ (nếu là niềm vui trong tâm), cảm nhận một niềm vui cao cấp hơn nữa, mà kinh sách thường mô tả bằng lời lẽ như: *“ly hỷ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc thánh gọi là xả niệm lạc trú”*. Như vậy, niềm vui của cấp thiền thứ ba không còn do ly dục hay định tâm nữa, mà do xả. Xả là cõi bỏ. Cõi bỏ gì ở cấp thiền này? Xả ở đây chỉ một tâm trạng giải thoát, không còn gắn bó vào một cái gì nữa, kể cả hỷ. Bởi hỷ là tâm vui, mà tâm vui nghĩa là còn động. Khi tâm đã trú xả thì không còn động nữa.

Còn cảnh giới cấp thiền thứ tư thường được kinh Phật mô tả rằng: *“Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh”*. Đến cấp thiền thứ tư, người

tu thiền không những bỏ hỷ mà bỏ các lạc nữa. Tâm thanh tịnh hoàn toàn, không phải là niềm vui của định tâm, mà là niềm vui của xả, của giải thoát.

Tóm lại, cuộc sống vốn biến động, thay đổi không ngừng. Cũng từ trong sự biến động và thay đổi đó, con người phải đối diện biết bao khổ đau giữa hiện hữu và mất đi, giữa sự sống và cái chết, giữa chân thật và giả danh... Chính khổ đau đó mà đạo Phật đã đem đến cho con người hạnh phúc từ những niềm vui và sự an lạc khi học Phật, làm theo Phật và chứng đắc quả vị Phật. Rõ ràng, đạo Phật là đạo của niềm vui và sự an lạc dành cho tất cả mọi người hiện hữu trên thế gian này, không biệt màu da, sắc tộc, giai cấp hay thành phần nào trong xã hội. Đó là giá trị đạo Phật đem đến cho con người, cho cuộc sống như hương thơm quả ngọt trở đầy vào mùa xuân tươi thắm.

Chú thích:

* Thượng tọa, Tiến sĩ Thích Phước Đạt - Ủy viên Hội đồng Trị sự, Phó ban kiêm Chánh Thư ký Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

[1] *Kinh Tiểu Kinh Khổ Uẩn*, kinh 14, Trung Bộ Kinh, tập I, Trường Cao cấp Phật học, 1986, tr.210.

[2] Thích Minh Châu (1986), *Kinh Trung Bộ*, tập III, Trường Cao cấp Phật học, tr.336.

[3] *Kinh Tăng Chi*, tập III, tr.77-78.

Niêm Hoa Vi Tiểu: *mùa xuân* trong Kinh Pali

Nguyễn Giác



Trong cái thấy vô thường, vô ngã đó chính là cái tinh thức hiển lộ của tâm giải thoát bất động, theo Lâm Tế Lục chính là Ba Thân Phật hiển lộ trong từng sát na; niệm thanh tịnh là Pháp Thân, không phân biệt là Báo Thân, không sai biệt là Hóa Thân. Trong cảm thọ vô thường chảy xiết không có niệm lạnh dữ, không có niệm phân biệt và tất cả bình đẳng trong rỗng rang vô tướng.



“Kinh Kim Cang nói quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc, xin hỏi Thượng tọa điểm tâm nào?” Dò lại, chúng ta sẽ thấy Đức Phật trong Kinh tạng Pali nhiều lần nói rằng, đó là cách vượt qua dòng nước lũ [già, chết]: tâm giải thoát bất động [dẫn trên] vốn lia cả ba thời quá-hiện-vị lai, vì hễ vấn vương quá khứ là lùi lại, hễ mộng tưởng tương lai là bước tới và hễ dính vào hiện tại [sắc thanh hương vị xúc pháp] là đứng lại giữa dòng, cả ba tâm đều giữ chúng ta trong ba cõi.

Bài viết này sẽ đối chiếu câu chuyện Niêm Hoa Vi Tiểu trong Thiền tông với một số Kinh trong Tạng Pali, để thấy Thiền tông là cô đọng của nhiều lời dạy cốt tủy của Đức Phật.

NIÊM HOA VI TIỂU

Tích Niêm Hoa Vi Tiểu kể rằng một hôm trên núi Linh Thứu, Đức Thế Tôn lặng lẽ đưa lên một cành hoa. Đại chúng ngơ ngác không hiểu, duy ngài Ma Ha Ca Diếp mỉm cười. Đức Phật nói: “*Ta có Chánh pháp vô thượng, Niết bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, pháp môn vi diệu, bất lập văn tự, truyền ngoài giáo pháp, nay trao cho Ca Diếp*”. Tích này không được ghi trong các kinh Phật thuộc Tạng Pali và Tạng A Hàm, có thể vì vài thế kỷ sau mới có văn tự để viết và do quan điểm kết tập nên không được ghi lại vào thời điểm đó, hoặc cũng có thể quý ngài đời sau nghĩ ra tích này để giải thích một số điểm cốt tủy trong Phật pháp và làm chỗ y cứ cho Thiền tông.

Trong câu vừa dẫn, Niết bàn là giải thoát, khi tâm đã lia tham sân si, ngoài tâm sẽ không có Niết bàn. Niết bàn còn có nghĩa là tắt ngọn lửa của phiền não, đau khổ và tái sinh. Khi lửa tắt, không ai nói được lửa về đâu, nghĩa là trong tâm của người giải thoát sẽ vắng bật cái chấp về không gian và thời gian. Bậc giải thoát nhìn thấy thật tướng của tất cả các pháp chính là vô tướng, tức trong khi đang đi đứng nằm ngồi trong cõi này, người giải thoát vẫn thấy trong thật tướng không có núi non sông hồ, không có người và cũng không có ta, không có xanh đỏ trắng vàng, không có vuông tròn, không hôm qua, không ngày mai, không hôm nay. Rất nhiều kinh Phật mở đầu bằng câu: “*Mắt*

là vô thường, cái được thấy là vô thường, tai là vô thường, cái được nghe là vô thường... [tương tự] cái được thấy là vô ngã, cái được nghe là vô ngã...”. Trong dòng vô thường chảy xiết, không có cái gì gọi được là cái gì. Do vậy, mới gọi là vô tướng. Đức Phật cũng thường dẫn ra tiếng đàn để chỉ pháp ấn vô thường, vô ngã (nơi đó, Thiền tông nói tâm ba thời đều bất khả đắc, dù là tâm quá khứ đã nghe, tâm hiện tại đang nghe và tâm vị lai chưa nghe...). Có nhiều kinh, Đức Phật nói các pháp hữu vi như bọt sóng, như mộng, như huyễn, như sương, như chớp... để chỉ thật tướng vô tướng. Niết bàn diệu tâm còn được Đức Phật gọi là tâm giải thoát bất động. Trong Kinh Trung Bộ MN 30, Đức Phật nói: “*Và này Bà-la-môn, tâm giải thoát bất động chính là mục đích của phạm hạnh này, là lõi cây của phạm hạnh, là mục tiêu cuối cùng của phạm hạnh*” [1]. Chính tâm giải thoát bất động đó được Thiền tông gọi là Niết bàn Diệu tâm.

Tại sao nói pháp môn vi diệu này không dùng tới văn tự chữ nghĩa? Bởi đây là pháp đốn ngộ, mọi chuyện khác đều dựa vào văn tự chữ nghĩa (biểu tượng, còn gọi là ngón tay chỉ trăng). Ngay khi thấy hoa hiện lộ trước mắt, khoảnh khắc đó tâm lia tham sân si; nếu tâm còn dính tới văn tự chữ nghĩa, còn gọi phân biệt suy lường thì cái nhìn đó không còn là cái được thấy mà chỉ còn là cái được vin vào ngón tay, cái được vin vào chữ nghĩa hình ảnh trong tâm. Ngài Nam Tuyền nói khi

Rất nhiều kinh Phật mở đầu bằng câu: “Mắt là vô thường, cái được thấy là vô thường, tai là vô thường, cái được nghe là vô thường... [tương tự] cái được thấy là vô ngã, cái được nghe là vô ngã...”. Trong dòng vô thường chảy xiết, không có cái gì gọi được là cái gì. Do vậy, mới gọi là vô tướng.

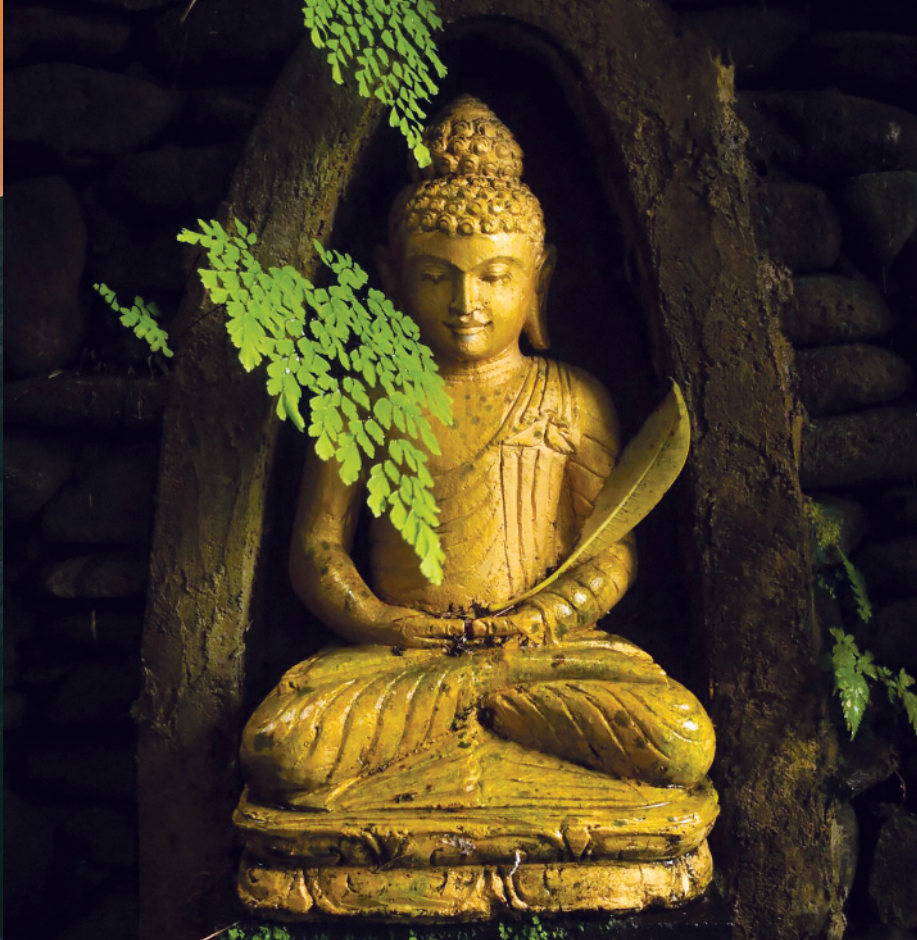
xa lìa cái đồn ngộ hiện tiền chính là rơi vào cái học của chữ nghĩa, ví von như “*cướp qua rồi mới trương cung*”. Cái thấy của giải thoát chỉ tức khắc, không lưu chữ nghĩa hình ảnh nào trong tâm, vì thấy các pháp tự rỗng rang vô tướng trong dòng vô thường và vô ngã. Tương tự, khi nghe một ca khúc, hay nghe một con chim hót, hễ còn “*văn tự chữ nghĩa suy lường*”, cái nghe đó đã bị chệch hướng, trở thành suy nghĩ về cái nghe và mất cái hiện tiền. Người đồn ngộ là người sống với thực tướng vô tướng và giải thoát ngay trong hiện tại. Vì là pháp không dựa vào văn tự chữ nghĩa, nên còn gọi là truyền ngoài giáo điển.

THỰC HÀNH PHẠM HẠNH

Trong Kinh Tạng Pali, Đức Phật nói đó là “*chứng ngộ ngay trong hiện tại*” và người có trí sẽ chứng ngộ mà không cần mất tới bảy năm hay bảy tháng, bảy ngày.... Trong *Trường Bộ Kinh* DN 25, *Kinh Ưu-đàm-bà-la sư tử hống*, bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu, trích lời Đức Phật nói với du sĩ Nigrodha: “*Vị ấy cần có bảy năm. Nay Nigrodha, đâu cần phải bảy năm! Nếu vị ấy thực hành đúng như điều đã dạy, vị ấy sẽ tự biết mình và chứng ngộ ngay trong hiện tại phạm hạnh và mục tiêu vô thượng mà vì lý tưởng này các Thiện nam tử từ bỏ gia đình, xuất gia tu đạo, chỉ cần có sáu năm, năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm, một năm ... chỉ cần bảy tháng, một tháng, nửa tháng. Nay Nigrodha, đâu cần có nửa tháng! Người có trí*

hãy đến đây, trung thực, không lừa đảo, chơn thực, Ta sẽ huấn dạy, Ta sẽ thuyết pháp. Nếu vị ấy thực hành đúng như điều đã dạy, vị ấy sẽ tự biết mình và chứng ngộ ngay trong hiện tại, phạm hạnh và mục tiêu vô thượng, mà vì lý tưởng này các thiện nam tử từ bỏ gia đình, xuất gia tu đạo, vị ấy chỉ cần có bảy ngày” [2].

Tới đây, câu hỏi là, làm thế nào chứng ngộ trong hiện tại? Đức Phật trong *Kinh Tương Ưng* SN 35.147 nói rằng con đường thích ứng với Niết bàn là thấy vô thường thường trực nơi mắt, nơi cái được thấy, nơi cái biết về cái được thấy... nơi tai, nơi cái được nghe, nơi cái biết về cái được nghe... nơi sáu căn đều thấy vô thường như thế. Nghĩa là, tất cả những cái được thấy đều như phim ảnh trước mắt, tất cả những cái được nghe đều như tiếng đàn do duyên hình thành bên tai rồi tan biến như chẳng về đâu. Kinh SN 35.147, bản dịch của thầy Thích Minh Châu như sau: “*Và này các Tỷ kheo, thế nào là con đường thích ứng với Niết bàn? Ở đây, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo thấy mắt là vô thường, thấy các sắc là vô thường, thấy nhãn thức là vô thường, thấy nhãn xúc là vô thường. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là vô thường... tai... mũi... lưỡi... thân... thấy ý là vô thường, thấy các pháp là vô thường, thấy ý thức là vô thường, thấy ý xúc là vô thường. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất*



Đức Phật nói: “Ta có Chánh pháp vô thường, Niết bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, pháp môn vi diệu, bất lập văn tự, truyền ngoài giáo pháp, nay trao cho Ca Diếp”.

lạc; cảm thọ ấy là vô thường. Và này các Tỳ kheo, đây là con đường thích ứng với Niết-bàn” [3].

Tương tự, trong Kinh SN 35.149, y hệt Kinh SN 35.147 đã trích trên, chỉ thay chữ “vô thường” bằng chữ “vô ngã” cho toàn bộ kinh. Tức là, thường trực cảm thọ trận gió vô thường lưu chảy xiết, nhưng vẫn hiển lộ sáng tỏ Niết bàn diệu tâm, nơi các đoạn trên Đức Phật gọi là tâm giải thoát bất động, nơi Thiền tông còn gọi là Thấy Tánh, còn gọi là Vô Vị Chân Nhân (người thật, không nơi chốn, không vị trí thứ bậc...). Lâm Tế Lục viết rằng con quỷ vô thường từng khoảnh khắc, từng sát na đang sát hại tất cả chúng ta không phân biệt già trẻ, sang, hèn. Nhưng cái thấy tâm giải thoát bất động đó chính là cái bật sáng của tỉnh thức, nơi đó chính là vô sự (không thấy việc gì để làm), vô cầu (không thấy có gì để tìm cầu), nơi đây không thấy cái gì là “tôi với của tôi” và cũng không thấy gì gọi là ta hay người. Trong cái thấy vô thường, vô ngã đó chính là cái tỉnh thức hiển lộ của tâm giải thoát bất động, theo Lâm Tế Lục chính là Ba Thân Phật hiển lộ trong từng sát na: niệm thanh tịnh là Pháp Thân, không phân biệt là Báo Thân, không sai biệt là Hóa Thân. Trong cảm thọ vô thường chảy xiết không có niệm lành dữ, không có niệm phân biệt và tất cả bình đẳng trong rỗng rang vô tướng.

Trong Thiền sử cũng kể về lời một bà cụ hỏi ngài Đức Sơn: “*Kinh Kim Cang nói quá khứ tâm bất khả*

đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc, xin hỏi Thượng tọa điểm tâm nào?” Dò lại, chúng ta sẽ thấy Đức Phật trong Kinh Tạng Pali nhiều lần nói rằng, đó là cách vượt qua dòng nước lũ [già, chết]: tâm giải thoát bất động [dẫn trên] vốn lìa cả ba thời quá-hiện-vị lai, vì hễ vẩn vương quá khứ là lùi lại, hễ mộng tưởng tương lai là bước tới, và hễ dính vào hiện tại [sắc thanh hương vị xúc pháp] là đứng lại giữa dòng, cả ba tâm đều giữ chúng ta trong ba cõi. Thái độ phải là vô sự khi tỉnh thức, nhận ra và cảm thọ vô thường, vô ngã, thấy thực tướng các pháp đều rỗng rang vô tướng. Ngay nơi đó, Đức Phật nhiều lần gọi là chúng ngộ ngay trong hiện tại mà không cần gì tới bảy năm hay bảy ngày. Ngay khi mây được nhìn thấy tự rời tan, ngay khi tiếng đàn được nghe rồi tan biến và tâm vẫn tỉnh thức, tịch lặng với cảm thọ về vô thường và vô ngã, không còn tâm nào chạy theo lành/dữ, ưa/ghét thì tâm đó đã lìa tham sân si. Đó là giải thoát ngay trong hiện tại.

Chú thích:

[1] HT. Thích Minh Châu (dịch), *Trung Bộ Kinh*, “Tiểu kinh Dụ lời cây”, https://suttacentral.net/mn30/vi/minh_chau?reference=none&highlight=false.

[2] HT. Thích Minh Châu (dịch), *Trường Bộ Kinh*, “Kinh Ưu-đàm-bà-la Sur từ hồng”, https://suttacentral.net/dn25/vi/minh_chau?reference=none&highlight=false.

[3] HT. Thích Minh Châu (dịch), *Tương ưng Bộ Kinh*, “Kinh Thích ứng”, https://suttacentral.net/sn35.147/vi/minh_chau?reference=none&highlight=false.

Tử Nhiếp pháp

- Pháp hành vun trồng *phước đức và trí tuệ*

ĐĐ. Thích Thiện Mãn*



“Pháp thí thắng mọi thí,
Pháp vị thắng mọi vị,
Pháp hỷ thắng mọi hỷ,
Ái diệt thắng mọi khổ”.

Là hàng đệ tử Phật, dù xuất gia hay tại gia, ai ai cũng đều phải nỗ lực nói năng và hành động đúng như chánh pháp nhằm hoàn thiện đạo đức tự thân, phát triển đạo đức gia đình và xã hội trong hiện tại, và hướng đến đạo đức giải thoát trong tương lai. Trên lộ trình vun trồng phước điền và phát triển hạt giống tri tuệ, hành giả phải tinh tấn thực hành mười điều thiện (Thập thiện), con đường tám chánh (Bát chánh đạo), bốn chỗ nhớ nghĩ (Tứ niệm xứ), bốn tâm vô lượng (Tứ vô lượng tâm),... trong đó có bốn phương pháp nhiếp hoá chúng sanh (Tứ nhiếp pháp).

KHÁI NIỆM VỀ TỨ NHIẾP PHÁP

Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, Tứ nhiếp pháp (Sanskrit: Catvāri saṃgraha vastūni, Pāli: Catvari saṃgraha vasthūni, Hán: 四攝法) hay còn được gọi là Tứ sự nhiếp pháp, Tứ nhiếp sự, Tứ tập vật, Tứ nhiếp, Tứ sự, Tứ pháp, Tứ chủng xả ác pháp. Tứ nhiếp pháp là bốn phương pháp gồm bố thí (布施), ái ngữ (愛語), lợi hành (利行) và đồng sự (同事) được Bồ tát thực hành để nhiếp hóa chúng sanh tu học Phật pháp đạt đến sự giác ngộ và giải thoát [1].

Đức Phật đã dạy cho hàng đệ tử về mối tương quan và lợi ích của việc thực hành bốn nhiếp pháp trong *Kinh Tăng Chi Bộ*, chương Bốn pháp như sau:

“Bố thí và ái ngữ,
Lợi hành và đồng sự,
Đối với những pháp này,
Ở đời đối xử nhau,
Chỗ này và chỗ kia,
Như vậy thật tương xứng,
Và bốn nhiếp pháp này,
Như đỉnh đầu trực xe,
Nếu thiếu nhiếp pháp này,
Thời cả mẹ lẫn cha,
Không được các người con,
Tôn trọng và cung kính,
Do vậy bậc hiền trí,
Đồng đẳng nhìn nhiếp pháp,
Nhờ vậy họ đạt được,
Sự cao lớn, tán thán” [2].

Đồng thời, bốn phương pháp này được tìm thấy trong Kinh tạng Nikāya như: *Kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt*, *Kinh Phúng tụng* thuộc *Kinh Trường Bộ*; bài *Kinh Nhiếp pháp* (chương Bốn pháp, phẩm Thắng trí, số 253) và bài *Kinh Những sức mạnh* (chương Chín pháp, phẩm Chánh giác, số 5) thuộc *Kinh Tăng Chi Bộ*. Ngoài ra, một số bài kinh trong kinh tạng A-hàm cũng có đề cập đến tứ nhiếp pháp như: bài *Kinh Chúng tập* thuộc *Kinh Trường A-hàm*; bài *Kinh Thủ trưởng giả (1)* và bài *Kinh Thiện Sanh* thuộc *Kinh Trung A-hàm*; bài *Kinh số 3* (chương Bốn pháp, phẩm Tu Đà) thuộc *Kinh Tăng Nhất A-hàm*;...

Để thực hành pháp tứ nhiếp, hành giả phải trải bốn tâm vô lượng là tâm Từ vô lượng, tâm Bi vô lượng, tâm Hỷ vô lượng và tâm Xả vô lượng một cách cùng khắp, như ánh sáng mặt trời chiếu rọi khắp muôn phương, như trận mưa thấm ướt tất cả cỏ cây. Đồng thời, vị đồ cần phải nỗ lực thực hành tốt một số phẩm chất đạo đức như: tâm quý, khiêm hạ, kiên định, trung thực, không phóng dật, tri ân và báo ân, nhẫn nhục, buông xả, tiết tháo, dấn thân,... trong đời sống tu tập hàng ngày của mình giữa cuộc sống đầy hơn thua và khổ đau này [3].

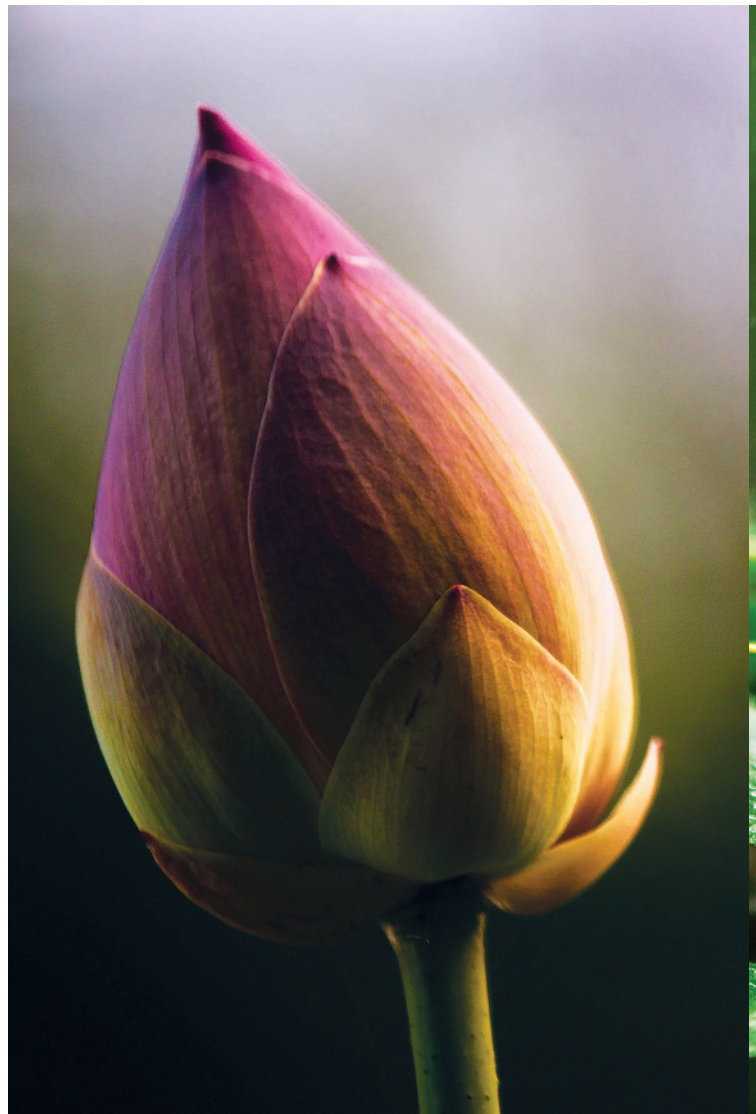
VUN TRỒNG PHƯỚC ĐIỀN QUA PHÁP HÀNH TỨ NHIẾP

Phước điền (Sanskrit: Punnya ksetra, Pāli: Punna kkheta, Hán: 福田) là mảnh ruộng

có khả năng sinh trưởng phước đức; giống như người nông dân gieo cấy và chăm sóc thửa ruộng mà có thu hoạch. Trong *Kinh Ưu bà tắc giới*, quyển 3, phẩm Cúng dường Tam bảo (số 17), Đức Phật dạy cho cư sĩ Thiện Sanh về ba loại ruộng phước thế gian: ruộng Báo ân, ruộng Công đức và ruộng Bần cùng. **Thứ nhất** về ruộng Công đức (hay còn gọi là Công đức phước điền, Cung kính phước điền, Kính điền) nghĩa là ruộng phước phát sanh do chúng sanh cung kính và cúng dường Tam bảo, tu tập “*từ khi đạt được noãn pháp cho đến khi được Chánh đẳng chánh giác vô thượng*”. **Thứ hai** là ruộng Báo ân (hay còn gọi là Báo ân phước điền, Ân điền) nghĩa là ruộng phước phát sanh từ việc con cháu báo đáp ân sanh thành, dưỡng dục của cha mẹ và ông bà, hàng đệ tử báo đáp ân răn dạy của Thầy Tổ. **Thứ ba** là ruộng Bần cùng (hay còn gọi là Bần cùng phước điền, Lân mẫn phước điền, Bi điền) nghĩa là ruộng phước phát sanh từ sự thương xót giúp đỡ những người bệnh tật, người cùng khổ [4].

Về bồ thí [5], Đức Phật khuyến tấn hàng đệ tử trong *Kinh Ưu bà tắc giới* phải chí tâm thí, tự tay mình đưa vật thí, tín tâm thí, bồ thí theo thời tiết, và bồ thí đúng như pháp sẽ được phước báo như “*nhiều của cải quý, vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, ngọc báu, san hô, voi, ngựa, bò, dê, ruộng vườn, nhà cửa, nô tỳ, và nhiều người thân thuộc,...*” [6]. Con người cảm thấy sợ hãi khi phải đối diện với sự già yếu, bệnh tật, chết trong mê loạn, tiếng xấu đồn khắp, hội chúng đông, nghịch cảnh của thiên nhiên,... Bằng tình thương bao la rộng lớn, Bồ tát Quán Thế Âm đã an tâm cho chúng sanh trước mọi nguy hiểm của thiên nhiên và con người bằng pháp tu vô úy thí. Ngài đã ứng hiện hoá thân khác nhau từ thân Phật cho đến thân người hoặc chẳng phải người để cứu độ chúng sanh rớt xuống hầm lửa, trôi dạt biển lớn, bị thuốc độc hại, thú dữ vây quanh,... bởi vì “*mất lành trông chúng sanh, biển phước lớn không lường*” [7].

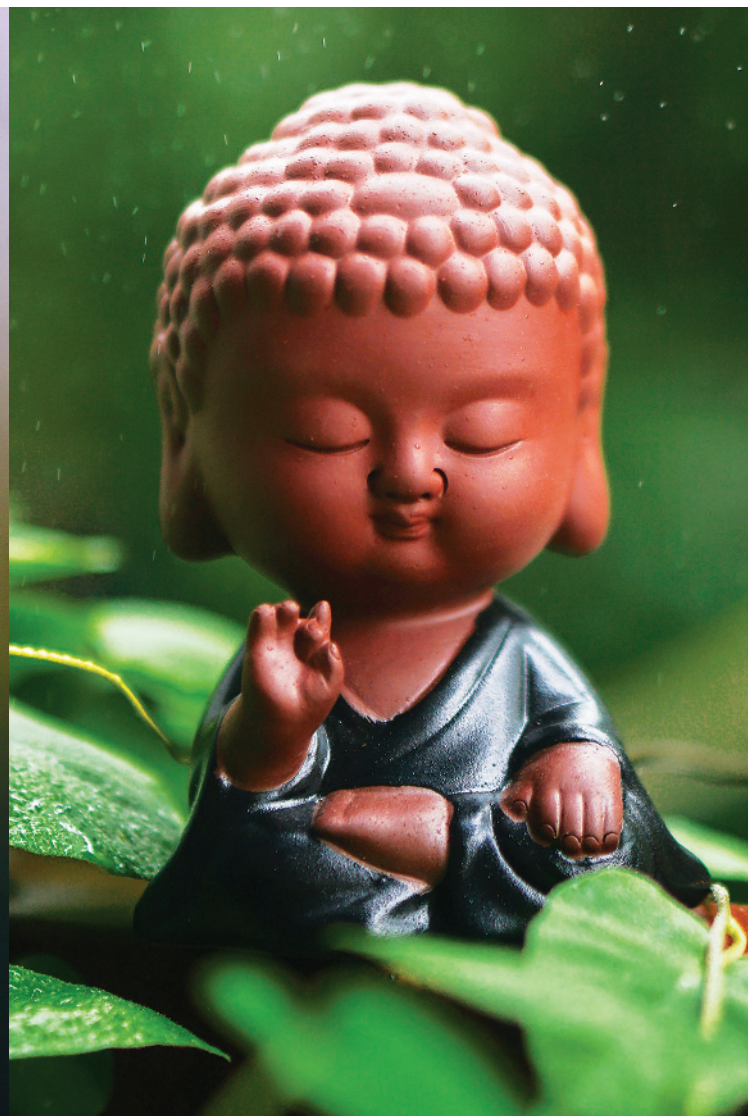
Hành động lợi ích cho chúng sanh xuất phát từ thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Lời nói phát xuất từ tâm, đậm chất thiện cảm, mang chất liệu chân thật giúp gắn kết tình người lại với nhau. Hành giả không nên nói những lời dối trá, nói lưỡi hai chiều, thêu dệt câu chuyện sai sự thật, hoặc những lời hung ác mạ nhục người, cậy thế ý quyền lấn át người khác,... Đức Phật đã thức tỉnh tôn giả La Hầu La về tác hại của nói dối qua câu chuyện chẫu



Với tinh thần lấy trí tuệ làm sự nghiệp hàng đầu trong việc tu tập, việc không nghe, không hỏi có thể xem là việc chướng ngại cho trí tuệ. Chính vì thế, việc lắng nghe và cất vắn những nghi ngờ là những yếu tố thiết thực quan trọng cho trí tuệ của hành giả tu tập giác ngộ và giải thoát.

nước. Ngoài ra, hình ảnh Bồ tát Trì Địa xây cầu, đắp đường,... giúp ích cho người dân đi lại trong sinh hoạt hằng ngày.

Cuối cùng là đồng sự, tức là hoà đồng với mọi người trong xã hội trong các công việc như quét rác, tụng kinh, học hành trên lớp, nghe pháp, hoạt động từ thiện vùng bão lụt,... Đồng sự có thể ví von là những xẻng đất khoả lấp hố sâu ngăn cách mình và mọi người, tạo sự gắn kết giữa người với người



Hành động lợi ích cho chúng sanh xuất phát từ thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Lời nói phát xuất từ tâm, đậm chất thiện cảm, mang chất liệu chân thật giúp gắn kết tình người lại với nhau.

trong cuộc sống này. Hình ảnh ông trưởng giả cải trang thành người hốt phân để gần gũi và khuyên gã cùng từ siêng năng làm và giao phó tài sản cho trong phẩm Tín giải của *Kinh Diệu pháp Liên hoa* là một ví dụ như thế.

PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ TỪ VIỆC THỰC HÀNH TỨ NHIỆP PHÁP

Trí tuệ (智慧) hay còn gọi là Bát nhã (般若) có được từ việc tu tập Bát chánh đạo (chánh kiến,

chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và sáu pháp ba la mật (bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ) mà chân thật hiển hiện. Bát nhã được phân thành hai loại, ba loại và năm loại. Về hai loại có ba trường hợp:

Thứ nhất là Cộng bát nhã (trí tuệ chung hàng Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát) và Bất cộng bát nhã (trí tuệ của riêng hàng Bồ tát).

Thứ hai là Thật tướng bát nhã (trí tuệ vốn có của tất cả chúng sanh) và Quán chiếu bát nhã (trí tuệ quán chiếu vạn pháp).

Thứ ba là trí thế gian (trí thế tục tương đối) và trí tuệ xuất thế gian (trí tuệ siêu việt khỏi ba cõi). Về ba loại gồm có Thật tướng bát nhã, Quán chiếu bát nhã và Văn tự (Phương tiện) bát nhã (trí tuệ suy xét vạn pháp một cách tường tận). Về năm loại gồm có Thật tướng bát nhã, Quán chiếu bát nhã, Văn tự bát nhã, Cảnh giới bát nhã (vạn pháp làm đối tượng của trí tuệ), và Quyển thuộc bát nhã (các pháp môn hỗ trợ cho việc phát sanh trí tuệ như Tứ vô lượng tâm, Tứ nhiếp pháp,...) [8].

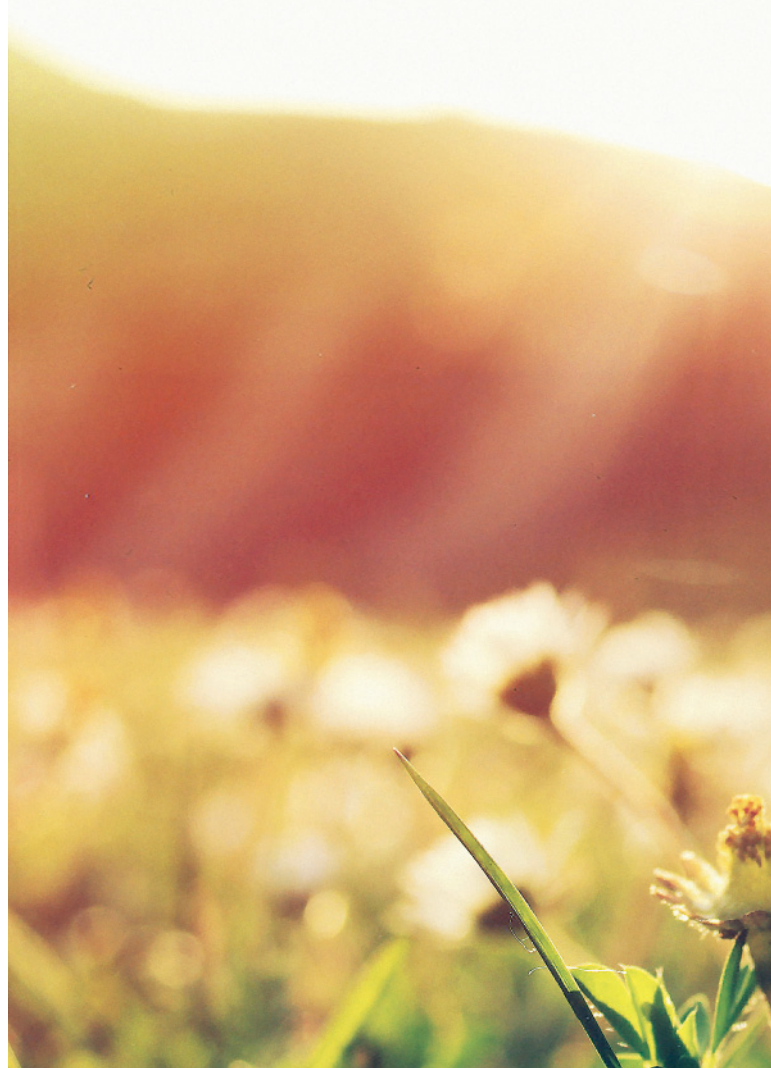
Đức Phật dạy trong *Kinh Đại tập* rằng: “Bồ tát bố thí những vật sau đây sẽ được đầy đủ trí tuệ:

- 1/ Bồ thí giấy, bút và mực, ... để pháp sư chép kinh, viết sách;
- 2/ Dâng cúng dường pháp sư sàng tọa được trang trí sạch sẽ;
- 3/ Cúng dường pháp sư những vật dụng cúng dường cần thiết;
- 4/ Tán thán pháp sư với lòng thành kính” [9].

Đồng thời, hành giả trí tuệ thực hành bố thí sẽ không mong cầu báo ân, không vì cầu sự nghiệp, không khiến người khác tham lam hay bòn xén, không vì cầu thọ hưởng cảnh an vui ở cõi trời, không vì cầu tiếng tốt vang khắp mọi nơi, không vì sợ khổ ba đường ác, không vì sự cầu xin của người khác, không vì muốn được hơn người khác, không vì sợ mất tài sản, không vì muốn có nhiều tài sản, không vì vật của người khác không dùng, không vì tục lệ của gia đình, không vì sự gần gũi. Hành giả làm với tâm không hối tiếc, không mong cầu phước báo thế gian, không khởi phiền não khi bố thí sẽ đạt được sự thanh tịnh giải thoát [10].

Trong *Kinh Tăng Chi Bộ*, chương Hai pháp, phẩm Bồ thí, Đức Phật dạy: “*Này các Tỳ kheo, có hai loại*

Để thực hành pháp tứ nhiếp, hành giả phải trải bốn tâm vô lượng là tâm Từ vô lượng, tâm Bi vô lượng, tâm Hỷ vô lượng và tâm Xả vô lượng một cách cùng khắp, như ánh sáng mặt trời chiếu rọi khắp muôn phương, như trận mưa thấm ướt tất cả cỏ cây.



bố thí này. Thế nào là hai? Bố thí tài vật và bố thí pháp. Hai pháp này, này các Tỳ kheo, là hai loại bố thí. Tối thắng trong hai loại bố thí này, này các Tỳ kheo, tức là bố thí pháp” [11]. Điều này cũng được nhắc đến trong *Kinh Pháp cú*, phẩm Tham ái, bài kệ số 354 như sau:

*“Pháp thí thắng mọi thí,
Pháp vị thắng mọi vị,
Pháp hỷ thắng mọi hỷ,
Ái diệt thắng mọi khổ”* [12].

Nhờ nghe pháp, chúng sanh đoạn trừ tâm sân hận mà phát triển tâm từ bi, không trộm cắp tài vật mà biết bố thí, cúng dường hay từ thiện, tinh tấn tu tập dứt trừ tâm buông lung, an trú trong chánh pháp để đoạn trừ si mê, phát triển tín tâm với Tam bảo, thánh giới, nhân quả nghiệp báo mà không chút nghi ngờ. Qua đó, vị thí chủ sẽ đạt được những lợi ích như tướng tốt, sống lâu, tài vật, sức khỏe, an lạc, trí tuệ biện tài, tín tâm, đa văn, ... [13]. Đặc biệt trong đại nguyện thứ 11 của Đức Phật Dược Sư có dạy rằng trước khi hoá độ người nghèo khó tu tập (pháp thí), Ngài sẽ cho người đó thức ăn, vật chất được no đủ (tài thí). Phương pháp này đã được các đoàn từ thiện xưa và nay áp dụng một cách rộng rãi. Đỉnh cao của pháp bố thí chính là bố thí

ba la mật, tức là dâng cúng bằng tâm thanh tịnh, chân chánh, lòng từ bi quảng đại, cung kính, không phân biệt hơn thua, không cầu danh lợi, không trụ tướng, không cần khen ngợi, đạt đến “*tam luân không tịch*” tức là không thấy người thí, người nhận thí và vật thí.

Về ái ngữ, Đức Phật là bậc thầy vĩ đại trong nghệ thuật giao tiếp và giáo dục. Bằng tâm từ bi, Ngài đã thuyết pháp độ tướng cướp Angulimāla xuất gia học đạo, cho phép tôn giả Phú Lô Na dần thân đến xứ Du Lô Na, ... Trong *Kinh Ví dụ cái cưa*, Đức Phật khuyến tấn hàng đệ tử xuất gia và tại gia luôn nói đúng thời, nói lời lợi ích, nói đúng sự thật, nói lời nhu hòa và nói lời từ tâm [14]. Với tinh thần lấy trí tuệ làm sự nghiệp hàng đầu trong việc tu tập, việc không nghe, không hỏi có thể xem là việc chướng ngại cho trí tuệ. Chính vì thế, việc lắng nghe và đặt vấn những nghi ngờ là những yếu tố thiết thực quan trọng cho trí tuệ của hành giả tu tập giác ngộ và giải thoát.

Trong *Kinh Tăng Chi Bộ*, chương Chín pháp, Đức Phật dạy chúng đệ tử xuất gia và tại gia về sự tối thượng khi thực hành bốn nhiếp pháp: “*Tối thượng trong các loại bố thí, này các tỳ kheo, là pháp thí. Tối thượng trong các loại ái ngữ, này các tỳ kheo là tiếp tục thuyết pháp*



cho những ai hy cầu và lắng tai nghe. Tôi thương trong các lợi hành, này các tỳ kheo, là đối với người không có lòng tin, khích lệ, đặt vào, an trú vào đầy đủ lòng tin; đối với người không giữ giới, khích lệ, đặt vào, an trú vào đầy đủ giới; đối với người xan tham khích lệ, đặt vào an trú vào bố thí; đối với người ác tuệ, khích lệ, đặt vào, an trú vào đầy đủ trí tuệ. Này các tỳ kheo, tôi thương trong đồng sự là đồng sự giữa bậc Dự lưu với bậc Dự lưu, bậc Nhất lai với bậc Nhất lai, bậc Bất lai với bậc Bất lai, bậc A la hán với bậc A la hán. Này các tỳ kheo, đây là sức mạnh năng nhiếp” [15].

Tóm lại, bốn nhiếp pháp là một nghệ thuật giao tiếp đặc nhân tâm, một pháp hành thiết thực của hàng Bồ tát trên bước đường lợi sanh. Bốn pháp này mang một giá trị cao đẹp trong việc tinh tấn vun bồi phước điền và phát triển hạt giống trí tuệ, hướng đến việc thanh tịnh hóa ba nghiệp tự thân, lợi lạc cho khắp quần sanh, thiết lập cõi Tịnh độ hiện tiền giữa nhân gian này.

Chú thích:

- [1] Thích Minh Cảnh (2016), *Từ điển Phật học Huệ Quang*, tập 5, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr.4817.
[2] Đại tạng kinh Việt Nam Nam truyền, Thích Minh Châu (dịch, 2018), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 1, chương Bốn pháp, phẩm Bánh xe,

Kinh Nhiếp pháp, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.370.

[3] Thích Chúc Phú (2013), *Vài vấn đề về Phật giáo và nhân sinh*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.229.

[4] Linh Sơn Pháp Bảo Đại tạng kinh, tập 82, Bộ Luật 12, số 1488 do Đàm Vô Sấm (Hán dịch), Linh Sơn Pháp Bảo (dịch, 2019), *Kinh Ưu bà tắc giới*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.147.

[5] Bồ thí: bố (佈) nghĩa là phân tán, cùng khắp; thí (施) là dâng (con cái đối với cha mẹ, người nhỏ đối với người lớn), tặng (bạn bè), cúng dường (đệ tử đối với vị Thầy),...

[6] *Kinh Ưu bà tắc giới*, kinh đã dẫn, tr.168-169.

[7] Thích Trí Tịnh (dịch, 2021), *Kinh Diệu pháp Liên hoa*, phẩm Phổ môn, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.563.

[8] Thích Minh Cảnh (2016), *Từ điển Phật học Huệ Quang*, tập 1, Nxb. Tổng hợp TP. HCM, tr.402.

[9] Thích Đạo Thế (soạn), Ban dịch thuật Hán tạng Pháp Âm (dịch, 2018), *Hương hoa vườn giáo pháp*, tập 5, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.51.

[10] *Kinh Ưu bà tắc giới*, kinh đã dẫn, tr.199-207.

[11] Đại tạng kinh Việt Nam, Thích Minh Châu (dịch, 2008), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 1, chương Hai pháp, phẩm Bồ thí, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.127.

[12] Đại tạng kinh Việt Nam, Thích Minh Châu (dịch, 2008), *Kinh Tiểu Bộ*, tập 1, *kinh Pháp cú*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.92.

[13] *Kinh Ưu bà tắc giới*, kinh đã dẫn, tr.210-211.

[14] Đại tạng kinh Việt Nam, Thích Minh Châu (dịch, 2007), *Kinh Trung Bộ*, tập 1, *kinh Ví dụ cái cưa*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.170.

[15] Đại tạng kinh Việt Nam, Thích Minh Châu (dịch, 2008), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 2, chương Chín pháp, phẩm Chánh giác, *Kinh Những sức mạnh*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.447.

Góp nhặt phúc đức và ươm mầm yêu thương

Thích Quảng Lâm (biên dịch)



Đức Thế Tôn từng nói:
“Không có niềm vui nào trên
thế gian tuyệt vời và giá trị
hơn niềm vui khi lòng tham
ái được diệt trừ.”

Cuộc đời là một chuỗi hành trình liên tiếp được xâu từ những điều bất như ý. Ngày nào chúng ta còn tồn tại trên cõi đời, thì bao mối bận tâm và lo âu phiền sẽ luôn góp một phần quan trọng trong đời sống của chính chúng ta. Khi bị làm phiền bởi những người chưa đủ thấu hiểu về mình, tâm trí chúng ta sẽ trở nên vô cùng khó chịu và bức bối, cảm giác như mình bị đối xử một cách tồi tệ. Cứ thế, chất chứa sự tổn thương trong lòng, ôm vào mình những nỗi khổ niềm đau không đáng có, rồi chịu đựng sự giày vò từ những luồng suy nghĩ tiêu cực đó ngày này sang ngày khác. Chỉ bằng chúng ta buông bỏ hết những ý niệm bất an, nhận thức được rằng muôn sự vạn vật đều có điểm kết thúc, và những vết thương lòng hay nỗi khổ tâm đó rồi một ngày nào đó cũng sẽ bị cuốn trôi và xua tan đi hết, như vậy chẳng phải sẽ tốt hơn sao?



Hãy cố gắng thận trọng tiếp nhận điều bất như ý xảy ra và bình tâm giải quyết vấn đề. Luôn nhớ rằng, dù có ai đó chèn ép ra những phiền phức để quấy rối chúng ta, nhưng chỉ cần chúng ta biết cách phòng hộ tâm trí mình, thì sẽ chẳng ai có khả năng và tư cách làm tổn thương và xâm phạm đến sự bình an trong tâm hồn mình. Trong *Kinh Pháp Cú*, Đức Thế Tôn đã dạy: “Dù cho kẻ địch nguy hiểm nhất cũng không thể làm tổn thương đến chúng ta bằng việc nội tâm chúng ta không có chút phòng ngự và điều phục nào. Chỉ khi tự mình làm chủ và kiểm soát tâm thức, ngoài ra dù là cha mẹ hay bất kỳ người thân thích nào cũng không thể giúp đỡ được mình”.

Bên cạnh đó, cần phải tích phúc, chớ nên việc gì cũng oán trời trách người. Hãy luôn khắc ghi câu nói này: “Tôi vẫn luôn oán trách rằng mình không có giày để mang, mãi cho đến một ngày tôi gặp người đến chân cũng không có mà đi”. Khi nghĩ được như thế, chúng ta sẽ nhận chân được trên đời này còn có biết bao người bất hạnh và bị thương hơn mình gấp nhiều lần. Vấn đề mà mình đang gặp phải thật ra chẳng phải là điều gì to tát. Nghĩ cho người khác nhiều hơn cũng là một cách gieo trồng hạt giống an lạc, thay vì suốt ngày chỉ biết nghĩ về những ưu phiền của bản thân. Người bận rộn mang niềm vui đến cho người khác, căn bản chẳng còn thời gian và tâm tư để lo về nhu cầu ích kỷ của cá nhân nữa.

Một sinh viên đã từng hỏi với một nhà Giải phẫu học nổi danh người Anh rằng: “*Cách hữu hiệu nhất để trị liệu căn bệnh sợ hãi là gì?*”. Ông đáp lại: “*Hãy thử làm chút gì hữu ích cho người khác đi!*”. Người sinh viên đã vô cùng ngạc nhiên mà mong muốn một đáp án rõ ràng hơn. Ông đã giải đáp thắc mắc rằng: “*Không thể có cùng lúc hai tư tưởng đối lập nhau trong một tâm thức. Nếu không, sẽ sinh ra hiện tượng bài trừ lẫn nhau. Chẳng hạn, tâm thức một người nào đó được lấp đầy bởi những ý niệm mang đến lợi lạc cho tha nhân mà không xen tạp một chút tư tưởng tự tư tự lợi nào, cùng lúc đó sẽ không còn không gian trống để dung chứa nỗi sợ nữa*”. Hoàn toàn tương đồng với lời dạy của Đức Thế Tôn. Do đó, khi gieo hạt và vun vén một tâm thức thanh tịnh thiện lành, chẳng có cơ hội nào cho hạt giống bất thiện hay tiêu cực nảy mầm và bén rễ nữa. Đồng thời, khi giúp đỡ hoặc mang đến lợi lạc cho người khác hãy luôn xuất phát và duy trì trạng thái tâm hoan hỷ và âm áp nhất.

Việc tịnh hóa tâm thức và tôi luyện lời nói hành động có công năng mang đến cho chúng ta đời sống an lạc và tự tại. Mỗi chúng ta đều muốn được sống bình an và hạnh phúc, đó vốn là quyền lợi duy nhất mà tất cả mọi người đều xứng đáng được hưởng. Để lấy lại đời sống hạnh phúc vốn dĩ thuộc về chúng ta, hãy dốc sức thực hành quá trình tịnh hóa tâm hồn theo lời giáo huấn của Đức Thế Tôn:

Cần phải tích phúc, chớ nên việc gì cũng oán trời trách người. Hãy luôn khắc ghi câu nói này: “Tôi vẫn luôn oán trách rằng mình không có giấy đề mang, mãi cho đến một ngày tôi gặp người đến chân cũng không có mà đi”.

1. Đoạn trừ vĩnh viễn những điều ác đã sinh: buông bỏ những ý niệm bất thiện và ô uế.
2. Ngăn chặn những điều ác chưa sinh: gạt hết những suy nghĩ có hại ra ngoài tâm thức.
3. Làm cho tăng trưởng điều thiện đã sinh: vun đắp và bồi dưỡng những tư tưởng tốt đẹp, phải kiên trì thực hiện đều đặn mỗi ngày.
4. Sinh khởi những điều thiện chưa sinh: áp ủ những hạt giống hướng thiện và tích cực chưa được nảy mầm trong tâm.

Bốn nguyên tắc đơn giản này được tuệ giác Phật giáo gọi là tứ chính cần - bốn điều chân chính cần phải siêng năng thực hành. Đó cũng là một cách hay để chúng ta thanh lọc và giữ gìn một tâm thức lành mạnh và sáng suốt. Dù là người ở tầng lớp nào hay lứa tuổi nào trong xã hội cũng đều có thể áp dụng và thực hành. Dầu thế nhưng vẫn rất nhiều người lựa chọn làm kẻ nô lệ cho những cảm xúc ham muốn, khao khát hoặc ganh ghét. Đừng cho phép chúng có cơ hội phát sinh nếu như chúng ta thật lòng mong muốn có được hạnh phúc và an lạc. Bắt đầu từ bây giờ, lập tức nhắc nhở bản thân hãy vun bồi và tu dưỡng những tâm tư thiện lành, tích cực và đúng đắn. Không bao giờ là quá muộn nếu

như có bắt đầu, nhưng tốt hơn hết hãy hạ thủ công phu ngay đây và bây giờ.

Để thỏa mãn lòng ham muốn và sân hận, chúng ta luôn chế tác phiền phức cho chính mình và người khác. Phát động chiến tranh giữa các quốc gia, mong lật đổ đối phương để chiếm đóng lãnh thổ. Tai ương và tranh chiến dẫn đến những trang sử bi ai đã được ghi chép đầy khắp các tư liệu trên toàn thế giới. Thế mà, con người còn tồn tại trên cõi đời được mấy ai nhận thức rõ những điều đó, mấy ai chịu đối mặt với hiện thực tàn khốc này. Ngay cả khi đã tự thân trải nghiệm vô vàn những hiểm nguy, nếm trải nỗi đau thương đến cùng cực nhưng vẫn không thể làm thức tỉnh được những tâm hồn mê muội. Lạc thú ở đời cũng tương tự như thế, nhìn thì có vẻ như chúng ta đang hưởng thụ nhưng thật ra chúng như những củ khoai tây nóng hổi, ngấu ngiến thì miệng lưỡi tổn thương, có cầm tay phải hay đổi sang tay trái thì cũng bỏng rát. Chỉ có buông xuống, chúng ta mới vẹn toàn chẳng chút thương tổn nào. Đức Phật dạy rằng, khổ đau đến từ những ham muốn bất thiện. Cần nhiều tiền tài để có thể sống buông thả một phen, cần có quyền thế để vượt trội hơn người, cần được sống lâu không

già không chết để có thể thụ hưởng được nhiều hơn, v.v. Những mong muốn ấy càng mãnh liệt sẽ càng làm cho chúng ta bất mãn với cuộc sống hiện tại. Ngày qua ngày càng trở nên ích kỉ và tự lợi cho cá nhân, không còn tâm trí gì đến lợi ích của tha nhân nữa. Từ đó, họ sống trong bất an, lo lắng và tràn ngập nỗi sợ. Bởi vì khi không thỏa mãn được những nhu cầu mà họ cần, họ càng thêm than van oán trách. Nhưng cho dù đạt được như ý muốn rồi, lòng cũng không an vì sợ hãi sẽ mất đi những gì mình đang có.

Vậy nên, tất cả những nỗi khổ niềm đau trong tâm thức đều đến từ niềm vui thích khi khát vọng về vật chất. Khát vọng muốn có những gì mình đang thiếu sót, rồi vứt bỏ không thương tiếc khi chúng ta không còn cần. Không có gì để nghi ngờ và đáng để phủ nhận, tên cầm đầu khiến chúng ta không thể nào tận hưởng được niềm vui chân chính không ai khác chính là dục vọng. Đức Thế Tôn từng nói: *“Không có niềm vui nào trên thế gian tuyệt vời và giá trị hơn niềm vui khi lòng tham ái được diệt trừ”*.

Thân xác phàm của chúng ta nhiều lắm cũng chẳng sống hơn trăm năm, liên tiếp trải qua những thăng trầm biến đổi nhanh chóng như chớp mắt. Tình cảm của con người được gom góp từ cảm xúc và sắc tướng. Tâm thức con người không gì hơn là một dòng tư tưởng. Tính cách của chúng ta cũng biến đổi theo thời gian năm tháng. Giữa sự giao thoa của thể xác và tâm hồn, không một thực thể vĩnh viễn nào được xem là thường hằng bất biến. Con người sinh ra trên cõi đời này là để làm việc thiện, việc ích và việc có ý nghĩa. Chứ không phải để sống những tháng ngày vô ích, vô công rồi nghề, trở thành gánh nặng cho xã hội. Phải không ngừng học hỏi, cải thiện và thăng tiến bản thân tăng trưởng trí tuệ và từ bi. Nếu không được như vậy, sẽ cô phụ đặc ân và sứ mệnh trời đã phú cho chúng ta.

Chúng ta phải thường kiểm soát và theo dõi những cảm xúc và năng lượng tiêu cực mang tính hủy hoại, đồng thời hạ thấp chúng đến mức tối thiểu nằm trong tầm xử lý. Trong đó, lối sống tối giản chính là một lợi thế, chứ không phải là hưởng thụ xa xỉ. Chúng ta cần từ chối và lược bớt những hoạt động không cần thiết. Ngủ sớm và thức dậy sớm hơn, để có thêm thời gian cho việc chăm sóc bản thân và trò chuyện với gia đình. Chịu khó huân tập và hun

“Không thể có cùng lúc hai tư tưởng đối lập nhau trong một tâm thức. Nếu không, sẽ sinh ra hiện tượng bài trừ lẫn nhau. Chẳng hạn, tâm thức một người nào đó được lấp đầy bởi những ý niệm mang đến lợi lạc cho tha nhân mà không xen tạp một chút tư tưởng tự tư tự lợi nào, cùng lúc đó sẽ không còn không gian trống để dung chứa nỗi sợ nữa”.





Như Lai đã giảng dạy: “*Tâm thức là thứ rất khó để thấu hiểu ngọn nguồn, bởi vì nó cực kỳ vi tế và liên tục rong ruổi khắp nơi một cách tự do. Người sáng suốt là người biết cách phòng hộ và quán sát tâm, khéo léo điều phục tâm, tâm tĩnh thức sẽ mang đến đời sống bình an và tự tại*”.

đức thành thói quen như tham gia vào các hoạt động tình nguyện, từ thiện; hoặc đọc sách, thực tập thiền, ngồi tĩnh lặng chỉ để hít thở và thả lỏng toàn thân,...

Những suy nghĩ tiêu cực và bất thiện chỉ được tiêu trừ tận gốc khi chúng ta thực hành phương pháp tĩnh tọa đúng cách và ứng dụng giáo lý mà Đức Phật đã dạy vào đời sống thực tế. Bởi vì một tâm thức chưa trải qua rèn luyện và điều phục chính là căn nguyên để khơi dậy mọi vấn đề rắc rối. Như Lai đã giảng dạy: “*Tâm thức là thứ rất khó để thấu hiểu ngọn nguồn, bởi vì nó cực kỳ vi tế và liên tục rong ruổi khắp nơi một cách tự do. Người sáng suốt là người biết cách phòng hộ và quán sát tâm, khéo léo điều phục tâm, tâm tĩnh thức sẽ mang đến đời sống bình an và tự tại*”. Hãy thuần phục tâm tính bằng cách tu dưỡng tâm và thực hành thiền định. Tu dưỡng tâm thức có thể vun bồi một đời sống tuệ giác – tĩnh thức. Như ngọn đuốc rực sáng có thể soi tỏ con đường tối om trong ngõ hẻm. Giúp chúng ta tìm ra những điều chí thiện từ cái xấu ác, vạch ra lối đi đúng đắn trong sự sai lầm. Khi tâm trí chúng ta được soi sáng bằng tuệ giác, hướng dẫn đúng đắn cho lối tư duy và những hành động cử chỉ của mình. Và thiền định có công năng thanh lọc tâm hồn bụi bặm và vẩn đục của chúng ta trở nên lắng trong và thanh khiết.

Tuân theo quy luật tự nhiên bất biến của vũ trụ, cũng chính là “Dharma” – pháp của Đức Thế Tôn. Khi thuận theo những quy tắc và chân lý của cuộc đời, chúng ta mới có thể sống bình an và tự tại cả đời này và đời sau. Vận dụng

trí tuệ sáng suốt của mình để làm chủ cuộc đời luôn đi đúng hướng và đường lối của chính đạo là sứ mệnh của tất cả chúng ta. Vì hầu hết sự có mặt của những nỗi khổ đau trên cuộc đời đều bắt nguồn từ trạng thái tâm không được kiểm soát, tà kiến và lệch lạc. Và chúng ta sẽ không được sống cuộc đời hạnh phúc và an lạc nếu tâm hồn mình không được lắng yên và bình thản.

Ngoài ra, thù hận là một trạng thái tâm không lành mạnh, nó chỉ nuôi lớn sự vô minh và ngăn cản tư duy chân chính. Nếu lũ giặc hận thù được dẹp yên, thì lòng yêu thương sẽ được giải phóng. Chỉ khi hận thù được triệt tiêu, tình yêu sẽ hoàn toàn tự do để phát triển và lớn mạnh. Hận thù chỉ mang lại cho chúng ta niềm ân hận, nhưng tình yêu luôn mang đến cho ta cảm giác an toàn và bình yên. Hận sẽ khiến chúng ta dần trở nên máu lạnh và vô tình, nhưng yêu lại có năng lực làm tan chảy trái tim sắt đá của người khác. Hận cản trở chúng ta làm điều đúng đắn, yêu lại góp sức và giúp đỡ cho những điều tốt đẹp và thiện lành. Chỉ khi nhận chân ra giá trị của tình yêu, chúng ta mới có thể nhổ trừ tận gốc rễ của tâm thái sân hận trong lòng mình. Bóng tối không thể xua tan bóng tối, chỉ có ánh sáng mới có thể xua tan bóng tối. Cũng vậy:

*“Hận thù diệt hận thù
Đời này không có được
Từ bi diệt hận thù
Là định luật ngàn thu”.*

Có một số người không khác gì dòng chữ khắc sâu trên bia đá, họ dễ dàng nổi giận và cơn giận đó bám theo họ trong suốt thời gian dài dằng như cả thế kỉ. Nhưng cũng có một số người như dòng chữ được viết bừa trên bãi cát, tuy cũng có nổi giận nhưng rồi sẽ rất nhanh để chúng tan đi không còn chút dấu vết. Hoặc cũng có một số người như con chữ được viết trong dòng nước, không bao giờ lưu giữ lại bất kì một điều gì đã trôi qua trong quá khứ. Và đâu đó, cũng có một số ít người có lẽ là hoàn mỹ hơn, họ như con chữ được viết trong làn gió, để cho tất cả những điều bất thiện lập tức bay đi không sót lại ngay cả một hạt bụi. Tâm họ tựa như mặt kính không chút bụi trần, có thể soi thấu bất cứ vật gì, vĩnh viễn trong trạng thái thanh khiết và trong trẻo, cũng vậy, trong họ không có một những muộn phiền.

Sống trong cuộc đời đầy những biến động và bất an,

thật ra mỗi chúng ta đều có một mặt xấu xí trong lòng mình. Nhưng điều may mắn hơn là mỗi cá nhân đều có những phẩm đức tốt đẹp và lương thiện đang đợi mình khai quật. Còn việc lựa chọn đồng hành với những phẩm đức chân thiện mỹ hay là bất thiện xấu ác thì tùy thuộc vào chúng ta rồi. Một trái tim đông đầy lòng trắc ẩn biết cảm thông trước những nỗi khổ niềm đau của tha nhân rất cần thiết được nuôi dưỡng và vun đắp. Cuộc sống của chúng ta chỉ trở nên hạnh phúc mỹ mãn khi dẹp bỏ tâm ích kỉ, tu dưỡng và trau dồi những phẩm đức tốt đẹp, biết lắng nghe và thấu hiểu và giàu lòng yêu thương. Vì thật ra ai cũng có mặt tốt của họ và dù là ai cũng xứng đáng được thấu hiểu và yêu thương. Đức Thế Tôn dạy: *“Dù có chiến thắng hàng nghìn quân địch trong hàng trăm trận chiến, cũng không vĩ đại bằng tự chiến thắng và chinh phục chính mình”*. Chỉ cần đủ lòng quyết tâm và kiên trì, hoa thơm trái ngọt mà chúng ta gặt hái sẽ xứng đáng với công sức mà mình đã bỏ ra.

Bên cạnh đó, hãy luôn nỗ lực cười chân thành. Nếu như bạn nỗ lực cười thân thiện với người ghét mình, tưới tẩm những giọt cam lồ được chất lọc từ lòng yêu thương và sự bao dung lên trái tim hận thù của họ, sẽ có một điều kì diệu xảy ra. Gương mặt rạng rỡ với năng lượng tích cực tràn trề đủ để làm tan chảy bức tường đóng băng vô hình giữa mình và người. Chỉ có tình yêu thương mới đủ để chuyển hóa những tư tưởng bất thiện thành những ý niệm thiện lành đúng đắn. Hận thù chỉ khiến cho lập trường của kẻ thù càng trở nên kiên định hơn.

Hãy đối đãi bằng tâm từ bi yêu thương và sự cảm thông chân thành, dù nhân vật vĩ đại hay chỉ là một sinh linh nhỏ bé, đều bình đẳng và xứng đáng được yêu thương. Đức Thế Tôn từng nói: *“Thân xác con người rồi sẽ hóa thành cát bụi, nhưng những ảnh hưởng và cống hiến của họ đối với cuộc đời sẽ được lưu truyền đến nhiều đời sau nữa”*. Khi chúng ta nhìn thấy sinh mệnh của mình không gì hơn, cũng chỉ là một giọt nước trong dòng thác không ngừng đổ về phía trước, chúng ta sẽ trân quý thời gian hơn để dốc hết sức mình hiến dâng một phần năng lượng mỏng manh nhỏ bé đến cho cuộc đời.

Chú thích:

* Thích Quảng Lâm (biên dịch), Phó Giám đốc điều hành Trung tâm Biên phiên dịch tư liệu Phật giáo quốc tế.

Nhớ nghĩ ân đức **của Đức Phật** *để luôn phát nguyện tu tập*

Nguyệt Đông



Thắp lên ngọn đèn chánh pháp trong tâm, chánh pháp bao gồm những lời dạy, pháp môn mà đức Phật đã phương tiện giảng dạy giúp chúng sanh thoát khỏi đau khổ trong cuộc sống tạm bợ này, như: Bát chánh đạo, Tứ diệu đế, Duyên khởi, Vô ngã,...



Đức Phật Thích Ca Như Lai của chúng ta, lúc mới phát tâm, đã vì ta mà tu Bồ tát đạo, trải qua vô lượng kiếp chịu đủ các thử thách khổ cực. Khi ta tạo nghiệp, Đức Phật xót thương, phương tiện giáo hóa, mà ta ngu si, không chịu tin theo. Ta đọa địa ngục, Phật càng thương xót, muốn thay ta chịu lấy khổ sở, nhưng vì nghiệp ta quá nặng, không thể cứu vớt. Ta sinh làm người, Phật dùng phương tiện khiến cho ta gieo trồng căn lành. Đời đời kiếp kiếp, Phật luôn theo ta, lòng không tạm bỏ” [1]. Thật xúc động, bùi ngùi khi nói về những ân đức của Phật thật bao la rộng lớn của đại sư Thật Hiền, không lời lẽ nào có thể diễn tả hết. Công ơn cha mẹ sinh ra đã khó báo đáp đến nỗi ngôn ngữ trần gian là tui rách đựng không đầy hai tiếng mẹ cha. Vậy mà, ân đức của Phật lại còn cao cả gấp vạn lần hơn thế. Cho dù cha mẹ cho ta hình hài nhưng thương yêu ta chỉ một đời, còn Phật thương ta đời đời không rời bỏ.

Thử hỏi trên thế gian này, mấy ai được như vậy, hay bất kỳ ai thương ta đều có sự ràng buộc của duyên ái, của chấp thủ đối đãi. Cả chính cha mẹ cũng không ngoại lệ, khi thấy con vong ân bội nghĩa thì hờn thì giận, lòng thương mỏng dần và ít đi; còn chư Phật không phải cách đó, thấy những kẻ ấy lòng thương càng nặng hơn, đến nỗi vào cả trong vùng lửa dữ dội của địa ngục vô gián mà thay họ chịu vô lượng khổ. Do đó, mà biết chư Phật thương chúng sinh quá hơn cha mẹ thương con. Nhưng chúng sinh vì u mê che mắt giác tuệ, vì phiền não mờ mắt tâm trí, không biết quay về chánh đạo, quỳ dưới chân Ngài, xin một lần quy ngưỡng.

SỰ XUẤT HIỆN VĨ ĐẠI CỦA ĐỨC PHẬT ĐEM ÁNH SÁNG ĐẾN CHO NHÂN LOẠI

Khi Phật tại thế, trước đó có rất nhiều vị giáo chủ tôn thờ những triết thuyết riêng biệt nhưng vẫn không tìm được lối đi cho con người thoát khỏi khổ đau đạt đến hạnh phúc đích thực. Đến khi sự xuất hiện của Đức Phật như sự kiện hy hữu có một không hai, không có vị Phật thứ hai nào xuất hiện trong suốt hiện kiếp Ngài tại thế. Điều này như lần nữa tôn vinh lên sự xuất hiện vĩ đại của Đức Phật với những gì Ngài đã mang đến cho nhân loại và thế giới này. “Một người, khi xuất hiện ở đời, đem lại hạnh phúc và an lạc cho số đông, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người. Một người ấy là ai? Chính là Thế

Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác” [2]. Sau khi thành đạo, giáo pháp của Ngài như vàng dương lò lạng, vén tan lớp mây mù u ám trên bầu trời tâm thức Ấn Độ. Ở trên cao kia, trên thượng tầng khí quyển ấy chẳng có thần linh, đẳng Phạm Thiên nào có uy quyền ban phước giáng họa cho con người cả. Chỉ là một loại chúng sanh có thân xác vi tế, phước báu hơn cõi người nhưng vẫn còn chịu chi phối bởi vòng nhân quả. Chính sự xuất hiện vĩ đại của Đức Phật đã đánh thức nhân loại sau một giấc ngủ dài u u minh minh dưới lớp khói sương của thần linh. Sự giác ngộ của Ngài, chúng ta nhìn thấy chỉ trong gang tấc nhưng đó lại là một quá trình dài bao nhiêu năm khổ cực trên xứ Ấn hoặc nhiều hơn thế là trải qua trăm nghìn kiếp tu tập, cảnh giới khác nhau. Với nhiều vị thầy qua nhiều phương pháp tu tập, nhiều cách sống, nhiều cách thực tập, đến một ngày thân hình trắng kiền chỉ còn là bộ xương bọc da. Ngài không nản chí vẫn quyết tâm tự tìm một lối đi riêng, lối đi trung dung giữa hai cực đoan ép xác và thụ hưởng. Sau khi hiểu ra được sự vận hành vạn vật, Ngài không còn sống khổ hạnh như lối trước đây: ngày ăn một hạt mè, dang tay gồng chân đứng giữa trời nắng để tự hành xác.

Ngài bắt đầu quay lại cuộc sống mới, cuộc sống trung dung hài hòa giữ cân bằng, không sống cực khổ cũng không sống sung sướng. Lành quyết tâm cuối cùng với lời



“ Một người, khi xuất hiện ở đời, đem lại hạnh phúc và an lạc cho số đông, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người. Một người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác”.

phát nguyện không chứng thành đạo quả không rời gốc cây này. Thế là cuộc đấu kéo dài 49 ngày với nhiều thử thách cám dỗ, Ngài vẫn an nhiên tĩnh tọa nhập vào đại định phá tan bóng tối u minh, làm hiển lộ ánh sáng trí tuệ. Sự xuất hiện của Ngài, tựa như có người dựng lại ngay ngắn một vật gì đã bị lật đổ, hay khám phá ra một vật đã được giấu kín, hay vạch đường chỉ lối cho người lạc bước, hay cầm ngọn đèn rọi sáng trong đêm tối để cho ai có mắt có thể trông thấy. Vị cha lành của chư Thiên và loài người, vì lòng thương tưởng đến với đời, vì muốn chúng sanh thoát khổ được vui.

GIA TÀI PHÁP BẢO MÀ NGÀI ĐỂ LẠI

Ròng rã 45 năm khắp miền Trung Ấn giáo hóa độ sanh không từ mệt nhọc, thời tiết khắc nghiệt, trái gió trở trời, Ngài vẫn đều đặn ngày ngày hướng dẫn Tăng đoàn, đệ tử cư sĩ học pháp hành pháp. Đến nay, có thể nói, gia tài Pháp bảo trải qua nhiều thăng trầm lịch sử đã được lưu giữ bằng chữ viết và bảo tồn một cách kính trọng. Nhiều lần Đức Phật trần trở và khuyên răn chúng Tăng: “*Làm sao những đệ tử của Ta là những người thừa tự Pháp của Ta,*

không phải là những người thừa tự tài vật” [3], vì thời đó có một số tỳ kheo trẻ chưa thuần thực pháp nên dễ khởi tâm ưa thích danh dự lợi dưỡng mà trở thành người thừa kế tài vật. Chính vì sợ hàng đệ tử bơ vơ, lạc lõng không biết nương tựa vào đâu khi Ngài vắng mặt trên trần gian này, nên trong những phút giây cuối cùng, Ngài vẫn không quên dặn dò chúng đệ tử: “*Này Ananda, nếu trong các người có người nghĩ rằng: “Lời nói của bậc Đạo Sư không còn nữa. Chúng ta không có Đạo Sư (Giáo chủ)”.* *Này Ananda, chớ có những tư tưởng như vậy. Này Ananda, Pháp và Luật, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư của các Người*” [4]. Bởi những ai thực hành chánh pháp, sống với pháp thể nghiệm được pháp, tịnh hóa thân tâm được an lạc trong đời sống hằng ngày thì ngay lúc đó như có Phật bên đời, như lời dạy: “*Ai thấy Pháp người ấy thấy Ta, ai thấy Ta người ấy thấy Pháp*” [5] .

Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng và truyền bá đầy đủ để tự chứng ngộ, cho quả tức thì, khuyến khích suy nghiệm tìm tòi đưa người đến bến bờ Niết



Sứ mạng và hạnh nguyện của mỗi chúng ta đối với cuộc đời không hề nhỏ, nếu sống thật sự với hạnh nguyện “phụng sự chúng sanh là cúng dường chư Phật” thì không có giây phút nào buông lơi, giải đãi để thời gian trôi qua vô uổng.

bàn. Nói là gia tài Ngài để lại, không phải chúng ta vinh vào đó rồi không nỗ lực cố gắng, ý lại sống buông tuồng thì sẽ không thu hoạch được trái lành quả ngọt. Gia tài Pháp bảo là để thừa hưởng, thừa hưởng thì phải biết giữ gìn và phát huy hơn nữa để không bị lu mờ, mất đi. Thừa tự, thì phải tự mình thấp đuốc lên mà đi, hãy là ngọn đèn của chính mình, hãy thấp lên ngọn đèn của chánh pháp, thấp lên ánh sáng của tình yêu thương và sự tỉnh thức. Đây cũng là lời di giáo, những mong chờ sau cùng của Ngài đối với hàng đệ tử trước khi nhập diệt.

Thấp lên ngọn đèn chánh pháp trong tâm, chánh pháp bao gồm những lời dạy, pháp môn mà đức Phật đã phương tiện giảng dạy giúp chúng sanh thoát khỏi đau khổ trong cuộc sống tạm bợ này, như: Bát chánh đạo, Tứ diệu đế, Duyên khởi, Vô ngã,... Bởi theo Ngài, con người chỉ có thể chuyển hóa khổ đau bằng trí tuệ, chứ không thể bằng niềm tin hay thần thánh hóa. Chính những giáo lý Ngài phương tiện dẫn dắt giúp con người đoạn trừ được các lậu hoặc, kiết sử mà hiển lộ được tánh sáng tinh thức, chấm dứt cội nguồn sanh tử luân hồi. Quan

trọng là Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực ngay hiện tại, có kết quả ngay tức thì, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu.

NGÀI LÀ ĐIỂM TỰA TÂM LINH CỦA ĐỜI CON

Nhờ có Đức Phật, chúng ta biết tu để điều chỉnh, sửa đổi lời nói, hành vi, ý nghĩ của mình. Nhờ có Đức Phật, chúng ta biết Phật pháp, biết làm được nhiều công đức, biết làm người có giá trị, sống có ý nghĩa, có tư cách con người. Nhờ những lời dạy cao quý của Ngài mà chúng ta có được cuộc sống đúng hơn giữa trần gian tăm tối; biết thương yêu nhau hơn giữa biển đời đau khổ; bình an hơn giữa luân hồi đầy nghịch cảnh. Chính nhờ có Phật mà chúng ta đủ nghị lực, đủ mạnh mẽ đi vào đời, dám đối diện với cuộc đời, vượt qua những tâm lý sợ hãi thấp kém, không còn sợ những ánh mắt nhòm ngó không tên, không còn sợ những lời nói vô tình phốt ngang hay những lời có chủ đích và thậm chí là chuyển hóa được cuộc đời. Chúng ta không còn bị vùi lấp bởi những thú vui hào nhoáng, những lối sống thấp

Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng và truyền bá đầy đủ để tự chứng ngộ, cho quả tức thì, khuyến khích suy nghiệm tìm tòi đưa người đến bến bờ Niết bàn. Nói là gia tài Ngài để lại, không phải chúng ta vịn vào đó rồi không nỗ lực cố gắng, ý lại sống buông tuồng thì sẽ không thu hoạch được trái lành quả ngọt.



hèn. Ta còn có khả năng thiết lập được lối sống của tình thương và sự hiểu biết cho chính mình.

Nhờ có Phật mà chúng ta hiểu tường tận luật nhân quả, mạnh dạn chấp nhận những lỗi lầm đã gây ra và sẵn sàng đón nhận những nghiệp xấu đến với mình. Nhưng không phải vì vậy mà khuất phục trước số phận, nghiệp cứ trả, phước cứ làm, đạo thì vẫn cứ tu. Dầu chúng ta biết rằng Phật không còn tại thế, nhưng Ngài vẫn gần bên, che chở, bảo bọc chỉ vì Ngài không xuất hiện cho chúng ta thấy. Nhưng trong khoảng không vô hình nào đó, chúng ta vẫn nhận được tình thương của Ngài bủa khắp. Ngài vẫn ở đó, vẫn ngày ngày xem những đứa con thơ dại của mình có tu tập, có phát triển đời sống tâm linh không hay vẫn bị dục lạc lôi kéo?

Những công hạnh phi thường mà Đức Phật dày công tích lũy từ vô lượng kiếp đã kết tinh thành cuộc đời siêu việt của một Đấng Chánh Giác, đã kết tinh thành vô số lời dạy quý giá được tôn thờ là vị thầy của cả trời và người. Chúng ta nương tựa vào công đức và lời dạy của Phật để thoát dần ra khỏi thân phận đấng cay và hèn kém của kiếp người. Vậy nên việc làm thiết thực nhất hiện nay, mỗi ngày chúng ta phải học pháp, nghe pháp hành pháp. Pháp là những điều cao quý, những điều hay lẽ phải, những chân lý

thiết thực hiện tại, mỗi chúng ta ai cũng có thể nghe và hiểu được. Bên cạnh chúng ta muốn đền đáp công ơn của Đức Như Lai, trong đời này phải dũng mãnh, tinh tấn gắng chịu khổ nhọc, không tiếc thân mạng gây dựng Tam Bảo, hoằng dương giáo pháp, hoá độ chúng sanh, đồng vào ngôi Chánh giác.

Sứ mạng và hạnh nguyện của mỗi chúng ta đối với cuộc đời không hề nhỏ, nếu sống thật sự với hạnh nguyện “*phụng sự chúng sanh là cội đường chư Phật*” thì không có giây phút nào buông lơi, giải đãi để thời gian trôi qua vô uổng. Từng giây, từng phút luôn cống hiến tâm lực, trí lực để góp phần làm đẹp cuộc đời, dứt oan trái khổ đau, hận thù ganh ghét để cùng chung sống dưới mái nhà Phật pháp, được sự gia hộ của chư Phật, Bồ tát.

Chú thích và tài liệu tham khảo:

- [1] Đại sư Thật Hiền soạn (2012), *Khuyến phát bồ đề tâm văn*, tr.23
- [2] Hòa thượng Thích Minh Châu (2016), *Kinh Tăng Chi bộ*, chương 1, phẩm Một người, tr.56
- [3] Hòa thượng Thích Minh Châu (2016), *Kinh Trung bộ*, Kinh Thừa tự pháp, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.31
- [4] Hòa thượng Thích Minh Châu (2016), *Kinh Trường bộ*, kinh Đại bát niết bàn, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.337
- [5] Hòa thượng Thích Minh Châu (2016), *Kinh Tương Ưng Bộ I*, Kinh Vakkali, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.742.

HOA HẠNH PHÚC

Kim Loan

Lên chùa con hỏi Phật
Hạnh phúc đến từ đâu?
Sư thầy vận áo nâu
Nhật lá rơi trên đất

Sân chùa mưa lất phất
Thầy vẫn nhật bình yên
Những chiếc lá ưu phiền
Trên mảnh tâm dục vọng

Rồi đốt đi phiền não
Nỗi buồn biến thành tro
Đem tro bón hoa đời
Tốt tươi mầm hạnh phúc.

Hạnh phúc là gạn đục
Hạnh phúc là khơi trong
Hạnh phúc là buông bỏ
Những tham cầu viễn vọng

Con giặt mình tỉnh mộng
Hạnh phúc chẳng đâu xa
Hạnh phúc khi lòng ta
Nở đóa hoa diệu ngộ!



NGỘ

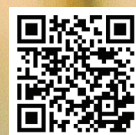
Huy Linh

Ta làm viên cuội sân chùa
trăm năm thế sự vẫn chưa Niết bàn
chúng sinh trong cõi lắm than
tựa như chiếc lá thu tàn đó thôi

hữu duyên hạnh ngộ với đời
uống sương tuế nguyệt ngộ lời chân kinh
sống là tử, thác là sinh
tiếng chuông phổ độ hữu hình vô thanh

nhang trầm rót giữa tàn canh
Phật quang sáng cả liễu mảnh ao thu
hoa đèn lay lắt thực hư
sư ông thiền tọa chân tu rạng ngời

trà thơm đựng ánh sao rơi
nhân sinh thế tục thoáng trôi nhẹ nhàng!



THEO GÓT NGƯỜI XƯA



SC. Thích Nữ Hằng Huyền

Mùa an cư thứ năm sau ngày Thành đạo, giáo đoàn Ni giới đầu tiên được thành lập là cả một khối quyết tâm kiên trì, dũng lực của lệnh bà Kiều Đàm cùng năm trăm công nương hoàng tộc Thích Ca. Đoàn nữ quý tộc ấy dám bỏ lại sau lưng cung vàng điện ngọc, nhưng gẫm lựa là, ngựa xe đưa đón... để ra đi trong nắng, mưa, cát bụi, lội suối băng rừng, chân trần rướm máu, biết bao khó nhọc nhằm tìm đến hương thất Thế Tôn, khẩn cầu tha thiết mới được xuất gia. Với phước trí sâu dày và niềm tin vững chắc nơi giáo pháp, chuyên sâu thiền định, các Ngài mau chóng thành tựu an lạc giải thoát. Giáo đoàn Ni giới được thành lập đã là chỗ nương tựa tin tưởng của biết bao thân phận nữ nhi có duyên lành với Tam bảo.

Tinh thần xả thân cầu đạo của người xưa vẫn còn âm hưởng truyền thừa để giờ đây chúng con được chở che bao bọc trong tuệ giác từ bi của các bậc Tôn đức Ni

trưởng, Ni sư. Đức hạnh và tài trí của các Ngài đã chiêu cảm được tín tâm Phật tử, chùa viện được sửa sang, Ni chúng quy tụ. Tiếp nối những thành tựu đó, Việt Nam cũng có nhiều Tỷ kheo Ni làm rạng rỡ giáo pháp Đức Phật, như: Ni sư Diệu nhân, Ni sư Tuệ Thông và gần đây nhất con được biết đến có sư bà Diệu Không... Các Ngài đã để lại cho hàng hậu học Ni một niềm tự hào và khẳng định chắc chắn rằng người Ni có thể tu tập và tiếp nối giáo pháp của Đức Phật. Với bao nghiệp thức chúng sanh ám chướng khó độ nhưng vì hạnh nguyện “tiếp dẫn hậu lai” nơi ánh mắt các Ngài vẫn tỏa dịu lòng hy xả, bao dung.

Kể lại những hành trình tu của các Ngài thật đáng khâm phục. Ni sư Diệu Nhân (1042-1113) là Thiền sư Ni đầu tiên của Việt Nam, thuộc thế hệ thứ 17 của dòng thiền Tỳ-ni-đa-lưu-chi. Ni sư sinh ra trong một gia đình danh gia vọng tộc, tên là Ngọc Kiều, con gái lớn của Phụng Yết Vương. Thuở nhỏ,

Ni sư bẩm tính vốn hiền thực, ngôn hạnh có pháp nên được vua Lý Thánh Tôn đưa vào cung nuôi dưỡng. Đến tuổi trưởng thành, vua đem Ni sư gả cho Thâu mục Chân Đăng họ Lê. Họ Lê mất, Ni sư tự thề ở vậy giữ nghĩa không tái giá. Sau khi Ni sư nhận chân ra được “*Tất cả các pháp trong thế gian như giấc mộng, huyễn ảo, huống gì bọn phù vinh có thể nương tựa được sao?*”, Ni sư đem tất cả đồ trang sức ra bỏ thí, xuống tóc xuất gia, đến thọ Bồ-tát giới với Thiền sư Chân Không tại làng Phù Đồng, học hỏi tâm yếu. Ngài Chân Không ban pháp hiệu cho Ni sư là Diệu Nhân và cho phép trụ trì tại Ni viện Hương Hải ở làng Phù Đồng, Tiên Du. Ni sư giữ giới tinh nghiêm, hành thiền miên mật, đạt được Tam-ma-địa, xứng đáng là bậc tôn túc trong hàng Ni chúng. Có ai đến cầu học, Ni sư đều đem pháp Đại thừa ra giảng dạy và nói: “*Chỉ trở về nguồn tự tính, thì đồn tiệm có thể tùy đó mà thể nhập, hãy thường tịch tịnh, tránh xa thanh sắc, ngôn ngữ*”.

Vào ngày 01 tháng 6 năm 1113, Ni sư nói kệ:

“Sinh, già, bệnh, chết

Từ xưa thường vậy

Muốn cầu thoát ly

Cởi trói thêm buộc

Mê mới tìm Phật

Làm mới cầu thiền

Thiền Phật chẳng tìm

Ngậm miệng không nói”.

Rồi gội tóc, rửa mình, ngồi kiết già mà tịch, thọ 72 tuổi.

Quả thật, Ni sư là bậc tiền bối khả kính và là niềm tự hào của Phật giáo Việt Nam nói chung, Ni giới Việt Nam nói riêng. Với sự ấn chứng Ni

sư trở thành Tổ sư thiền, liệt vào danh sách Tổ của dòng thiền Tỳ-ni-đa-lưu-chi khẳng định về sự quyết tâm tu hành của người ni khi xuất gia. Cuộc đời Ni sư Diệu Nhân mở đầu cho một dấu son trong giáo hội Ni. Ni sư đã không những dâng hiến cả cuộc đời cho quê hương, đạo pháp mà còn mở toang diệu lý Phật giáo đến với nữ nhi Việt Nam.

Kể đến trong thời cận đại, các bậc Ni trưởng dày công khêu đèn mở đuốc cho hàng hậu học chúng con được trưởng dưỡng đạo tâm trong môi trường tu học này. Cứ vào

học, đó là Ni viện Diệu Đức và nhiều cơ sở khác trên toàn quốc. Sư còn góp công trong việc xây dựng Đại học Vạn Hạnh cùng với Hòa thượng Trí Thủ, Hòa thượng Minh Châu, Hòa thượng Nhất Hạnh. Ni trưởng xuất gia năm 27 tuổi (1932) được Hòa thượng Giác Tiên, trụ trì tổ đình Trúc Lâm truyền thập giới làm Sa-di-ni với pháp tự Diệu Không. Sau khi thọ thập giới 12 năm, vào mùa thu năm Giáp Thân (1944), sư được thọ tam đàn Cụ túc tại Đại giới đàn Thuyền Tôn do Hòa thượng Giác Nhiên làm đàn đầu.

Suy ngẫm hành trạng tiền nhân cho chúng con một niềm cảm kích tôn kính vô cùng. Ni chúng chúng con, cúi đầu kính phục, đầu thành đánh lễ tôn vinh công hạnh vô ngã vị tha của các bậc ni của chúng con. Xin mãi khắc ghi thâm ân sâu dày của các bậc thầy, chư vị Thánh Ni. Mặc dầu, tứ đại về chiều nhiều lúc bệnh suy nhưng Phật sự đang cần, các Ngài vẫn không đành lòng buông xuôi an dưỡng, vẫn gắng sức lo toan sắp xếp mọi công việc trong ngoài, vẫn cố gắng tạo mọi phương tiện thích hợp cho ni chúng yên tâm tu học. Rồi đây, trên bước đường tu tập phạm ni chúng con có đủ sức tỉnh giác nhận ra cái giả sống với cái thật hay không? Nhưng chúng con tin rằng chỉ cần nhớ lời Phật dạy, những công hạnh vô ngã vị tha của các bậc ni, chúng con sẽ vững lòng, bền chí, trở về an trụ trong giới luật để phát triển tuệ giác trong con, để được khép mình trong giáo đoàn Ni giới hôm nay.

ngày
24 / 9 ,

Ni sinh học viện chúng con cũng y áo chỉnh tề đến chùa hồng đức để tưởng niệm vị Ni sư - người đã có công đóng góp nên ngôi trường Phật học cho ni giới xây dựng Ni viện đầu tiên cho nữ giới có chỗ tu





HOẢNG PHÁP
Online

Kênh Youtube chính thức của Hoảng Pháp Online
"Nơi chia sẻ những thông điệp, bài giảng, thuyết pháp
của ban Hoảng Pháp Trung Ương GHPGVN"



Mời quý vị Quét mã QR-CODE
Để xem tất cả các bài Giảng - Thuyết Pháp





PHẬT GIÁO & **THỜI ĐẠI**

Vai trò hoàng pháp

cho thanh thiếu niên hiện nay



**Ban Trị sự GHPGVN
tỉnh Thái Bình**

Giảng sư không đơn thuần là người thầy giảng đạo mà còn phải hóa thân mình vào thời đại dưới hình thức một tu sĩ được xây dựng đời sống tinh thần và vật chất, giữa bản thân và những người xung quanh. Biết yêu thương, thực hành “Vô ngã - Vị tha” để gắn kết tình thân giữa con người với con người gần nhau hơn.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Phật giáo là một trong những tôn giáo xuất hiện sớm nhất trong lịch sử nhân loại, tồn tại và phát triển đến nay. Giáo lý đạo Phật đã hòa nhập trong mọi lĩnh vực đời sống, văn hóa, xã hội... dân tộc Việt Nam suốt hàng nghìn năm nay. Với tinh thần “Hộ quốc - An dân”, Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng những thăng trầm của lịch sử đất nước, góp phần không nhỏ vào việc duy trì và phát triển văn hóa, giáo dục đời sống. Trong bối cảnh hiện nay, thời đại văn minh hội nhập kinh tế quốc tế, khoa học kỹ thuật phát triển mạnh, nhất là công nghệ 4.0 phát triển vượt bậc đã làm cho đời sống vật chất, tinh thần của con người ngày càng nâng cao, đặc biệt là thanh thiếu niên. Các em được tiếp cận công nghệ từ rất sớm, nên việc giữ gìn những truyền thống tốt đẹp dần dần bị xem nhẹ. Vì vậy, việc giữ gìn và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống dân tộc đang đặt ra nhiều thách thức cần được quan tâm. Thấy được điều đó là cần thiết, những năm gần đây các chùa, đạo tràng trong cả nước đã quan tâm, tổ chức nhiều hoạt động cho thanh thiếu niên sinh hoạt, vui chơi tu tập theo giáo lý Phật giáo. Qua đó, giúp các em có lối sống, tư duy lành mạnh, giải tỏa các áp lực của cuộc sống và học tập. Để phong trào này phát triển rộng hơn, việc hoằng pháp với giới trẻ cần được Phật giáo quan tâm, có phương pháp tổ chức thống nhất, cụ thể, giúp các em vượt qua các chướng ngại, nhận thức được trọng trách của mình với xã hội và cuộc sống.

Thanh thiếu niên là mầm non, là những chủ nhân tương lai của đất

nước và là thế hệ trẻ sẽ kế tục sự nghiệp dân tộc, là những người gánh vác vận mệnh đất nước, thậm chí cả thế giới. Do đó, công tác bồi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng và rất cần thiết. Yêu cầu



hoằng pháp phải có những bước đi và sự chuẩn bị đổi mới phù hợp cho thanh thiếu niên trong giai đoạn hiện nay, là nhiệm vụ khó khăn đầy thách thức, không chỉ bởi sự hạn chế tự thân của ngành hoằng pháp, mà còn đến từ xã hội ngày càng phát triển nhanh chóng với nhiều xu hướng văn hóa đa dạng, phong phú và tâm linh khác nhau [1].

THỰC TRẠNG THANH THIẾU NIÊN HIỆN NAY

Nguyên nhân

Có thể nói, trong thời đại khoa học kỹ thuật hiện nay, văn hóa nâng cao, nhất là công nghệ thông tin phát triển vượt bậc, đáng mừng là thanh thiếu niên có trình độ học vấn cao, hiểu biết đa dạng, phong

Thanh thiếu niên là mầm non, là những chủ nhân tương lai của đất nước và là thế hệ trẻ sẽ kế tục sự nghiệp dân tộc, là những người gánh vác vận mệnh đất nước, thậm chí cả thế giới. Do đó, công tác bồi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng và rất cần thiết. (Ảnh: internet)

phú,... quan niệm phong kiến đã được xóa bỏ, nhu cầu khẳng định bản thân và vai trò cá nhân được đề cao, tạo cơ hội cho tuổi trẻ có điều kiện sáng tạo, phát triển. Xã hội phát triển càng nhanh chóng thì nhân cách giới trẻ ngày càng thay đổi, ý thức và suy nghĩ cũng bị ảnh hưởng rất lớn. Do đó, có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến việc xuống cấp văn hóa đạo đức của giới trẻ hiện nay. Nhiều ý kiến cho rằng là do gia đình, nhà trường và xã hội. Thực tế có rất nhiều nguyên nhân khác nhau, không phải nguyên nhân nào cũng tại gia đình, nhà trường và xã hội không quan tâm giáo dục, bất kỳ lỗi lầm nào cũng bắt nguồn từ những nguyên nhân sâu xa của nó.

Nhận thức giá trị văn hóa đạo đức của thanh thiếu niên hiện đang bị xói mòn bởi chủ nghĩa thực dụng, đa số coi trọng vật chất, kéo theo đó là cả một hệ lụy tiêu cực. Hơn nữa, thanh thiếu niên ngày nay chạy theo lối sống hưởng thụ, hưởng ngoại,... mà họ cho là hợp thời, sành điệu, bỏ qua những giá trị văn hóa truyền thống, đạo đức là nền tảng cơ bản của con người. Thanh thiếu niên thời nay đang rất yếu về mặt tinh thần, tâm lý dễ bị cám dỗ: dễ buồn, dễ vui, nông nổi, dễ sa ngã bởi nhiều cám dỗ. Xã hội có quá nhiều kích động không hạn chế được. Vì vậy phải truyền bá giáo lý Phật pháp, tư tưởng văn hóa, đạo đức, lành mạnh trong tâm thức giới trẻ để họ đứng vững trước sự tấn công của cám dỗ, dục vọng. Thanh thiếu niên nếu có lý tưởng, có huấn luyện thì có khả năng kiểm soát, tự chủ cao hơn giới trẻ không có lý tưởng.

Thiếu sự giáo dục của gia đình, nhà trường

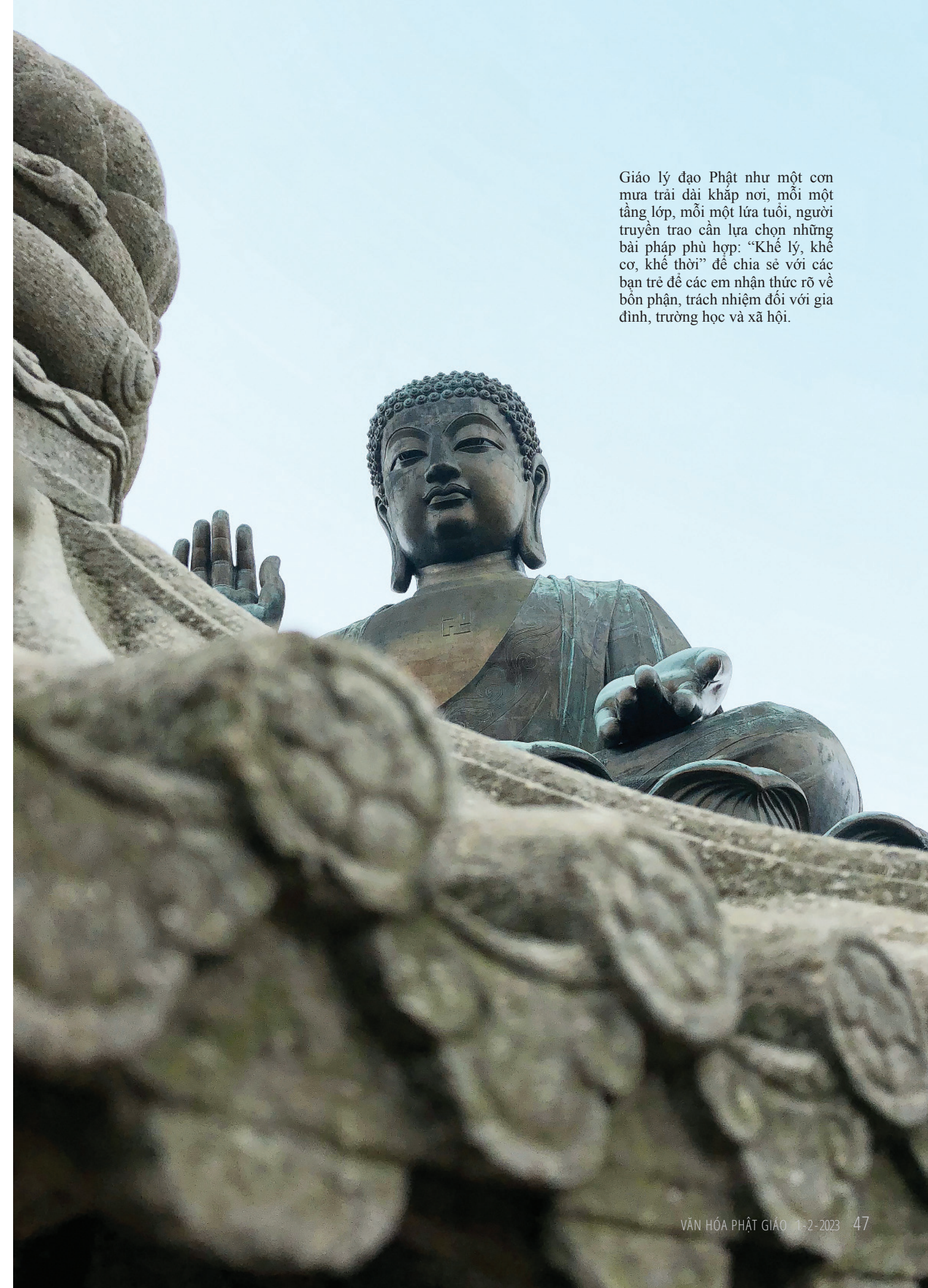
Cuộc sống ngày càng phát triển, con người càng chạy theo cuộc sống vật chất và chịu sự chi phối của công việc, khiến thời gian bên nhau không còn nhiều. Các bạn trẻ không còn nhiều thời gian quây quần bên gia đình, người thân mà thay vào đó là những bữa cơm thiếu sự hiện diện của cha mẹ, anh chị em. Bố mẹ thời nay bận lo công việc, sáng sớm đi cơ quan, công ty, tối muộn mới tan việc về nhà lại bận với công việc gia đình, hoặc bận lướt Facebook, Zalo... ít có thời gian dành cho con cái, không lắng nghe và thấu hiểu tâm tư của con em mình. Điều con trẻ cần là sự quan tâm, lắng nghe, thấu hiểu, chia sẻ và sự chỉ dạy của bố mẹ. Không những vậy, phần nhiều lại là sự áp đặt, yêu cầu, ra lệnh con phải thế này thế kia, so sánh con mình với con người ta trở thành trào lưu “con người ta” ảnh hưởng tiêu cực tới suy nghĩ cuộc sống các

bạn trẻ. Các bạn nhỏ đi học về chỉ quanh quẩn bên bài vở và làm bạn với smartphone. Có những bạn nhỏ ước được một ngày chơi đùa bên bố mẹ, người thân mà điều đó cũng trở nên xa xỉ.

Bên cạnh đó, việc học tập ở trường cũng trở thành một áp lực lớn đối với thanh thiếu niên, thời gian học trên lớp kín lịch từ sáng đến chiều, buổi tối đi học thêm, bài tập về nhà. Các bạn trẻ không còn thời gian bên gia đình, vui chơi hay quan tâm tới các việc khác, dù có học xong thì các bạn trẻ lại lao vào game online hay các trang mạng xã hội. Chính nguyên nhân đó dẫn tới tình trạng bạo lực học đường ngày càng gia tăng, các bạn trẻ sẵn sàng dùng vũ lực để giải quyết mâu thuẫn, thậm chí đánh hội đồng bạn mình rồi quay clip tung lên mạng xã hội, hạ thấp nhân phẩm bản thân và đối phương. Chính áp lực học tập, áp lực gia đình quá nhiều nên khi gặp bế tắc trong cuộc sống, việc đầu tiên các bạn nghĩ tới là kết thúc cuộc sống bằng cách tự tử... Vì vậy, sự thay đổi của xã hội hiện nay dẫn đến sự thay đổi đặc điểm nhân cách tuổi trẻ Việt Nam trong thời kỳ mới. Nhân cách là một giá trị được xây dựng và hình thành trong toàn bộ thời gian con người tồn tại trong xã hội, đặc trưng cho mỗi người, thể hiện những phẩm chất bên trong con người nhưng lại mang tính xã hội sâu sắc. Nếu được sống trong một môi trường nghiêm minh về pháp luật, chuẩn mực về đạo đức, mọi người hành xử với nhau một cách có lý, có tình, chắc chắn đó sẽ là môi trường giáo dục lý tưởng trong việc hình thành nhân cách đạo đức của giới trẻ ngày nay [2].

Nguy cơ sa đọa của một số thanh thiếu niên ngày nay

Các bạn trẻ ngày xưa ngoài việc học tập thì có thời gian quây quần bên gia đình, vui chơi cùng bạn bè bằng những trò chơi dân gian lành mạnh. Còn các bạn trẻ thời nay ngoài việc học, sự giải trí có thể chỉ quanh quẩn game online, mạng xã hội, hay đi bar, quán nhậu, thậm chí một số em rơi vào vòng cám dỗ của ma túy, chất kích thích, cờ bạc, lô đề... dẫn tới iệc phải vay nóng xã hội đen, lao vào con đường tội lỗi. Thực trạng ấy chứng tỏ xã hội đang ngày càng biến đổi khốc liệt, với vô vàn những cám dỗ chết người cùng sức mạnh của không gian mạng, rất dễ lôi kéo những người trẻ rơi vào vòng xoáy thế giới ảo, bỏ quên những giá trị tinh thần truyền thống [3].



Giáo lý đạo Phật như một cơn mưa trải dài khắp nơi, mỗi một tầng lớp, mỗi một lứa tuổi, người truyền trao cần lựa chọn những bài pháp phù hợp: “Khê lý, kê cơ, kê thời” để chia sẻ với các bạn trẻ để các em nhận thức rõ về bổn phận, trách nhiệm đối với gia đình, trường học và xã hội.

Các bạn trẻ thời nay thường sống ảo trên mạng xã hội, ăn Facebook, uống Facebook, ngủ Facebook, Tiktok, giật tit, câu like, câu view... để trở thành người của công chúng, tạo nên một con người ảo. Cho nên, một bộ phận gia đình khá giả chiều chuộng con mình, tạo lên cuộc sống đua đòi. Bên cạnh đó, điện thoại di động, internet, phim ảnh của các website đen đã tác động không nhỏ đến nhận thức, lối sống của các em, bởi bản tính tò mò, hiếu động của tuổi mới lớn [4]. Thậm chí thời nay, thanh thiếu niên sẵn sàng sống thử khi yêu nên có rất nhiều trường hợp xảy ra như: tình trạng nạo phá thai ngoài ý muốn, đánh ghen tập thể, quay trực tiếp lên các trang mạng xã hội rồi chia tay trong hận thù, thậm chí đâm chém giết người yêu, phi tang thi thể...

VAI TRÒ HOÀNG PHÁP CHO THANH THIẾU NIÊN

Từ những thực trạng trên, chúng ta cần nhận thức rõ vai trò của ngành hoàng pháp trong thanh thiếu niên như sau:

Hướng dẫn, tạo thói quen cho thanh thiếu niên về chùa sinh hoạt, tập nhận thức về Giáo lý và nhận thức về lối sống

Xã hội càng phát triển, con người càng bị cuốn vào vòng xoáy danh lợi, vật chất, cảm dỗ... mà đặc biệt thanh thiếu niên lại là thành phần dễ bị sa đà nhất. Đạo Phật là môi trường giáo dục tốt nhất cho giới trẻ hiện nay. Vì vậy, mỗi Tăng Ni trụ trì các chùa cần liên kết với các gia đình tạo thói quen cho các em về chùa sinh hoạt, tập tu để có cơ hội hướng dẫn các bạn trẻ những bài giáo lý ngắn gọn, xúc tích như các bài kệ trong Kinh Pháp Cú, Kinh Bách Dụ... để các bạn trẻ nhận thức được bốn phận của mình đối với gia đình và xã hội.

Đối với việc học tập, cần chỉ rõ lợi ích, kết quả của việc học để các em có ý thức và sự trau dồi học hỏi, nghiêm túc trong học tập, xác định rõ mục tiêu, rèn luyện thể lực và trí lực trở thành người có ích cho xã hội, tránh việc lười lao động, lười học hỏi, ngại khó, không làm tròn trách nhiệm và nghĩa vụ của mình dẫn đến việc sống thiếu lý tưởng, thiếu ý thức phấn đấu rèn luyện, giảm sút niềm tin, bản lĩnh non kém, tương lai không có công ăn việc làm, bị lôi kéo vào các tệ nạn xã hội đi vào con đường tội lỗi.

Đối với gia đình cũng cần hướng dẫn các em về đạo hiếu, truyền thống uống nước nhớ nguồn qua các bài kinh Vu Lan, các câu chuyện đạo hiếu trong Phật giáo, hay phép tắc người con trong đệ tử quy y... Qua đó, để các em hiểu sâu về công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ, tổ tiên qua đó các em có trách nhiệm với gia đình, và có trách nhiệm với chính bản thân mình.

Đối thầy cô và nhà trường, cần hướng dẫn các em gắn kết tinh thần đồng đội qua những câu chuyện đạo đức hay ngoài việc học cũng cần tạo cho các em những sân chơi bổ ích, những giờ học ngoại khóa, những trò chơi dân gian để các em giải tỏa áp lực học tập, bên cạnh đó tinh thần đồng đội được gắn kết hơn. Như vậy, sẽ không còn chia rẽ bạn bè hay hiềm khích nhau, đẩy lùi nạn bạo lực học đường. Thầy cô là những người cho ta tri thức, cho ta kinh nghiệm sống, các bạn trẻ cần tôn trọng, học hỏi và trau dồi kiến thức qua sự truyền trao của thầy cô.

Đối với các tệ nạn xã hội, nhiều thanh thiếu niên có lối sống không lành mạnh, thiếu ý chí phấn đấu, trình độ nhận thức còn kém, không thể nhìn thấy hết sự nguy hiểm cũng như thủ đoạn mà bọn tội phạm, nhất là tội phạm ma túy dụ dỗ, lôi kéo. Tình trạng thanh thiếu niên phạm pháp, sa ngã vào tệ nạn xã hội còn nhiều. Vì vậy cần phải chỉ rõ cho các bạn trẻ những tác hại của việc đó, bao tấm gương rơi vào vòng lao lý để các em tránh xa những cám dỗ cuộc đời.

Giáo lý đạo Phật như một cơn mưa trải dài khắp nơi, mỗi một tầng lớp, mỗi một lứa tuổi, người truyền trao cần lựa chọn những bài pháp phù hợp: “Khế lý, khế cơ, khế thời” để chia sẻ với các bạn trẻ để các em nhận thức rõ về bốn phận, trách nhiệm đối với gia đình, trường học và xã hội. Qua đó giúp các em có tư tưởng sống lành mạnh, xác định đúng mục tiêu, phương hướng đề ra cho cuộc sống của mỗi người. Đồng thời, cần chia sẻ giáo lý nhân quả, nghiệp báo để thanh niên thời nay nhận thức rõ về tình yêu, hôn nhân, tránh tệ nạn nạo phá thai cũng như sự hận thù sau khi chia tay. Động viên các cặp đôi tổ chức lễ hằng thuận tại chùa để các bạn trẻ được phát nguyện trước Tam Bảo, xây dựng cuộc sống hôn nhân bền chặt, hạnh phúc.

Tổ chức các khóa tu và hội trại cho thanh, thiếu niên tu dưỡng và rèn luyện đạo đức

Mỗi ngôi chùa là một ngôi trường đạo đức, mỗi Tăng Ni cần nêu cao trách nhiệm của mình không chỉ các Phật tử nói chung mà các bạn thanh thiếu niên phải được quan tâm nhiều hơn và đặt lên hàng đầu. Chúng ta cần giúp các em hiểu về chùa không chỉ đơn thuần là cầu cúng lễ bái, mà còn phải biết tu tập làm lành tránh ác, tu dưỡng đạo đức. Vì vậy, những ngày chủ nhật hàng tháng nên tổ chức các khóa sinh hoạt riêng cho thanh thiếu niên, để tạo thói quen cho các em về chùa. Sau đó, thành lập các đạo tràng thanh niên Phật tử, câu lạc bộ thanh thiếu niên Phật tử, tổ chức qua khóa tu một ngày an lạc, khóa tu mùa hè, các lớp học giáo lý hàng tuần hay các buổi hội trại, dã ngoại thăm quan các di tích Phật giáo... hướng dẫn các em các phương pháp học tập, những lối sống lành mạnh, trau dồi giáo lý Phật giáo để các em rèn tâm, rèn tính phân biệt thiện ác, đem tâm sáng sống trong cuộc sống hiện tại. Khóa tu thường gồm các hoạt động giảng dạy các điều đạo đức đơn giản, tụng những bài kinh ngắn về lòng hiếu thảo, sự tôn kính Phật, sự biết ơn những người xung quanh, các bạn cũng được hướng dẫn làm quen với ngôi thiền, lạy Phật, các bài hát thiếu nhi, các hoạt động đặc thù của lứa tuổi mầm non, thiếu nhi cũng được chú trọng để các cháu cảm thấy gần gũi và thích thú [5].

Trong khóa tu cho giới trẻ hiện nay, các chùa cần kết hợp giữa học và chơi, tu và lao động để các em trải nghiệm nhiều hình thức sinh hoạt trong một ngày. Tránh tình trạng chỉ ngồi tụng kinh, ngồi thiền và nghe giảng làm cho các em mệt mỏi và sợ đi chùa. Chúng ta cần kết hợp các trò chơi dân gian tập thể để các em gắn kết và sống trong tinh thần đồng đội, không nên tách khỏi đoàn thể; tổ chức các buổi tọa đàm để các em có thể thoải mái chia sẻ tâm tư, nguyện vọng của mình với quý thầy và các bạn đồng tu, qua đó tháo gỡ những nút thắt tâm lý trong tâm mỗi bạn; tổ chức các buổi giao lưu văn hóa, văn nghệ để các em thể hiện, phát huy sở trường của mình, mạnh dạn hơn trong giao tiếp; tổ chức các cuộc thi tài năng, thi giáo lý để các em cọ sát và biết được vị trí trí thức của mình tạo cơ hội phát triển những mặt còn yếu kém... Trong khóa tu, chư Tôn đức nên sắp xếp các thời ngoại khóa, mời trợ giảng là nhà tâm lý, bác sĩ, hay công an... để chia sẻ thêm về các vấn nạn trong xã hội như tâm lý tuổi dậy thì, phòng tránh tệ nạn xã hội, an toàn giao thông, bạo

lực học đường... để các em phòng tránh và không vi phạm vào các tệ nạn xã hội.

Áp dụng công nghệ 4.0 vào hoằng pháp cho thanh thiếu niên

Thời đại hiện nay, xã hội phát triển mạnh về công nghệ thông tin, chúng ta cần áp dụng chính công nghệ 4.0 vào việc hoằng pháp cho thanh thiếu niên để các bạn trẻ cảm nhận rõ hơn về sự hội nhập Phật giáo. Trong các buổi thuyết giảng, giảng sư cần sử dụng máy chiếu, bài giảng bằng video, trình chiếu powerpoint, dựng những clip sinh động thiết thực... tạo thêm sự lôi cuốn cho các em, tránh tình trạng nhàm chán, chỉ nghe thụ động. Lập các trang mạng xã hội, thuyết giảng online, chia sẻ vấn đáp Phật pháp online tạo điều kiện cho một số bạn trẻ bận học, bận làm không có thời gian tham gia trực tiếp trong khóa tu cũng có thể tham gia. Đồng thời, đưa các bài giảng, các buổi sinh hoạt lên Youtube, Facebook hoặc trang web của chùa để mọi người cùng theo dõi và tu tập.

Giảng sư nên định hướng cho thanh thiếu niên có ý chí phấn đấu, năng động, có mục tiêu, lý tưởng, tổ chức các buổi tập huấn trang bị kiến thức trên không gian mạng, ngăn chặn các trang có thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến thanh thiếu niên, khai thác sử dụng hiệu quả các kênh thông tin giáo dục đạo đức, lối sống hướng thiện... GHPGVN đã đầu tư nhiều người thành thạo về kỹ thuật chuyên môn và khả năng để khai thác và tận dụng được các phương tiện truyền thông mục đích là truyền tải những lời hay ý đẹp, những chất liệu cần thiết mang tính Phật pháp đến với người đang cần. Những người ở xa, những người ít tiếp xúc với chùa chiền và chư Tăng thì vai trò của truyền thông lại càng có tác dụng [6].

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Đề nghị Ban Hoằng pháp Trung ương đào tạo các giảng sư có kinh nghiệm chuyên giảng cho thanh, thiếu niên

Đề nghị Ban Hoằng pháp Trung ương quan tâm sâu sắc hơn nữa, có một chương trình, kế hoạch cụ thể chi tiết đối với công tác hoằng pháp cho thanh thiếu niên ở nông thôn, vùng sâu vùng xa. Ban Hoằng pháp Trung ương kết hợp với Ban Trị sự các tỉnh/thành đào tạo giảng sư có trình độ cũng như khả năng chuyên môn thuyết giảng cho thanh thiếu niên, soạn ra một số kinh sách, chương trình tu học

hàng năm hàng tháng và khóa tu mùa hè. Chuyển tải những nguyên lý Phật học vốn đã có mặt sẵn trong đời sống theo một cách nhìn mới, một lối diễn giảng mới phù hợp với nhận thức mới của thanh thiếu niên, có tri thức. Điều này cần đến một sự thay đổi, sự cách tân đổi mới trong cách trình bày, diễn giảng, tuy đổi mới nhưng không làm mất đi cái tinh hoa của Phật giáo.

Đặc biệt, Ban Hoằng pháp Trung ương GHPGVN phải đào tạo các giảng sư có tâm huyết, nhiệt tâm dẫn thân công hiến cho đạo pháp. Lấy đây làm trách nhiệm, là nhiệm vụ cao cả, là mạng mạch của đạo pháp cần quan tâm nhiều hơn, làm hạt giống Bồ đề trong mỗi em nẩy mầm để việc phát triển nhân cách và đời sống đạo đức, tâm linh tạo nền tảng cho một xã hội nhân ái. Ban Hoằng pháp Trung ương hướng tới việc chuyển hóa cách nhìn, cách suy nghĩ và hành động, đòi hỏi sự đổi mới phù hợp với thời đại mới. Một vị giảng sư phải có kiến thức căn bản về nội điển, ngoại điển và chuyên môn, có kiến thức về xã hội, công nghệ mới liên tục cập nhật để tự trang bị cho mình một khả năng linh hoạt, đẩy sức thuyết phục về tri thức Phật học, khoa học và đời sống; tự tin là một người thầy thời đại, được tôn kính và tin cậy, chiêu cảm được mọi thành phần xã hội, lứa tuổi; giúp mọi người tin rằng giáo lý của Đức Phật có thể làm thay đổi cuộc sống của mọi tầng lớp tốt hơn và mọi người áp dụng vào đời sống tu tập thì sẽ được giải thoát mọi mọi sự khổ đau, ràng buộc.

Giảng sư của Ban Hoằng pháp phải có kiến thức Phật học thuật chuyên sâu, một nền tảng kiến thức được trải nghiệm bằng sự tu tập, nghiên cứu kinh điển Phật học. Giảng sư không đơn thuần là người thầy giảng đạo mà còn phải hóa thân mình vào thời đại dưới hình thức một tu sĩ được xây dựng đời sống tinh thần và vật chất, giữa bản thân và những người xung quanh. Biết yêu thương, thực hành “Vô ngã - Vị tha” để gắn kết tình thân giữa con người với con người gần nhau hơn.

Điều mà mọi người vẫn thường suy nghĩ về nguyên nhân sự thành công của các vị giảng sư ngày nay là kỹ năng thể hiện tính sư phạm linh động để có thể đứng vững trên mọi hình thức thuyết giảng, mọi lứa tuổi thính chúng. Thông thường, kỹ năng diễn thuyết giỏi đòi hỏi giảng sư cần phải đáp ứng được

3 yêu cầu: một là nguồn thông tin thuyết giảng phải phong phú, đa dạng; hai là tính thuyết phục và tư duy biện luận hết sức thu hút người nghe; ba là ngôn ngữ giảng dạy phải thể hiện rõ ràng, mạch lạc, có sự thu hút sự tập trung chú ý của thính chúng. Ngoài ra, giảng sư còn có một phong thái điềm đạm, có hảo tướng nghiêm trang, đỉnh đặc, dung diện hoan hỷ, lời nói nhu hòa, câu từ chọn lọc, có sự gần gũi dễ mến,... Và trên tất cả là sự từ bi trải qua quá trình tu tập, hạnh nguyện độ sinh mà thành.

Đề nghị các cấp lãnh đạo chính quyền, gia đình và xã hội ủng hộ tạo điều kiện giúp đỡ để các chùa, các tự viện tổ chức các khóa sinh hoạt, các khóa tu tập cho các em được an toàn

Sinh hoạt cộng đồng, tạo những sân chơi cho tuổi trẻ là môi trường đầu tiên hình thành đạo đức giới trẻ. Vì sân chơi này là nơi tình yêu quê hương đất nước, sự yêu thương con người truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác với những chủ đề, nội dung phù hợp tuổi trẻ vào đời... Đây là hình thức hoằng pháp tập trung, dễ thu hút và tạo sự lôi cuốn với giới trẻ. Trên sân chơi này, các bạn trẻ sẽ được hướng dẫn tập lắng nghe để hiểu và thương, chia sẻ mỗi quan tâm đến ông bà, cha mẹ, bạn bè và mọi người chung quanh. Trong thế giới đó, một nền tảng gia đình hòa hợp, yêu thương, một nền tảng xã hội nhân ái, bao dung như lời Phật dạy, thật sự giúp giới trẻ trong việc phát triển nhân cách và đời sống đạo đức.

Nhiều năm qua, các chùa tổ chức khóa tu mùa hè, hội trại của Phật giáo đã chứng tỏ sự quan tâm giúp đỡ của các cấp chính quyền địa phương và ghi nhận sự ủng hộ đồng thuận của phụ huynh, các nhà quản lý xã hội. Đây là thắng lợi đầu tiên của công tác tổ chức hoằng pháp cho đối tượng thanh thiếu niên rất cần tiếp tục phát huy, củng cố và sáng tạo mới. Nhờ có sự giúp đỡ của chính quyền địa phương, sự giúp đỡ của các tổ chức xã hội và sự quan tâm của gia đình mà các khóa tu, hội trại Phật giáo thành công rất nhiều, giúp cho các chùa yên tâm tổ chức, đảm bảo an ninh trật tự, xã hội có niềm tin vững chắc vào các khóa tu, giúp thanh thiếu niên có sân chơi chuẩn mực đạo đức, không vi phạm pháp luật, không sa đọa vào tệ nạn xã hội, trở thành con người có lòng vị tha và nhân ái. Vì vậy, chúng tôi đề nghị chính quyền địa phương, các đoàn thể xã hội, các bậc phụ huynh cần quan

Đạo Phật là môi trường giáo dục tốt nhất cho giới trẻ hiện nay. Vì vậy, mỗi Tăng Ni trụ trì các chùa cần liên kết với các gia đình tạo thói quen cho các em về chùa sinh hoạt, tập tu để có cơ hội hướng dẫn các bạn trẻ những bài giáo lý ngắn gọn, xúc tích như các bài kệ trong Kinh Pháp Cú, Kinh Bách Dụ... để các bạn trẻ nhận thức được bổn phận của mình đối với gia đình và xã hội.



tâm hơn nữa, định hướng cho con em mình tới khóa tu và hội trại Phật giáo để tu tập, học hỏi giáo lý, rèn luyện đạo đức, giữ gìn bản sắc dân tộc tốt đẹp, xây dựng đời sống đạo đức bền vững, lợi ích cho nhân dân. Các cấp chính quyền địa phương nên quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho những hoạt động Phật giáo mang lợi ích cho đời sống tinh thần và đạo đức người dân, để trở thành những con người có ích cho xã hội, góp phần xây dựng một xã hội ngày càng văn minh.

KẾT LUẬN

Thanh thiếu niên là những chủ nhân tương lai của dân tộc, cũng là người lưu dẫn mạng mạch của Phật pháp. Đây là tầng lớp không riêng Phật giáo mà cả xã hội cần phải quan tâm nhiều hơn, giúp hạt giống Bồ đề trong mỗi em nảy mầm để phát triển nhân cách và đời sống đạo đức, tâm linh để tạo nền tảng cho một xã hội nhân ái. Giúp các em biết cân bằng giữa đời sống tinh thần và vật chất, giữa bản thân và những người xung quanh. Biết yêu thương, thực hành “*Vô ngã - Vị tha*” để gắn kết tình thân giữa con người với con người gần nhau hơn. Xây dựng một xã hội không bạo lực, không chiến tranh, tạo tiền đề xây dựng cõi Tịnh độ ngay giữa đời thường. Vì vậy, hy vọng Ban Hoằng pháp trung ương sẽ vận dụng, thực hành, chuyển hóa, thay đổi để đưa giáo lý Phật đà làm tư lương cho thanh thiếu niên hiện nay. Vì giá trị đạo đức của thanh thiếu niên hiện nay đang xuống cấp, Ban Hoằng pháp Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam phải coi đây là một Phật sự trọng đại, với tinh thần trách nhiệm, nghiêm túc và cấp bách. Cần đổi mới hoàn toàn về cách hoằng pháp cho thanh thiếu niên bấy lâu nay. Giáo hội Phật giáo Việt Nam cùng gia đình, nhà trường và xã hội vào cuộc thì nhất định một thời gian không xa mọi chuẩn mực đạo đức truyền thống sẽ được con em chúng ta lại lưu truyền gìn giữ trong nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và tiến tới một thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc./.

Chú thích:

- [1] <https://www.daophatngaynay.com/vn/phatgiaovn/su-kien-van-de/6963-Hoang-phap-voi-thanh-thieu-nien.html>
- [2] Lý Thị Thảo (2019), Giá trị đặc sắc về thực hành nhận thức Ái ngữ Phật giáo vực dậy nền đạo đức đang suy thoái trong giới trẻ Việt Nam hiện nay, *Nền tảng giáo dục Phật giáo về đạo đức*, Nxb. Tôn giáo, tr.258.
- [3] Thích Quảng Tịnh (2019), Phật giáo góp phần làm thay đổi nhận thức của người trẻ tại TP. Hồ Chí Minh, *Nền tảng giáo dục Phật giáo về đạo đức*, Nxb. Tôn giáo, tr.304.
- [4] Lý Thị Thảo (2019), Giá trị đặc sắc về thực hành nhận thức Ái ngữ Phật giáo vực dậy nền đạo đức đang suy thoái trong giới trẻ Việt Nam hiện nay, *Nền tảng giáo dục Phật giáo về đạo đức*, Nxb. Tôn giáo, tr.258.
- [5] Thích Quảng Tịnh (2019), Phật giáo góp phần làm thay đổi nhận thức của người trẻ tại TP. Hồ Chí Minh, *Nền tảng giáo dục Phật giáo về đạo đức*, Nxb. Tôn giáo, tr.301.
- [6] Nguyễn Thị Minh Nguyệt (2019), Đạo đức Phật giáo trong thời đại “*Vạn vật kết nối*”, *Nền tảng giáo dục Phật giáo về đạo đức*, Nxb. Tôn giáo, tr.198.

Hành



Ở phương diện nào đó, có thể nhận định tín đồ chính là tài nguyên của Giáo hội. Vì thế, muốn trở thành một nhà hoằng pháp khéo léo, tinh tế trong ứng xử, thành công trong nhiếp chúng, Tăng Ni cần phải trang bị cho một số kiến thức về nội điển, ngoại điển và kỹ năng hoằng pháp khác.

DẪN NHẬP

Theo thống kê của Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương năm 2019, số lượng tín đồ Phật giáo ở Việt Nam (những người khai tôn giáo là Phật giáo) hiện là 4,6 triệu tín đồ, chiếm 35% những người có tôn giáo và tương ứng với 4,8% dân số cả nước [1]. Vì thế, Giáo hội và Tăng Ni cần phát triển hơn nữa sách lược thích hợp nhằm tạo ra các thể hệ tín đồ cho tương lai, đồng thời tạo nên diện mạo huy hoàng cho Phật giáo thời hiện đại. Với vai trò người đệ tử Phật, điểm tựa tinh thần, bậc thầy đáng

trang

của một giảng sư thời đại công nghệ số

ĐD. Thích Không Tú *

kính của Phật tử, để hoạt động giáo hóa, hoằng pháp đạt hiệu quả cao có rất nhiều vấn đề cần đặt ra cho Tăng Ni. Xong, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi muốn bàn đến đến hành trang cần có của một giảng sư thời đại công nghệ số.

CON NGƯỜI LÀ TÀI NGUYÊN QUÝ BÁU

Con người chính là nguồn lực quyết định trong quá trình phát triển xã hội. Tương tự, với bất kỳ tổ chức nào, con người là yếu tố trung tâm quyết định sự thịnh suy của tổ chức. Phật giáo muốn phát triển bền vững thì ngoài hàng ngũ Tăng Ni tài đức phải có những tín đồ đầy nghị lực, luôn gắn kết, tin tưởng vào sứ mệnh của Giáo hội và hiểu rõ phải làm thế nào để thực hiện sứ mệnh đó. Ở phương diện nào đó, có thể nhận định tín đồ chính là tài nguyên của Giáo hội. Vì thế, muốn trở thành một nhà hoằng pháp khéo léo, tinh tế trong ứng xử, thành công trong nhiếp chúng, Tăng Ni cần phải trang bị cho một số kiến thức về nội điển, ngoại điển và kỹ năng hoằng pháp khác.

KIẾN THỨC NỘI ĐIỂN

Kiến thức nội điển hay còn gọi giáo lý Đạo Phật về tổng thể gồm: Kinh (những chỉ dạy của Đức Phật), Luật (những giới luật áp dụng cho tín đồ), Luận (những luận bàn, giảng giải về Kinh và Luật). Về chi tiết có thể kể ra như: *Tứ diệu đế, vô thường, vô ngã, duyên sinh, 37 phẩm trợ đạo, nhân quả nghiệp báo, luân hồi,...* Về nội dung, đề cập đến khổ và phương pháp diệt khổ. Về hương vị, tuy bàng bạc nhưng thấm nhuần một vị duy nhất, đó là giải thoát. Giảng sư càng vững vàng, tinh thông nội điển bao nhiêu thì càng giúp cho tín đồ, quần chúng nhân dân trang bị được nhiều kiến thức, kinh nghiệm hành pháp bấy nhiêu.

Giảng sư Phật giáo, hiểu đơn giản là người thầy giảng dạy Phật pháp. Một giảng sư thực hiện sứ mệnh hoằng pháp, đưa Phật pháp lan tỏa vào đời sống quần chúng thì không thể chỉ dừng lại ở sự hiểu biết thô sơ, thiếu căn bản Phật học. Càng không thể mang những tư duy, tà kiến sai lệch với Phật



Ảnh sưu tầm

pháp để truyền dạy cho thính chúng. Làm chủ kiến thức nội điển, đảm bảo nội dung truyền đạt chính xác, đúng chánh pháp, vận dụng giáo lý theo yêu cầu cơ bản, hiện đại, thực tiễn... là điều kiện cần có của giảng sư. Hiện nay, Giáo hội đã mở ra cơ hội trao dồi kiến thức nội điển cho Tăng Ni sinh rất nhiều. Các lớp Sơ cấp Phật học, Trung cấp Phật học, Cao đẳng, Giảng sư, Cử nhân Học viện... Ngoài những hình thức chính thống đó ra, các cấp Giáo hội ở tỉnh thành cũng thường xuyên tổ chức các khóa an cư, nghiệp vụ trụ trì, nghiệp vụ hoằng pháp. Đây là cơ hội để Tăng Ni có thể tiếp thu và rèn luyện nội điển một cách trọn vẹn và chân chánh nhất.

Một giảng sư được trang bị hoàn chỉnh kiến thức nội điển sẽ vừa giúp bản thân có sự hiểu biết đúng đắn về Phật học, vừa tôi luyện phạm hạnh ngày thêm thanh cao. Song, để có được điều này thì vị giảng sư ấy hãy chú ý cân đối giữa học hỏi và hành trì vì một khi bằng cấp học vị được đề cao thái quá, việc hành pháp rơi vào hàng thứ yếu thì nguy cơ cho đạo pháp xuất hiện. Hãy đừng để Phật giáo Việt nam tương lai chỉ toàn học giả lại vắng bóng những hành giả, những nhân tố cần thiết nhất cho mạng mạch Phật pháp trường tồn.

KIẾN THỨC NGOẠI ĐIỂN

Thế giới đang tiến nhanh vào kỷ nguyên của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, kỷ nguyên nở rộ của trí tuệ nhân tạo, công nghệ số hóa và internet vạn vật. HT. Thích Thanh Đạt, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội nêu ý kiến rằng, “*Thế*

sự đang bàn nhiều đến việc sống trong “thế giới phẳng” trong đó không còn biên giới về kinh tế, văn hóa, xã hội, biên giới quốc gia chỉ có ý nghĩa tượng trưng. Người Tăng sĩ không thể đứng ngoài dòng chảy đó mà phải trang bị đầy đủ kiến thức thế học, với năng lực tu tập và trí tuệ của người trưởng tử Như Lai, sống vững vàng, biết tận dụng những thuận duyên và khắc phục những nghịch duyên cho quá trình tu tập, phụng sự đạo pháp, phục vụ dân tộc, phát triển Giáo hội. Muốn vậy, giáo dục ngoại điển cũng cần phải được coi trọng”.

Kiến thức ngoại điển là cụm từ chỉ cho các tri thức về các ngành khoa học xã hội, khoa học nhân văn, khoa học tự nhiên như: triết học, lịch sử, tâm lý, ngoại ngữ, công nghệ,... Đây là sản phẩm của quá trình lao động sản xuất và hoạt động xã hội, là nguyên nhân khiến con người phải tìm hiểu sâu hơn, nghiên cứu đầy đủ hơn về thế giới, tìm hiểu khả năng nhận thức của chính mình. Những tri thức khoa học này có vai trò hết sức quan trọng, góp phần tạo nên mọi thành tựu và tiến bộ trong lịch sử phát triển của văn minh nhân loại. Do đó, nếu không có tri thức khoa học sẽ không có một xã hội phát triển, phồn thịnh như hiện nay.

Ngày nay, cơ hội học tập ngoại điển dành cho Tăng Ni là rất lớn. Điều đó có được nhờ vào sự phổ cập của giáo dục; sự cởi mở trong tư tưởng của chư vị tôn túc Giáo hội, bốn sư, y chỉ sư; sự đa dạng hóa các hệ thống đào tạo từ phổ thông đến đại học, từ bổ túc đến chính quy; và sự hộ trì của Phật tử, sự quan tâm của huynh



KHÓA THỰC TẬP THUYẾT GIẢNG LỚP ĐÀO TẠO GIẢNG SƯ

Bái Đình, ngày 17, 18, 19, tháng 12 năm 2020



Sự phát triển năng lực hoằng pháp của giảng sư gắn liền với việc nắm vững các kỹ năng. Các giảng sư rất cần trang bị kiến thức về tập luyện và phát triển tốt phương pháp, kỹ năng giảng dạy, hoằng pháp về lý luận và thực hành. (Hình ảnh TT. Thích Phước Nghiêm tại buổi khai mạc khóa thực tập thuyết giảng lớp đào tạo Giảng sư khu vực phía Bắc - PSO).

đệ đồng tu. Vấn đề quan trọng là Tăng Ni có được định hướng và chịu khó học tập hay không. Người giảng sư bên cạnh việc tiếp nhận kiến thức nội điển làm kim chỉ nam trên bước đường tu thân, hành đạo thì việc tiếp nhận kiến thức ngoại điển để nâng cao tri thức, hoàn thiện nhân cách, tích cực hóa các thành tựu khoa học cũng không kém phần quan trọng. Nó được xem như hai con mắt trên một gương mặt vậy.

Phật giáo hiện đại vừa mang sắc thái Phật giáo dân gian, vừa mang tinh thần nhập thế cao độ. Với sắc thái, tinh thần đó, bằng Tứ nhiếp pháp, Phật giáo đã đi vào đời để hóa độ đời khiến đạo đời chan hòa. Vị giảng sư mạnh về ngoại điển có thể tạo nên các phương pháp, phương tiện hoằng pháp hiệu quả mà cũng có cung cách ứng xử thích hợp đối với nhiều tầng lớp khác nhau trong xã hội. Suzuki Teitaro Daisetz, một học giả lừng danh người Nhật đưa ra nhận xét: *“Trong ngày nay, chùa chiền Phật giáo là những trường học, bệnh viện, phòng khám bệnh, trại mồ côi, nơi nương tựa của những người già; và những vị tu sĩ là những vị giáo viên, y tá, bác sĩ, kỹ sư, người quản lý nhà trọ miễn phí, những người trông trẻ, những nhà thám hiểm ở vùng hoang dã, ... Khi cộng đồng đang trong giai đoạn tiến triển ban sơ, những người đệ tử Phật là những nhà lãnh đạo trong mỗi chiều hướng, và chính quyền tự nhiên khuyến khích về hoạt động của họ”* [2].

Người muốn qua sông phải cần đến thuyền, vị giảng sư muốn đi vào đời để độ đời như lời phát biểu của Suzuki phải cần đến ngoại điển là điều không thể

thiếu. Vì thế, trong thời đại kỹ nguyên số, một nhà truyền bá Phật giáo cần học tập và không ngừng học tập kiến thức ngoại điển để noi gương tham gia xã hội khéo léo của Đức Phật và chừa vị tiền bối lỗi lạc Phật giáo... Tóm lại, năng lực hoằng pháp của một giảng sư thời đại 4.0 đòi hỏi vị ấy không ngừng nâng cao trình độ Phật học mà còn phải liên tục cập nhật kỹ năng, kiến thức về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kinh tế - chính trị - xã hội... Từ đó, có thể thích nghi với sự phát triển không ngừng của công nghệ số, đáp ứng yêu cầu cho việc hoằng pháp, khả năng thiết kế, xây dựng chương trình hoằng pháp, biên tập giáo trình giảng dạy có tính cập nhật thời đại, khả năng tổ chức lớp học, lớp giáo lý, đạo tràng tu học đa dạng, ứng dụng công cụ công nghệ cho bài giảng sinh động và tương tác đa chiều.

KỸ NĂNG HOẰNG PHÁP

Sự phát triển năng lực hoằng pháp của giảng sư gắn liền với việc nắm vững các kỹ năng. Các giảng sư rất cần trang bị kiến thức về tập luyện và phát triển tốt phương pháp, kỹ năng giảng dạy, hoằng pháp về lý luận và thực hành. Một số kỹ năng hoằng pháp quan trọng cần có như sau: Ứng dụng công nghệ số, thiết kế chương trình/bài giảng, thuyết giảng, nghiên cứu khoa học, giao tiếp.

Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin

Công nghệ thông tin và truyền thông là những công cụ tiềm năng mạnh mẽ có khả năng tạo ra những thay đổi, cải cách lớn lao trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống. Chính công nghệ thông tin như: máy tính, mạng

internet và công nghệ truyền thông (đài và vô tuyến, điện thoại)... đã tạo ra một nền kinh tế toàn cầu mới *“lấy sức mạnh từ công nghệ, năng lượng từ thông tin và chèo lái bằng kiến thức”* [3]. Một giảng sư trong thời đại kỹ nguyên số không thể không nhắc đến kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác hoằng pháp của mình. Nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ, giảng sư chủ động trong việc lựa chọn phương pháp, phương tiện giảng dạy, hoằng pháp. Đồng thời, không còn phải phụ thuộc hoàn toàn vào sách và các tài liệu in trong các thư viện với số lượng hạn chế nữa. Với Internet, tài nguyên tài liệu, giáo trình về hầu hết các phương diện đời sống có thể tiếp cận được bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào trong ngày với số lượng người không hạn chế.

Thật không quá lời khi cho rằng, việc tích cực hóa công nghệ thông tin có thể biến công tác hoằng pháp trở nên vượt không gian và thời gian. Các giáo trình, bài giảng, khóa học, khóa tu trực tuyến có thể truy cập 24/7. Việc thuyết giảng online cũng không cần thiết phải có tất cả thính chúng và giảng sư tại cùng một địa điểm không gian cố định. Một số loại công cụ công nghệ nhất định như: công nghệ phòng họp, hội nghị, tọa đàm từ xa, cho phép việc nghe giảng, tụng kinh, tham dự khóa tu đồng thời giữa các thính chúng ở những địa điểm khác nhau (tu học đồng bộ). Và khóa *Nghiệp vụ kỹ năng hoằng pháp 4.0* diễn ra trong thời đại dịch COVID-19 không thể ra khỏi nhà là một minh chứng cụ thể.

Tuy nhiên như Sandbothe (2000) từng phát biểu: *“Trong thời đại internet và mạng xã hội, tiến trình truyền bá thông tin và kiến thức thay đổi đáng kể, các phương tiện đọc nội dung số trở thành một lựa chọn phổ biến. Tuy nhiên, một thách thức lớn xuất hiện, đó là tình trạng quá tải thông tin, đòi hỏi từng cá nhân phải có khả năng tìm kiếm, chọn lọc, kiểm tra, đánh giá tính xác thực và độ phù hợp của thông tin”* [4]. Do đó, một vị giảng sư về cơ bản cần: Sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm trình chiếu, biết cách sử dụng ít nhất một phần mềm cắt ghép ảnh, chỉnh sửa video, biết khai thác và sử dụng Internet để tìm kiếm tài liệu, tư liệu phục vụ cho quá trình soạn bài giảng cũng như lập kế hoạch, phổ biến, triển khai các chương trình hoằng pháp, tu học cho tín đồ. Về chuyên sâu, mỗi giảng sư từng bộ môn phải biết cách sử dụng từ một đến hai phần mềm hay ứng dụng hỗ trợ giảng dạy trực tuyến.



Phật giáo muốn phát triển bền vững thì ngoài hàng ngũ Tăng Ni tài đức phải có những tín đồ đầy nghị lực, luôn gắn kết, tin tưởng vào sứ mệnh của giáo hội và hiểu rõ phải làm thế nào để thực hiện sứ mệnh đó.

Các cơ sở đào tạo giảng sư Phật giáo có thể nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho giảng sư tương lai bằng cách tổ chức hoạt động thao giảng hay các cuộc thi giảng dạy có sử dụng công nghệ thông tin. Qua các hoạt động đó đưa ra hình thức đánh giá ghi nhận, khích lệ những thành quả mà học viên đã đạt được để động viên họ tích cực nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin.

Kỹ năng thiết kế, xây dựng chương trình/bài giảng

Giảng sư là một nhân tố có tác động trực tiếp tới việc phát triển chương trình/bài giảng, họ đóng vai trò kép: là người xây dựng, thiết kế và đồng thời là người triển khai, thực hiện chương trình/bài giảng. Vì vậy, giảng sư có quyền quyết định đối với chương trình/bài giảng mà chính họ là người trực tiếp xây dựng, trực tiếp thực hiện. Xây dựng chương trình/bài giảng là bước đầu tiên của hoạt động hoằng pháp hay thuyết giảng. Nó đóng vai trò như kịch bản của một bộ phim, chi phối toàn bộ diễn biến trong bộ phim. Nên giảng sư cần chú trọng chương trình/bài giảng phải đảm bảo tính giá trị Phật giáo như: khế cơ, khế lý, khế thời, khế xứ, hài hòa giữa lý luận và thực tiễn.

Kỹ năng thuyết giảng

Đại đức Thích Chánh Thuận nêu: *“Thuyết giảng là phương pháp vị giảng sư Phật giáo dùng lời nói giải thích, thông báo, mô tả, tái hiện, trình bày, diễn giải, tường thuật, kể chuyện, phân tích, tổng hợp, chứng minh... một nội dung nào đó một cách có hệ thống, logic để người nghe tiếp thu, tiếp nhận”* [6]. Từ định nghĩa về thuyết giảng có thể hiểu kỹ năng thuyết giảng là khả năng vận dụng các phương pháp, phương tiện một cách khéo léo để người nghe có thể lĩnh hội nội dung truyền dễ dàng và hiệu quả nhất. Do đó, vấn đề tự đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cùng các kỹ năng như: thuyết trình, trực quan, sử dụng các phần mềm phục vụ cho giảng dạy online, các lớp giáo lý là thật sự cần thiết đối với một vị giảng sư.

Trong kỹ năng thuyết giảng cần lưu ý các tiêu chí sau: 1) Thiết kế và trình bày bài giảng phù hợp với trình độ kiến thức của người nghe bằng cách soạn thảo kịch bản sinh động cho buổi thuyết giảng, thu hút sự hứng thú của thính chúng từ đầu đến cuối buổi; 2) Rèn luyện khả năng truyền đạt, truyền cảm hứng, kết nối và ứng biến linh hoạt; 3) Làm sáng tỏ các luận điểm của bài giảng, khuyến khích người nghe đưa ra các ý kiến hoặc hiểu biết của riêng mình, khuyến khích người nghe liên hệ những gì đã được nghe, học với kinh nghiệm bản thân và những vấn đề cụ thể trong đời sống; 4) Cung cấp cho người nghe những kiến thức mới, cập nhật, phù hợp với thực tiễn làm bộc lộ giá trị giáo lý Đạo Phật; 5) Không mang tư tưởng phê phán chính trị, đả phá hệ phái, vùng miền vào bài giảng.

Kỹ năng nghiên cứu khoa học

Một trong những yếu tố quan trọng quyết định trực tiếp chất lượng và hiệu quả của ngành hoằng pháp là trình độ của đội ngũ giảng sư. Trình độ của giảng sư được thể hiện qua năng lực hoằng pháp và nghiên cứu khoa học. Muốn phát triển chất lượng giảng sư phục vụ cho công tác hoằng pháp của Giáo hội thì không thể không phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học cho họ. Không thể có một giảng sư tốt mà lại không thể tham gia viết báo, tạp chí, hội thảo khoa học. Một giảng sư giỏi không chỉ biết truyền thụ kiến thức Phật học mà đồng thời còn có khả năng phát hiện ra các nan đề, nỗi khổ niềm đau của quần chúng, đề xuất những giải pháp hiệu quả cho các hoạt động Phật sự của Giáo hội cũng như các tình huống cụ thể của xã hội. Do đó, để đánh giá đầy đủ năng lực của giảng sư cần có thêm tiêu chí yêu cầu về hoạt động nghiên cứu khoa học.

Theo Ding và đồng sự (2006), hoạt động nghiên cứu khoa học được thể hiện dưới dạng các hình thức như sau: (i) thực hiện nghiên cứu khoa học, (ii) xuất bản công trình nghiên cứu, (iii) bằng sáng chế khoa học, và (iv) giải thưởng nghiên cứu khoa học [6]. Những hình thức này có thể điều chỉnh phù hợp với giảng sư Phật giáo. Theo đó, hai tiêu chí được đưa ra: 1) Số lượng và chất lượng các ấn phẩm đã được công bố. 2) Tinh thần tham gia vào các hoạt động nghiên cứu, các hội nghị, hội thảo. Đây là hai tiêu chí cơ bản nhất để đánh giá kỹ năng nghiên cứu khoa học của một giảng sư Phật giáo.

Hiện nay, để đẩy mạnh công tác hoằng pháp lợi sinh của Phật giáo nước nhà, nhiều ấn phẩm, tạp chí, tập san của các ban, viện, học viện đã ra đời như: Tạp chí Nghiên cứu Phật học, tạp chí Văn hóa Phật giáo, Hoa Đàm, Nguyệt san Giác Ngộ,... Đó là chưa kể đến các tạp chí từ cách ngành khoa học xã hội hay các trường đại học bên ngoài. Ngoài ra, mỗi năm, các hội thảo trong nước, quốc tế liên tục diễn ra khắp mọi miền đất nước. Bản thân ngành Hoằng pháp cũng có hội thảo chuyên ngành riêng. Có thể nói, chưa bao giờ việc đóng góp bài nghiên cứu cho các tạp chí hay hội thảo lại mở ra nhiều cơ hội như hiện nay.

Kỹ năng giao tiếp

Trong bất kỳ hoạt động chung nào giữa Tăng Ni - Phật tử, giao tiếp vẫn là một đặc thù quan trọng, là

sự tác động lẫn nhau nhằm trao đổi những thông tin, bàn bạc kế hoạch, lập nhiệm vụ, thực hiện hành động. Do đó, giao tiếp, một kỹ năng cần thiết nên được rèn luyện, sẽ tạo nền tảng đưa đến sự thành công của giảng sư dù ở bất kỳ thời đại nào. Kỹ năng giao tiếp là khả năng sử dụng các phương pháp, kỹ thuật vào quá trình giao tiếp để truyền tải thông điệp đến người khác một cách tốt nhất. Đồng thời tiếp nhận thông điệp một cách chủ động hiệu quả, thúc đẩy quá trình giao tiếp hai chiều.

Ngày nay, trong xã hội hiện đại, ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, giao tiếp giữa Tăng Ni - Phật tử càng trở nên nhanh chóng và dễ dàng hơn xưa rất nhiều nhờ có Zalo, Facebook, email và các kênh mạng xã hội khác,... Nhưng có thật chúng ta đang giao tiếp tốt hơn? Mỗi người sẽ có câu trả lời cho riêng mình. Từ nghiên cứu của mình, Thái Trí Dũng (2003) chỉ ra, trong cuộc sống người ta thường dùng 42% thời gian cho việc nghe, còn lại 58% thời gian dành cho việc nói, đọc và viết. Như vậy, gần một nửa thời gian giao tiếp dành cho việc nghe. Nhưng người ta lại dành thời gian rất ít cho việc rèn luyện kỹ năng nghe. Những người không biết cách lắng nghe chỉ có thể hiểu được 50% nội dung cuộc nói chuyện. Sau 48 tiếng, tỷ lệ này sẽ giảm xuống thậm chí chỉ còn 25% [7]. Nghĩa là họ không thể nhớ lại những gì đã nghe trong cuộc đàm thoại một cách chính xác và đầy đủ. Khả năng nghe và nắm bắt những ý nghĩa sâu sắc trong lời nói của người khác lại càng hiếm. Đó là mới đề cập đến tầm quan trọng của kỹ năng lắng nghe, trong hệ thống kỹ năng giao tiếp của giảng sư không thể thiếu một số kỹ năng cơ bản khác cần được học tập và rèn luyện như: Đàm thoại, thuyết trình; sử dụng ngôn ngữ hình thể; giao tiếp thông qua các phương tiện truyền thông hiện đại,...

Tóm lại, kỹ năng giao tiếp chính là cầu nối, giúp giảng sư gắn kết các mối quan hệ trong công việc, trong cuộc sống. Người có khả năng giao tiếp tốt sẽ dễ dàng tìm được cơ hội tốt. Họ cũng có khả năng hóa độ quần chúng đông đảo và vững mạnh hơn người không giỏi giao tiếp.

KẾT LUẬN

Cổ đức dạy: “Phật pháp xương mình do Tăng Ni hoằng hóa, thiền môn hưng thịnh do đàn việt phát tâm”. Ý nói, muốn chánh pháp được lan rộng,

chúng sanh thừa hưởng vị đề hồ của Phật pháp chắc chắn phải nhờ đến sự giả Như Lai là Tăng Ni hoằng truyền. Kế tục sự nghiệp của Phật để hoằng dương chánh pháp được xem như nghĩa vụ chính, sứ mệnh thiêng liêng cao cả của Tăng Ni, cụ thể là các giảng sư. Song, để hoằng pháp thành công, giảng sư cần trang bị tư lương về tri thức Phật học, tri thức khoa học, lòng nhiệt tâm, đức độ, kỹ năng hoằng pháp... Tất cả sẽ tạo nên nghệ thuật, chìa khóa của sự thành công.

Chú thích:

* Đại đức Tiến sĩ Thích Không Tú.

- [1] Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2019), *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb. Thống kê, tr.54
- [2] Suzuki D.T. (2000), *Essay in Zen Buddhism*, quyển III, New Delhi: Munshiram Manoharlal Publishers Pvt. Ltd, tr. 369.
- [3] US Department of Labor (1999), *Công việc tương lai- Xu hướng và thách thức trong công việc trong thế kỷ 21* Quoted in *EnGauge*, “21st Century Skills,” North Central Regional Educational Laboratory.
- [4] Sandbothe, M. (2000). Media philosophy and media education in the age of the Internet. *Journal of Philosophy of Education*, 34 (1), 53-69.
- [5] Thích Chánh Thuận (2021), *Lý luận thuyết giảng, Khóa tập huấn nghiệp vụ hoằng pháp thời đại 4.0*.
- [6] Ding W. W, Murray F, Stuart T. E. (2006), “Gender differences in patenting in the academic life sciences”, *Science*, 313(5787), 665-667.
- [7] Thái Trí Dũng (2003), *Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh*, Nxb. Thống kê, TP. Hồ Chí Minh.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2019), *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb. Thống Kê.
2. Ding W. W, Murray F, Stuart T. E. (2006), “Gender differences in patenting in the academic life sciences”, *Science*, 313 (5787).
3. Thái Trí Dũng (2003), *Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh*, Nxb. Thống kê, TP. Hồ Chí Minh.
4. Thích Đức Nghiệp (1993), *Hội thảo “Đạo đức Phật giáo”*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam.
5. Sandbothe, M. (2000). “Media philosophy and media education in the age of the Internet”. *Journal of Philosophy of Education*, 34 (1).
6. Suzuki D.T, (2000), *Essay in Zen Buddhism*, quyển III, New Delhi: Munshiram Manoharlal Publishers Pvt. Ltd.
7. Thích Chánh Thuận (2021), *Lý luận thuyết giảng, Khóa tập huấn nghiệp vụ hoằng pháp thời đại 4.0*.
8. US Department of Labor (1999), *Công việc tương lai- Xu hướng và thách thức trong công việc trong thế kỷ 21* Quoted in *EnGauge*, “21st Century Skills,” North Central Regional Educational Laboratory.
9. Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam (2015), *Kinh Tiểu bộ*, tập 1, Kinh Phật thuyết như vậy, Nxb. Tôn giáo.



PHẬT GIÁO

**VĂN HÓA
& ĐỜI SỐNG**



Vài nét về
**TU
TƯỞNG
PHẬT
GIÁO**
trong thơ Vương Duy

Nguyễn Ngọc Hùng



Không biết chùa Hương Tích ở đâu?
Đi mây dậm lên đến chỗ núi mây cao
ngất. Cây cổ thụ mọc um tùm không
có vết đường tắt người qua lại. Núi
sâu, có tiếng chuông ở đâu ngân lên?
Tiếng nước suối đập vào gành đá
nghe như bị nghẹn lại. Sắc mặt trời
có vẻ lạnh lẽo luồn qua lùm thông
xanh. Chiều hôm vắng vẻ trên khu
đầm nước. Muốn chế ngự con rồng
độc ác thì phải quy y nơi cửa thiền.

Vương Duy là một trong những nhà thơ nổi tiếng thời thịnh Đường, Trung Quốc. Trong lịch sử thi ca Trung Quốc, trong khi Lý Bạch được gọi là “*Thi Tiên*” vì những bài thơ của ông mang đậm chất lãng mạn, mang lại cảm xúc bay bổng, phóng khoáng, Đỗ Phủ được gọi là “*Thi Thánh*” với những vần thơ trầm mặc, đậm chất hiện thực ưu thời mẫn thế, thì Vương Duy được mệnh danh là “*Thi Phật*” với nhiều tác phẩm có nội dung gắn bó với tư tưởng nhà Phật, mang đậm triết lý thiền.



Tác giả quan sát và nhận thấy những đóa sen nở rồi lại rụng, cứ một mình như vậy, cũng như con người, ở nơi khe suối lặng lẽ không người lui tới, cứ sống cuộc sống thanh tịnh, làm bạn với thiên nhiên. Hình ảnh hoa nở rồi tàn lặp đi lặp lại, cho thấy cái vô thường của vạn vật, không vật nào thoát ra ngoài quy luật đó.

ĐÔI NÉT VỀ TIỂU SỬ

Vương Duy (王维), sinh năm 701, mất năm 761, tên chữ là Ma Cật, hiệu là Ma Cật cư sĩ, người tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc. Ông xuất thân trong gia tộc họ Vương có tiếng ở thời nhà Đường. Năm Khai Nguyên thứ 9 (721), đời Đường Huyền Tông, ông đỗ tiến sĩ, sau đó đã trải qua nhiều chức quan khác nhau, có lúc làm đến chức Thượng thư hữu thừa, cho nên hay được gọi là Vương hữu thừa.

Vương Duy nổi tiếng không chỉ thi ca mà còn về hội họa. Tác gia nổi tiếng đời Tống là Tô Đông Pha đã có nhận xét về thi họa của Vương Duy là “*thi trung hữu họa, họa trung hữu thi*”, trong thơ có họa, trong họa có thơ. Sáng tác của Vương Duy lúc trẻ tập trung vào chủ đề “*biên tái*”, phản ánh hiện thực về những vùng đất ở nơi biên cương khó khăn, hiểm trở. Về lúc tuổi đã văn niên, thơ ông tập trung vào chủ đề phong cảnh sông núi, nước non, cảnh đẹp bình dị nơi quê mùa, đặc biệt là cảnh nơi thâm sơn cùng cốc. Vào những năm cuối đời, ông chuyên tâm nghiên cứu Phật giáo, thi ca phản ánh tính Phật, vì vậy người đời mới gọi ông là Thi Phật.

NHỮNG VẦN THƠ MANG TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO

Trước hết, khi cảm thụ vẻ đẹp thiên nhiên, sáng tác của Vương Duy thường xen lẫn triết lý thiền, phảng phất những cảnh vật thanh tịnh, trầm lắng, mang đậm không khí thiền môn. Trong bài “*Điều minh giản*”, nhà thơ viết:

鳥鳴澗
人間桂花落，
夜靜春山空。
月出驚山鳥，
時鳴春澗中。

*Nhân nhàn quế hoa lạc,
Dạ tĩnh xuân sơn không.
Nguyệt xuất kinh sơn điệu,
Thời minh xuân giản trung.*

Dịch nghĩa

*Người nhàn nhã, hoa quế rụng
Đêm thanh tịnh, ngọn núi mùa xuân yên lặng
Trăng nhô lên làm kinh động loài chim núi
Ở trong khe núi xuân, hót vang lên.*

Trong bài thơ này, ta bắt gặp hình ảnh đêm thanh tịnh ở một nơi thâm sơn cùng cốc, thanh tĩnh đến

mức chỉ một sự thay đổi khi ánh trăng xuất hiện cũng khiến cho chim chóc trong núi giật mình. Ở câu cuối, ta thấy hương vị của mùa xuân, với tiếng chim hót trong khe núi vang lừng, biểu tượng cho sự sống, cho sự sinh sôi nảy nở. Qua những câu thơ của Vương Duy, ta có thể hình dung, tưởng tượng ra bức tranh về chốn thiền môn ở một nơi khe núi vào một đêm xuân thanh tĩnh, vắng bóng bụi trần.

Còn trong bài “*Lộc trại*”, nhà thơ viết:

鹿 柴
空山不見人，
但聞人語響。
返景入深林，
復照青苔上。

*Không sơn bất kiến nhân,
Đãn văn nhân ngữ hưởng.
Phản cảnh nhập thâm lâm,
Phục chiếu thanh đài thượng.*

Dịch nghĩa

*Trong núi vắng, không thấy người,
Chỉ nghe thấy tiếng người nói vang lại.
Ánh sáng phản chiếu rọi vào trong rừng sâu,
Rồi lại soi lên trên đám lá rêu xanh.*

Ta bắt gặp lại hình ảnh nơi thâm sơn vắng vẻ, chỉ nghe thấy tiếng mà không có bóng người qua lại. Không thấy bóng người mà chỉ nghe thấy tiếng, khiến ta hình dung nơi đó phải là một nơi thật thanh tĩnh, yên lặng, mới có thể nghe thấy tiếng người từ khoảng cách rất xa. Ở đó, cảnh vật được nhà thơ quan sát và miêu tả khiến ta hình dung ra những bức tranh phong cảnh mà ta vẫn thấy nhiều ở thời nay, đó là cảnh ánh nắng xuyên qua tán lá trong những cánh rừng, rồi soi chiếu lên trên những tảng đá rêu xanh. Hình ảnh rêu phong cũng gợi lên sự cổ kính, tĩnh lặng của những ngôi chùa khuất trong rừng sâu. Chỉ với bốn câu thơ thể ngũ ngôn, nhà thơ Vương Duy đã vẽ ra một bức họa thật đẹp, cho ta một cảm giác thanh bình, tĩnh lặng.

Trong bài “*Tân di ốc*”, tác giả viết:

辛夷塢
木末芙蓉花，
山中發紅萼。
澗戶寂無人，
紛紛開且落。



Ý nghĩa của chữ “không” trong Phật giáo vô cùng sâu xa, “sắc tức thị không, không tức thị sắc”, để cảm ngộ được không phải dễ dàng. Nhưng ở đây, nhà thơ Vương Duy đã cảm ngộ và vận dụng được chữ “không” của nhà Phật trong các tác phẩm của mình.

*Mộc mạc phù dung hoa,
Sơn trung phát hồng ngọc.
Giản hộ tịch vô nhân,
Phân phân khai thả lạc.*

Dịch nghĩa

Như những đoá sen ra ở đầu cành,
Ở trong núi nở ra những đài hồng.
Nhà trong khe suối lặng lẽ không người tới,
Cứ một mình tự nở rồi lại rụng.
Phù dung là tên gọi khác của hoa sen, là tượng trưng cho nhà Phật. Ở đây ta lại bắt gặp cảnh vắng vẻ, tĩnh lặng của khung cảnh quanh nơi tác giả ẩn cư. Tác giả quan sát và nhận thấy những đoá sen nở rồi lại rụng, cứ một mình như vậy, cũng như con người, ở nơi khe suối lặng lẽ không người lui tới, cứ sống cuộc sống thanh tịnh, làm bạn với thiên nhiên. Hình ảnh hoa nở rồi tàn lặp đi lặp lại, cho thấy cái vô thường của vạn vật, không vật nào thoát ra ngoài quy luật đó. Không chỉ có cảnh vật, khi miêu tả con người trong khung cảnh thiên nhiên, con người trong thơ của ông cũng chứa đựng triết lý thiền, thường tìm chốn tĩnh lặng, ở trong chốn thanh không, cảm nhận sự vô hạn của không gian, thời gian và sự vô thường của vạn vật.

Bài “*Chung Nam biệt nghiệp*”, ông viết:

終南別業
中歲頗好道，
晚家南山陲。
興來每獨往，
勝事空自知。
行到水窮處，
坐看雲起時。
偶然值林叟，
談笑無還期。

Chung Nam biệt nghiệp
Trung tuế phả hiếu đạo,
Văn gia Nam sơn thủy.
Hưng lai mỗi độc vãng,
Thắng sự không tự tri.
Hành đáo thủy cùng xứ,
Toạ khan vân khởi thì.
Ngẫu nhiên trị lâm tẩu,
Đàm tiếu vô hoàn kỳ.

Dịch nghĩa

Lúc còn trung niên đã rất tìm hiểu về đạo,

Đến lúc về già ở mé núi Chung Nam.
Có hứng thì đi dạo một mình,
Có chuyện thích ý một mình mình biết.
Đi đến tận cùng chỗ nguồn nước,
Ngồi nhìn lúc mây bắt đầu hiện ra.
Ngẫu nhiên bỗng gặp có cụ lão trong rừng,
Nói nói cười cười không để ý chừng nào về nhà.

Nhân vật trong bài thơ này được miêu tả là ngay từ thời còn trung niên đã tìm hiểu về đạo, và hiểu theo nghĩa ở đây đạo là đạo Phật, vì Vương Duy cũng chịu ảnh hưởng từ mẹ ông là một người theo đạo Phật. Đến lúc về già thì tìm về một nơi góc núi để ẩn cư. Lúc vui thì một mình đi dạo trong núi, gặp chuyện thích ý một mình mình biết. Thường tìm về đến đầu nguồn nước, ngồi trên những phiến đá ngắm nước chảy, mây bay. Những câu thơ đã phác họa một vị tu sĩ ẩn cư thường tìm đến chỗ tĩnh lặng, thanh không, hòa mình vào thiên nhiên, làm bạn với thiên nhiên cây cỏ. Tuy nhiên, con người ấy không tách rời hẳn cuộc sống, xa lánh cuộc sống, mà thuận theo tự nhiên, khi ngẫu nhiên gặp những bậc trưởng lão trong nơi rừng sâu vắng vẻ, thì như gặp được tri kỷ, nói nói cười cười quên cả không gian, thời gian xung quanh.

Còn trong bài thơ “*Mạnh Thành ao*”, ông viết:

孟城坳
新家孟城口，
古木餘衰柳。
來者復為誰，
空悲昔人有。

Tân gia Mạnh Thành khẩu,
Cổ mộc dư suy liễu.
Lai giả phục vi thủy,
Không bi tích nhân hữu.

Dịch nghĩa

Mới dọn về nhà mới ở cửa thung lũng Mạnh Thành,
Cây cối chủ trước trồng, chỉ còn lại vài gốc liễu cổ mà thôi.
Sau ta, ai sẽ là người đến ở nơi đây?
Ất hẳn xót xa khi thấy những gì người trước để lại.

Tác giả kể về sự việc dọn về nơi ở mới, thấy cây cối của chủ trước trồng chỉ còn lại vài gốc liễu. Cảm thương cho sự biến đổi của thời gian, sự vô thường của vạn vật, tác giả cũng dự cảm về cảm xúc của



Vương Duy nổi tiếng không chỉ thi ca mà còn về hội họa. Tác gia nổi tiếng đời Tống là Tô Đông Pha đã có nhận xét về thi họa của Vương Duy là “thi trung hữu họa, họa trung hữu thi”, trong thơ có họa, trong họa có thơ.

người sau nữa đối với mình. Nếu xét theo chiều thời gian, có thể thấy tác giả đứng từ hiện tại để nhìn về quá khứ, rồi lại đứng từ tương lai để nhìn về hiện tại. Sự biến đổi của thời gian theo ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai theo tư tưởng Phật giáo đã được tác giả cảm ngộ và diễn tả, qua đó cho thấy sự nhỏ bé của con người trước thời gian và không gian.

Trong bài “*Trúc lý quán*”, ông viết:

竹裏館
獨坐幽篁裏，
彈琴復長嘯。
深林人不知，
明月來相照。

*Độc toạ u hoàng lý,
Đàn cầm phục trường tiêu.
Thâm lâm nhân bất tri,
Minh nguyệt lai tương chiếu.*

Dịch nghĩa

*Ngồi lặng lẽ một mình trong bụi trúc,
Gảy đàn rồi lại hát.
Rừng sâu nên người không biết đến,
Chỉ có trăng sáng tới soi vào.*

Ta gặp lại hình ảnh người cư sĩ lặng lẽ ngồi bên khóm trúc, cũng là một biểu tượng của người quân tử, của nhà Phật. Người cư sĩ ngồi gảy đàn rồi hát, nhưng ở trong rừng sâu không người qua lại, nào ai biết tới. Chỉ có thiên nhiên, ở đây là ánh trăng hiền dịu, tới soi chiếu vào. Những câu thơ gợi lên bức tranh về một người ẩn cư ngồi bên khóm trúc gảy đàn dưới ánh trăng, trong một không gian yên lặng, tĩnh mịch, xa lánh sự đời, chỉ một mình với thiên nhiên, cây cỏ.

Tư tưởng Phật giáo thể hiện rõ trong bài thơ “*Quá Hương Tích tự*” của ông:

*過香積寺
不知香積寺，
數里入雲峰。
古木無人徑，
深山何處鐘。
泉聲咽危石，
日色冷青松。
薄暮空潭曲，
安禪制毒龍。*

*Quá Hương Tích tự
Bất tri Hương Tích tự,
Số lý nhập vân phong.
Cổ mộc vô nhân kính,
Thâm sơn hà xứ chung.
Tuyền thanh yết nguy thạch,
Nhật sắc lãnh thanh tùng.
Bạc mộ không đàm khúc,
An thiền chế độc long.*

Dịch nghĩa

*Không biết chùa Hương Tích ở đâu?
Đi mấy dặm lên đến chỗ núi mây cao ngất.
Cây cổ thụ mọc um tùm không có vết đường tắt
người qua lại.*

*Núi sâu, có tiếng chuông ở đâu ngân lên?
Tiếng nước suối đập vào gành đá nghe như bị
nghe lại.
Sắc mặt trời có vẻ lạnh lẽo luôn qua lùm thông xanh.
Chiều hôm vắng vẻ trên khu đầm nước.
Muốn chế ngự con rồng độc ác thì phải quy y nơi
cửa thiền.*

Đọc bài thơ, ta thấy những chi tiết, hình ảnh rõ ràng hơn về đạo Phật, như địa danh chùa Hương Tích, tiếng chuông chùa ngân vang, rừng tùng, cửa thiền. Tác giả trên đường đến chùa Hương Tích, đi đến chỗ núi mây cao ngất, cây cối um tùm, không bóng người qua. Bỗng ở đâu tiếng chuông chùa ngân vang, cùng với tiếng nước suối đập vào những phiến đá, những tia nắng mặt trời xuyên qua những cây tùng... Vẫn là hình ảnh thanh bình, vắng vẻ, yên tĩnh không chút bụi trần, nhất là vào một chiều hôm trên hồ nơi thâm sơn cùng cốc. Có thể hiểu ý thơ rằng, trong chỗ vắng vẻ ấy, điều ác vẫn có thể tồn tại, trong hồ nước trong vắt đó, vẫn có thể có những con rồng độc ác. Vì thế, tác giả đã đưa ra điều cảm nhận, cũng như là một đức kết của tác giả ở câu cuối: muốn chế ngự những điều ác, thì hãy quy y cửa thiền.

Trong thơ của Vương Duy, một trong những chữ được ông dùng nhiều là chữ “không” (空), mang hàm nghĩa sâu sắc của tư tưởng nhà Phật.
*Dạ tĩnh xuân sơn không (Điểu minh gián)
Không sơn bất kiến nhân (Lộc trại)
Thắng sự không tự tri (Chung Nam biệt nghiệp)
Không bi tích hữu nhân (Mạnh Thành ao)
Bạc mộ không đàm khúc (Quá Hương Tích tự).*

Có thể nói, ý nghĩa của chữ “không” trong Phật giáo vô cùng sâu xa, “sắc tức thị không, không tức thị sắc”, để cảm ngộ được không phải dễ dàng. Nhưng ở đây, nhà thơ Vương Duy đã cảm ngộ và vận dụng được chữ “không” của nhà Phật trong các tác phẩm của mình. Qua nghiên cứu một số tác phẩm của ông, có thể thấy tư tưởng Phật giáo, triết lý thiền luôn hiện hữu trong những sáng tác một cách khéo léo, hòa quyện vào cảnh vật, con người được nhà thơ cảm nhận và miêu tả bằng bút pháp của mình. Đọc các tác phẩm của nhà thơ Vương Duy, chúng ta thêm lĩnh hội được tư tưởng Phật giáo, cảm nhận và yêu quý cảnh đẹp của thiên nhiên cũng như con người thanh tĩnh, đậm triết lý thiền trong mỗi tác phẩm của ông.

Những chương trình

Phật Sự

Online

Thực hiện



BẢN TIN PHẬT SỰ 20H



BẢN TIN PHẬT SỰ TIẾNG ANH



HOÀNG PHÁP ONLINE



ĐỌC LẠI TẠP CHÍ
VĂN HÓA PHẬT GIÁO



AN CƯ LẠC NGHIỆP



HƯỚNG DẪN CẨM HOA



CHUYỆN CỬA THIỀN



ĐƯỜNG VÀO NỘI TÂM



NGUYỄN LÂM CON THẢO



PHẬT PHÁP HỎI ĐÁP



PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG



SỐNG NHƯ NHỮNG ĐÓA HOA



CÂU CHUYỆN BÊN TÁCH TRÀ



ĐỒNG VỌNG PHÁP



NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



NGƯỜI CON PHẬT



LỜI CON DÂNG PHẬT
TRÁNG THẢNG TƯ



TÒA NGÁT HƯƠNG SEN



LỜI PHẬT DẠY

Liên hệ Live và đăng tin tức

Chùa Minh Đạo - 12/3 Kỳ Đồng, P.9, Q.3, TP.HCM

Đại đức THÍCH TUỆ TÁNH - 0944 020802

Email: PSOMiennam@phatsuonline.com

TÍN NGUỒN CÚNG TẾ CỦA NGƯỜI VIỆT NAM

qua nhãn quan của Đạo Phật



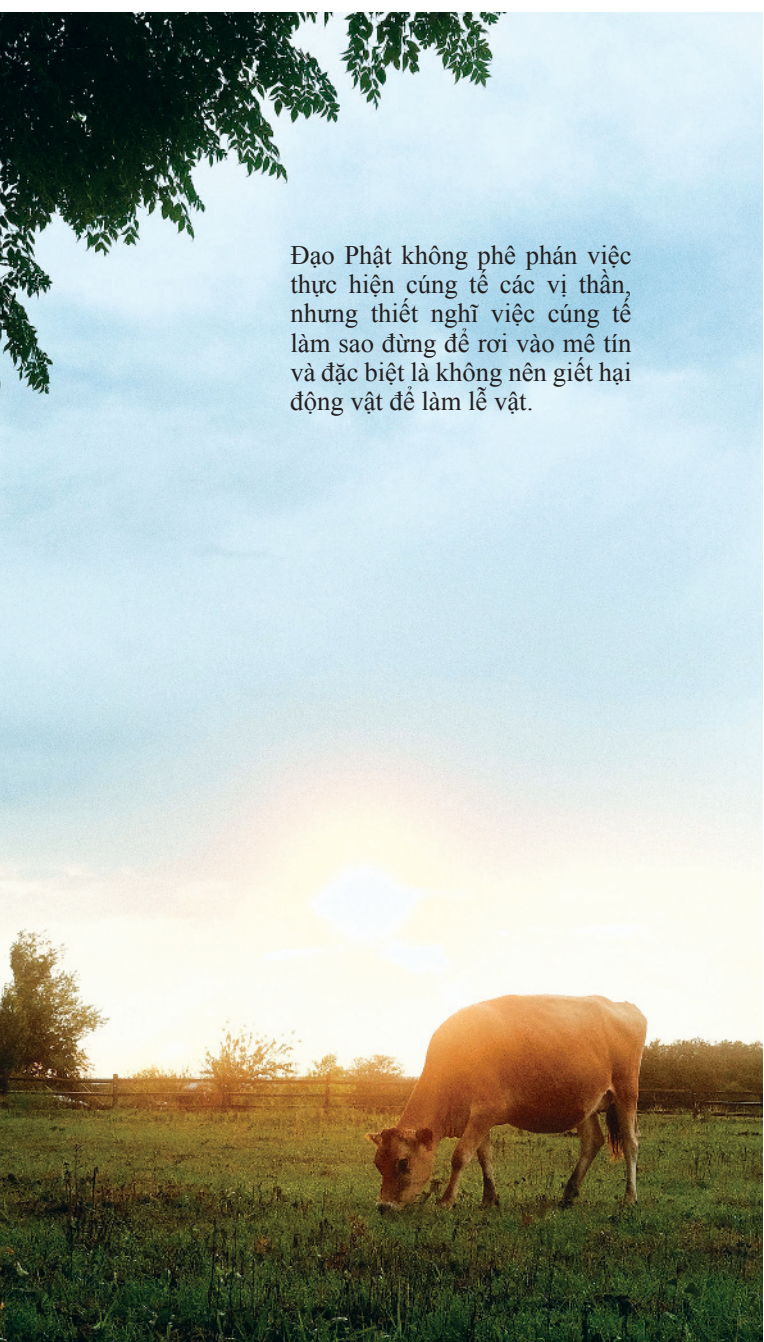
Lê Tấn Lộc*



“Tại tế đàn nào, này Bà-la-môn, trong
ấy không có bò bị giết, không có dê
cừu bị giết, không có gia cầm, heo bị
giết, không có các sinh vật khác bị
giết, này Bà-la-môn, Ta tán thán tế
đàn không có sát sanh như vậy, tức là
bồ thí thường làm từ lâu, tế đàn cầu
hạnh phúc cho gia đình”.

Tóm tắt: Tín ngưỡng cúng tế là một bộ phận của văn hóa dân gian nước ta. Vào mỗi dịp lễ, Tết, hoạt động cúng tế lại diễn ra, mang đến những giá trị tâm linh-văn hóa cho cộng đồng. Thông qua việc phân tích lời dạy của Đức Phật ở các bài kinh trong Kinh tạng Nikaya, bài viết cho thấy tế đàn (cúng tế) không sát sanh mới thực sự đem lại an lạc, lợi ích tâm linh cho người thực hiện cúng tế và những người xung quanh.

Từ khóa: cúng tế, văn hóa Phật giáo, tín ngưỡng



Đạo Phật không phê phán việc thực hiện cúng tế các vị thần, nhưng thiết nghĩ việc cúng tế làm sao đừng để rơi vào mê tín và đặc biệt là không nên giết hại động vật để làm lễ vật.

DẪN NHẬP

Trong văn hóa dân gian nước ta, cúng tế trong dịp Tết là một trong những hoạt động tín ngưỡng. Nó thể hiện niềm tin vào đấng thiêng liêng có sức mạnh chi phối số phận của con người [1, tr.20]. Theo *An Nam phong tục sách*, việc cúng tế trong những ngày tết phải tính từ ngày 23 tháng Chạp kéo dài hết cả tháng giêng năm sau [2, tr. 15]. Đó là khoảng thời gian cho thấy tín ngưỡng cúng tế thần linh của người Việt vô cùng phong phú: Lễ đưa ông Táo về trời (vào ngày hai mươi ba tháng chạp), Lễ rước ông Táo (vào ngày 30 tháng Chạp), Lễ tiễn thần Hành khiển cũ và đón thần Hành khiển mới trong đêm trừ tịch.

Nói đến việc cúng tế các vị thần, lễ vật là một phần vô cùng quan trọng không thể thiếu. Mâm lễ thường là có đồ mặn. Người cúng tế dâng lễ với mong mỏi các vị thần che chở cho gia đình được bình an và ban phát sự thịnh vượng trong năm mới. Do đó, bài viết này sẽ đi vào khảo sát một số bài kinh có liên quan được kết tập trong bộ kinh Nikaya nhằm xem xét bản chất của việc cúng tế và cách người Phật tử thực hiện cúng tế cho đúng với tinh thần Phật dạy.

LỜI DẠY CỦA ĐỨC PHẬT VỀ CÚNG TẾ

Thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, việc cúng tế các vị thần linh rất phổ biến ở những người Bà-la-môn bởi đó là xu hướng của họ [3, tr. 138]. Đức Phật không phủ nhận toàn bộ việc cúng tế đó mà chỉ hướng họ thực hiện hợp với đạo lý. Với câu hỏi “*Có phải Tôn giả Gotama không tán thán tế đàn?*” của các vị Bà-la-môn, Đức Phật đã trả lời rằng: “*Ta không phải không tán thán tất cả loại tế đàn. Trong loại tế đàn nào, này Bà-la-môn, bò bị giết, dê cừu bị giết, gà heo bị giết, các loài sinh vật khác đi đến bị giết hại, loại tế đàn ấy, này Bà-la-môn, liên hệ đến sát sanh; Ta không tán thán loại tế đàn ấy [...]. Tại tế đàn nào, này Bà-la-môn, trong ấy không có bò bị giết, không có dê cừu bị giết, không có gia cầm, heo bị giết, không có các sinh vật khác bị giết, này Bà-la-môn, Ta tán thán tế đàn không có sát sanh như vậy, tức là bố thí thường làm từ lâu, tế đàn cầu hạnh phúc cho gia đình*” [4, tr. 629-632].

Câu trả lời nêu trên của Đức Phật cho thấy việc cúng tế không có sát sanh thì mới thực sự là cầu sự bình an và sung túc cho bản thân và gia đình. Nhìn thấy một người đánh bắt cá và giết cá, Đức Phật đã



“Suốt một vài nghìn năm tồn tại phổ biến trên đất nước ta, Phật giáo tất đã phải in dấu ấn khá sâu sắc vào văn hóa dân tộc, phong tục nhân dân, đức tính con người, nghĩa là đến các giá trị tinh thần truyền thống”. (Ảnh: vietnamnet.vn)

bảo với các đệ tử của Ngài: *“Ta cũng không thấy, cũng không nghe như sau: ‘Một người đánh cá, sau khi bắt cá, giết cá, đang bán cá; do nghiệp ấy, do mạng sống ấy, được cười voi, cười ngựa, cười xe, hay cười cỗ xe, hay được thọ hưởng các tài sản, hay được sống giữa tài sản lớn hay tài sản chất đống”* [5, tr. 43].

Cuộc sống an lành và sung túc chỉ đến với những ai có phước báo. Phước báo có được lại là từ những việc thiện lành. Chuyện *Lâu đài của Chatta* trong *Tiểu bộ Kinh* đề cập đến một thanh niên Bà-la-môn có tên là Chatta gặp được Đức Phật, thọ Tam quy, Ngũ giới và hành trì [6, tr. 270-271]. Nhờ vậy, khi chết đi người thanh niên trên được tái sinh lên cõi trời ba mươi ba, trở thành một vị thiên tử và hưởng đầy đủ phước báo. Vị thiên tử xuất hiện trở lại thế gian cùng với tòa lâu đài của mình và nói rõ nguyên nhân cho mọi người được biết:

*Con đến gần người Chiến thắng huy hoàng
Để quy y Giáo pháp với Tăng đoàn,*

*Bạch Thế Tôn, con nói “không” trước nhất,
Sau đó con hành trì theo giới luật.
Không sống theo tà hạnh tạo đau thương,
Vì các trí nhân không thể tán dương
Sự buông thả đối với loài sinh vật,
Bạch Thế Tôn, con nói “không” trước nhất,
Rồi về sau con giữ đúng luật Ngài.*

Việc tu tập và giữ giới trong đó có giới không được sát sanh là một trong những việc làm thiện để đem lại phước báo cho con người. Nhờ phước báo đó con người mới có được hạnh phúc.

Việc sát sanh để cúng tế cầu phước báo là một điều gây tổn hại cho chính bản thân. Trong *Kinh Kandarakka*, Đức Phật cũng đã chỉ ra hành vi sát sanh để thực hành tế lễ là hành vi gây khổ cho mình và gây khổ cho người [7, tr. 19-20]. Gây khổ cho mình và cho người mà cầu một sự bình an là một điều khó đạt được. Có thể trong hiện tại, người thực hiện hành vi chưa nhận lấy quả báo, nhưng điều đó



Việc tu tập và giữ giới trong đó có giới không được sát sanh là một trong những việc làm thiện để đem lại phước báo cho con người. Nhờ phước báo đó con người mới có được hạnh phúc.

không có nghĩa là nghiệp xấu sẽ mất đi. Trong *Kinh Tiểu bộ*, Đức Phật đã kể một câu chuyện tiền thân của Ngài vốn là một vị thần cây bàng trong làng [8, tr. 145]. Khi nhìn thấy một người mang lễ vật gồm thịt chúng sanh bị giết hại trước đó đến tạ lễ vì được bình an sau chuyến đi buôn, thần cây bàng đã khuyên người đó bằng bài kệ:

*Nếu muốn thoát hiện tại,
Hãy nghĩ thoát đời sau,
Thoát hiện tại như vậy,
Là trói buộc thật chặt,
Bậc trí không thoát vậy,
Thoát vậy, buộc kẻ ngu.*

Bài kệ trên đề cập đến sự “trói buộc” ở đời sau. Sự “trói buộc” đó chính là quả báo xấu người thực hiện hành vi bất thiện phải nhận lấy. Đức Phật đã từng thuyết trong *Đại Kinh Nghiệp phân biệt* như sau: “[...] có người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục” [9, tr. 488]. Đức Phật đã khẳng định trong *Tiểu Kinh Nghiệp phân biệt*: “[...] các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có

liệt, có ưu” [10, tr. 473]. Đã là “thừa tự của nghiệp” bất thiện thì không thể lực siêu nhiên nào có thể cứu được. Vì vậy, Thiền sư Thích Thanh Từ đã nhắc nhở Phật tử: “[...] lẽ thật của cuộc sống này là chúng ta tự tạo nhân tốt hay tạo nhân xấu, từ nhân đó đưa tới quả tốt hay xấu, chứ không ai có quyền chen vô hết” [11, tr. 26].

CẦN TÔN TRỌNG SINH MỆNH CỦA LOÀI HỮU TÌNH

Như trên đã đề cập, cúng tế cũng là một biểu hiện của tín ngưỡng. Ranh giới giữa tín ngưỡng và mê tín nếu không nhận thức rõ sẽ khá là mong manh [1, tr. 21]. Từ đó cho thấy giáo dục tâm linh nói chung và giáo dục Phật giáo nói riêng dành cho cộng đồng là rất cần thiết [15, 16] nhằm chuyển hóa đau khổ, giới thiệu con đường giải thoát đúng đắn cho mọi người.

Trên thế giới, xu hướng ở các nước hiện đại hiện nay là con người chuyển sang ăn thức ăn không chế biến từ động vật [17]. Có thể các nước phương Tây ít chịu ảnh hưởng của văn hóa Phật giáo hơn so với các nước phương Đông trong đó có Việt Nam, nhưng xu hướng ăn chay ngày càng tăng [18]. Họ ăn chay không phải là xuất phát từ yếu tố tâm linh mà chỉ nhằm mục đích giữ gìn sức khỏe, bảo vệ môi trường và giữ gìn đạo đức; và đạo đức ở đây chính là sự tôn trọng quyền sống của động vật vì chúng

cũng bình đẳng với con người [19, 20, 21]. Việc tôn trọng quyền sống của động vật ở các nước phương Tây rất gần với tinh thần của Đạo Phật. Việt Nam, một đất nước đã tiếp nhận văn hóa Phật giáo cách nay khoảng 2.000 năm, như nhận định của Giáo sư Trần Văn Giàu: “Suốt một vài nghìn năm tồn tại phổ biến trên đất nước ta, Phật giáo tất đã phải in dấu ấn khá sâu sắc vào văn hóa dân tộc, phong tục nhân dân, đức tính con người, nghĩa là đến các giá trị tinh thần truyền thống” [22, tr. 124]. Do đó, chúng ta nên phát huy chân giá trị Phật giáo vốn đã hiện hữu trong giá trị văn hóa truyền thống để xây dựng đời sống hiện đại trên tinh thần tôn trọng tuân thủ Ngũ giới mà nhất là giới không sát sanh.

KẾT LUẬN

Việc khảo sát một số bài kinh tiêu biểu có liên quan trong bộ kinh Nikaya cho thấy việc sát hại động vật không mang lại lợi ích cho bản thân và những người xung quanh. Đạo Phật không phê phán việc thực hiện cúng tế các vị thần, nhưng thiết nghĩ việc cúng tế làm sao đừng để rơi vào mê tín và đặc biệt là không nên giết hại động vật để làm lễ vật. Những lời khuyên răn của vua Trần Thái Tông, một vị vua giác ngộ Đạo Phật ở Việt Nam trong thời đại nhà Trần, có thể làm cho những ai thực hiện hoặc góp phần thực hiện hành vi sát sanh nên xét lại mình: “Phàm các loài sanh từ trứng, thai, ả, hóa, tánh vẫn đồng, thấy nghe hiểu biết đâu khác. Chỉ do tạo nghiệp kết oán, nên thọ tên khác hiệu khác. Ngày trước vốn loài người, nay sanh đàn giống khác nhau. Hoặc là bạn bè, hoặc là anh em. Thay đổi áo xiêm đai mũ, biến làm mai vẩy cánh lông. Vợ quên chồng, chồng quên vợ, con trái cha, cha trái con. Đã thấy đổi đầu khác mặt, lòi về mổ bụng chặt chân. Luống lo tham sống sợ chết, lại không một lời kêu đau khổ. Người giết nó, nó giết người, hễ ăn mày, mày ăn lại hễ, hễ không ngày dứt, mãi tạo oan trái. Kiếp kiếp trả nhau, đời đời thù nhau” [23, tr. 47]. Nếu đã nhận thức được rằng giết một con vật mà tiền kiếp vốn dĩ là người thân thích của mình để cúng tế thần linh nhằm cầu phước báo cho chính mình và cho những người thân trong hiện tại thì chắc rằng không ai đành lòng thực hiện.

Chú thích và tài liệu tham khảo:

* Nghiên cứu sinh Lê Tấn Lộc, Viện Trần Nhân Tông - Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. Phạm Minh Thảo và Phạm Lan Oanh (2015), *Tín ngưỡng, tôn giáo và mê tín dị đoan*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

2. Mai Viên Đoàn Triển (2008). *An Nam phong tục sách* (Nguyễn Tô Lan dịch), Nxb. Hà Nội, Hà Nội.
3. HT. Thích Minh Châu (dịch, 1996), *Kinh Tăng chi bộ 3, Chương sáu pháp, Phẩm Dhammika*. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.
4. HT. Thích Minh Châu (dịch, 1996), *Kinh Tăng chi bộ 1, Chương bốn pháp, Phẩm Bánh xe*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.
5. HT. Thích Minh Châu (dịch, 1996), *Kinh Tăng chi bộ 3, Chương sáu pháp, Phẩm Cần phải nhớ*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.
6. HT. Thích Minh Châu (dịch, 1999), *Kinh Tiểu bộ 3, Phẩm Đại xa, Chuyện thứ 3: Lâu đài của Chatta*, Nxb. Tp.HCM, TP. Hồ Chí Minh.
7. HT. Thích Minh Châu (dịch, 2000), *Kinh Trung bộ 2, Kinh Kandaraka (số 51)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
8. HT. Thích Minh Châu (dịch, 2001), *Kinh Tiểu bộ 4, Phẩm giới, Chuyện Lễ cúng do có lợi*, Nxb. Tp.HCM, TP. Hồ Chí Minh.
9. HT. Thích Minh Châu (dịch, 1992), *Kinh Trung bộ 3, Kinh Đại nghiệp phân biệt (số 136)*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.
10. HT. Thích Minh Châu (dịch 1992), *Kinh Trung bộ 3, Kinh Tiểu nghiệp phân biệt (số 135)*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.
11. HT. Thích Thanh Từ (2013), *Chúng ta đi chùa là để cầu xin hay tu theo Phật*, Nxb. Văn hóa-Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh.
12. HT. Thích Thanh Từ (2013), *Mê tín chánh tín*, Nxb. Văn hóa-Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh.
13. Linh Giang (2018), “Ngăn chặn tệ mê tín dị đoan”, Báo Nhân dân, Truy cập tại địa chỉ <https://nhandan.vn/ngan-chan-te-me-tin-di-doan-post317642.html> (ngày truy cập: 30/11/2022).
14. Hồng Chuyên (2022), “Văn hóa tâm linh và phong, chống mê tín, dị đoan”. Quân đội nhân dân, Truy cập tại địa chỉ <https://www.qdnd.vn/phong-chong-tu-dien-bien-tu-chuyen-hoa/van-hoa-tam-linh-va-phong-chong-me-tin-di-doan-685524> (ngày truy cập: 01/12/2022).
15. Đoàn Minh Huân và Nguyễn Quỳnh Trâm (2014), “Giáo dục Phật giáo với phát triển bền vững”, Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo 10(136): 70-79.
16. Trần Văn Sỹ (2021) “Giáo dục tâm linh, tại sao không?”, Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam, Truy cập tại địa chỉ <https://lsvn.vn/giao-duc-tam-linh-tai-sao-khong-1614180446.html> (ngày truy cập: 01/12/2022).
17. Loh, H. C., Hoo, F. K., Kwan, J. N., Lim, Y. F., & Looi, I. (2021), “A bibliometric analysis of global trends in vegan-related research”, *International Journal of Disease Reversal and Prevention* 3(2): 51-62.
18. Dorgbetor, I. K., Ondrasek, G., Kutnjak, H. & Mikus, O. (2022), “What if the world went vegan? A review of the impact on natural resources, climate Cchange, and economies”, *Agriculture* 12(10), <https://doi.org/10.3390/agriculture12101518>
19. Engel, M. (2016), “Vegetarianism”. In *Encyclopedia of global bioethics*, edited by H. Ten Have, pp. 2925-2936, Springer, Cham Switzerland.
20. Petti, A., Palmieri, B., Vadalà, M. & Laurino, C. (2017), “Vegetarianism and veganism: not only benefits but also gaps. A review”, *Progress in Nutrition* 19(3): 229-242.
21. Hopwood, C. J., Bleidom, W., Schwaba, T. & Chen, S. (2020), “Health, environmental, and animal rights motives for vegetarian eating”, *PLoS One* 15(4): 20-24.
22. Trần Văn Giàu (2011), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Trần Thái Tông (2017), *Khôa hư lục* (HT. Thích Thanh Từ dịch và giảng giải), Nxb. Văn hóa-Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh.

NHỮNG MẦM XUÂN BAY LÊN TỪ ĐẢO

**Tặng thầy cô và các em ở điểm trường Sinh Tồn
(huyện đảo Trường Sa)**

Duy Hoàn

Tôi gặp em - người học trò năm xưa
Đã một thời ngoài đảo xa dạy các em học chữ
Kí ức ủa về rung rung nỗi nhớ
Thầy, trò thuở Sinh Tồn và lớp học đầu tiên

Như những cánh chim
Cô thầy cùng bộ đội vãi lưới, trồng rau... xôn xao xóm đảo
Bên những ngư dân lưng trần hiền thảo
Muốn trải lòng, quỳn hoà cùng biển trời với đất mẹ Trường Sa

Cô đến từng nhà
Thầy dắt em tới lớp
Hoa bàng vương cài lên tóc em bên sóng nước
Vui trò chơi trốn tìm cùng cô thầy và các chú hải quân

Lớn lên những mầm xuân
Từ lớp học đơn sơ, bao phép tính cộng trừ trên cát
Bài học quê hương hiện về trong lời cô thân thương âm áp
Cổ tích thầy kể giữa trùng khơi thao thức thắm lòng em

Bông hoa biển bay lên
Có hơi ấm đất liền với những cô thầy nói nhịp cầu gieo chữ
Những chồi non ở Sinh Tồn một thuở
Giờ đã vươn lên, bay xa... toả khắp các phương trời.



LẶNG

Tịnh Bình

Thấy miên man ý niệm
Như dòng chảy chẳng ngừng
Tắt lao xao con gió
Sao hồ tâm chưa ngưng ?

Xôn xang hạt bụi nhỏ
Bay về đâu lưng chừng
Con đường pha lê trắng
Ngại ngần một dấu chân

Cửa từng đôi cánh mở
Vô môn bật lối vào
Một ngày bừng tỉnh ngộ
Càng thấp lại càng cao

Đưa tâm vào tĩnh lặng
Hơi thở yên giấc thiền
Mắt lá vờ say ngủ
Khép hờ một tiếng chim...



TÀ VÊ

SC. Thích Nữ Diệu Hoa

Ta về ngắm Phật soi tâm
Ngồi yên nhìn lại lỗi lầm xưa nay
Ý khơi bất thiện bao ngày
Não phiền chấp nhặt nằm ngay nơi lòng

Tham còn nên dạ chưa trong
Bơ si tồn tại xuôi dòng u mê
Sân gây nghiệp chướng nào nề
Được khen thì thích bị chê thì buồn

Ta về tập bỏ và buông
Tịnh thiền tu dưỡng cội nguồn lỗi xưa
Thói quen tam độc ngăn ngừa
Ngưng sâu thôi giận sớm trưa an lành.



CHẠM ĐỜI

Khánh Hạ

Chạm đời một thức vô ngân
Miền am tự tại tần ngần lắng trôi
Sắc trần năm uẩn tan phôi
Tìm ta trong cõi luân hồi lặng trong.

Xưa nay dâu bể sương phong
Mắc quàng mây cổ long đong khổ sầu
Lệ đời tuôn đổ ao sâu
Khói mê giả tạm oằn đau bóng trầm.

Chạm đời một giấc xa xăm
Trăm năm ngồi lại dấu thâm lặng buông
Kiếp người trong cõi mây nguồn
Duên bao thác đổ mưa tuôn phủ phàng.

Chạm mình muôn nẻo trái ngang
Tìm nơi thân ngã rõ ràng tịch nhiên
Kính ngôn pháp diệu trắng thiền
Chảy trong tiềm thức an yên bóng mình.

Lược sử về niên đại CHÙA CÔN SƠN



Phạm Thanh Lâm*, Hồng Lượng

Chùa Côn Sơn là tên gọi chính thức của một ngôi cổ tự tọa lạc tại phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Đây là di tích quan trọng thuộc khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc.

THỜI NHÀ TRẦN

Theo kết quả nghiên cứu của tác giả Tăng Bá Hoành, ban đầu chùa Côn Sơn có tên chữ là “*Côn Sơn Thiên Tư Phúc tự*” (chùa được trời ban phúc ở núi Côn Sơn), “*Côn Sơn Tư Phúc tự*” (chùa ban phúc ở núi Côn Sơn). Đến đầu thời Cảnh Hưng chỉ còn “*Côn Sơn tự*” (gọi theo địa danh núi Côn Sơn) [1]. Chùa còn có tên Nôm là chùa Hun, nhiều người tin vào cách giải thích cho tên gọi này như sau: trước đây khu vực này rừng núi rậm rạp, nhân dân thường vào đây đốn củi đốt than, khói bay mù mịt như hun, vì thế gọi là chùa Hun.

Giai đoạn cuối thế kỷ XIII, đầu thế kỷ XIV là thời kỳ hưng thịnh của triều Trần, Thiền phái Trúc Lâm do vua Trần Nhân Tông sáng lập. Mặc dù chỉ tồn tại trong thời gian ngắn dưới thời Trần nhưng vị thế của Thiền phái Trúc Lâm vẫn luôn được nhắc đến như xương sống trong văn hóa Việt Nam, mang tính thống nhất quốc gia và chi phối mạnh mẽ tới xã hội thời Trần. Có không ít những ngôi chùa gắn với Thiền phái này

được Tăng Ni, Phật tử cả nước xem như những địa điểm tâm linh quan trọng, gồm: Yên Tử, Quỳnh Lâm, chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Côn Sơn, chùa Thanh Mai, chùa tháp Phổ Minh [2]. Trong đó, chùa Côn Sơn là một trong ba trung tâm của Thiền phái Trúc Lâm (Côn Sơn - Yên Tử - Quỳnh Lâm), các vua Trần thường ngự giá về thăm [3]. Ca dao có câu:

Côn Sơn, Yên Tử, Quỳnh Lâm

Nếu ai chưa đến thiền tâm chưa lành.

Hệ thống văn bia chùa Côn Sơn cho biết khá rõ về lịch sử hình thành và phát triển của chùa. Bia niên đại Thiệu Phong thứ 17 (1357) (thác bản bia hiện lưu giữ tại viện Hán Nôm) có ghi: “*Chùa Thiên Tư phúc Côn Sơn xã Chi Ngại, huyện Phượng Nhãn là nơi danh lam cổ tích, là nơi trụ trì của sư tổ thứ 3 đời nhà Trần, sư nổi pháp Huyền Quang Ma-ha tôn giả, chùa xưa được Trần Minh Tông cấp 1 vạn tờ điệp không chỉ, người cúng tiền vàng kể đến hàng nghìn lưu truyền đến muôn đời*”. Bia “*Côn Sơn Thiên Tư Phúc tự*” (崑山天資福寺) thuộc nhà bia cuối dãy hành lang bên trái có niên đại Hoằng Định thứ 15 (1615) xác nhận “*Côn Sơn là danh lam cổ tích có từ thời Trần...*”.

Bên cạnh văn bia, sách *Tam Tổ thực lục* chép rằng: “*Tháng 7 năm Kỷ Tỵ, niên hiệu Khai Hựu thứ nhất*



Tượng thờ ở Thượng điện chùa Côn Sơn

(1329), sư (ý nói Pháp Loa) mở thắng cảnh Côn Sơn và Thanh Mai Sơn” [4]. Ở đây, chúng tôi tin vào dòng niên đại trong Tam Tổ thực lục vì nó được thị giả Trung Minh sao chép lại và đích thân đệ tử chân truyền là Huyền Quang khảo đính. Cùng với đó, dấu vết kiến trúc và di vật qua các lần điều tra thám sát, đặc biệt là cuộc khai quật khảo cổ học năm 2006 của Viện Khảo cổ học kết hợp với Ban quản lý Di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc đã góp phần khẳng định chùa Côn Sơn được xây dựng lớn vào thời Trần [5].

Thiền phái Trúc Lâm có liên quan mật thiết đến triều đại nhà Trần, nên đã phải chịu cảnh thăng trầm sau khi triều đại này suy tàn. Vì vậy, sau khi Huyền Quang đệ tam tổ viên tịch, hệ thống truyền thừa không còn rõ ràng và phải đợi đến thời Lê Trung hưng mới khởi sắc trở lại. Hiện nay, chùa Côn Sơn còn một số thư tịch, văn bia ghi chép về quy mô các công trình kiến trúc tôn tạo xây dựng ở thế kỷ thứ XIII - XIV do thiền phái Phật giáo Trúc Lâm chủ trì. Chùa cũng còn lưu giữ nhiều di vật thời Trần như: ngôi mũi sen, ngôi trướng men, chân tảng, bia đá, tháp đất nung... Những di vật này minh chứng một thời vàng son của chùa Côn Sơn trong lịch sử. Chùa Côn Sơn trong giai đoạn thế kỷ XIII - XIV được triều đình, các bậc vương hầu, quý tộc và nhân dân hết lòng ủng hộ quan tâm.

Côn Sơn bây giờ đã trở thành một trong 3 trung tâm của Thiền phái Phật giáo Trúc Lâm.

THỜI NHÀ HẬU LÊ VỀ SAU

Sang thế kỷ XV, triều Lê đưa Nho giáo thành quốc giáo. Sự phát triển của Nho giáo chuyển sang giai đoạn độc tôn, các chí sĩ đua nhau đi thi để ra làm quan. Vì vậy, Phật giáo trở thành thứ yếu, chùa chiền ít được các vương hầu quý tộc quan tâm. Tuy nhiên, chùa Côn Sơn vẫn có vị trí quan trọng. Năm 1439, vua Lê Thái Tông khôi phục các chức tước cho Nguyễn Trãi, trong đó ông có một chức danh là “*Đề cử Côn Sơn Tư Phúc tự*” tức là quản lý chùa Tư Phúc (chùa Côn Sơn) [6].

Cuối thế kỷ XVI - đầu thế kỷ XVII, Phật giáo phục hưng, các vua chúa, phi tần, quan lại đua nhau góp tiền, cúng ruộng, tham gia sửa chữa xây dựng chùa. Năm 1607, nhà sư trụ trì Mai Trí Bản cùng các hội chủ ở các phủ xa như: Khoái Châu, Thường Tín, Từ Sơn... đóng góp tiền của tu bổ nhiều công trình và hệ thống tượng Phật. Bia Côn Sơn Thiền Tư Phúc tự dựng niên hiệu Hoàng Định 15 (1615) ghi: “*Việc hưng công sửa chữa chùa của nhà sư họ Mai được tổng kết gồm có tôn tạo cây cửu phẩm liên hoa, nhà Thiêu hương, Tiền đường, Hành lang*



Bia Thanh hư động

trái phải đằng trước, Hành lang trái phải đằng sau, Tam quan, trùng tu Thượng điện, cộng đến 83 gian, làm mới các chư Phật trên cửu phẩm tới 385 vị, tạo mới tượng Quan Âm Bồ Tát thiên thủ thiên nhãn, 2 tượng hộ pháp thiện - ác, 1 tượng chủ núi, 3 tượng cô hồn, trùng tu tượng Phật trên thượng điện là 18 vị, sơn son thếp lại 3 vị tam thế, với tổng số đất đai ao hồ là 80 mẫu”.

Vào giữa thế kỷ XVII, chùa Côn Sơn dưới sự trụ trì của nhà sư Đỗ Công Triều tự là Huyền Chân Thiền sư (1653 - 1656) tiếp tục được tu sửa. Tấm bia dựng năm Thịnh Đức nguyên niên (1653) và Thịnh Đức 4 (1657) ghi: “Chùa Côn Sơn được sửa chữa dài cửu phẩm liên hoa, nhà Thiên hương...tạo ra một quy mô rộng lớn. Từ gác chuông cao chót vót đến Tiền đường, Hậu đường...đều nguy nga tráng lệ”. Toà Thượng điện hiện còn giữ được kết cấu kiến trúc của bộ vì kèo ở thế kỷ XVII, trên thanh xà nổi hai vì nóc gian giữa còn dòng chữ “Thánh triều hoàng đế tuế thứ Quý Tỵ xuân... cốc nhật tạo”. Có lẽ là năm Quý Tỵ (1653) mà bia Thịnh Đức nguyên niên đã ghi lại. Như vậy ở thế kỷ XVII, chùa Côn Sơn được các quan lại, tầng lớp quý tộc và nhân dân xa gần hưởng ứng cung tiến tu sửa và mở rộng. Vì vậy, quy mô chùa rất khang trang, rộng lớn.

Sang thế kỷ XVIII, chùa Côn Sơn vẫn được sự quan tâm công đức lớn lao của nhân dân cả nước



Đăng Minh bảo tháp

về nhân tài, vật lực, nên quy mô và diện mạo thời kỳ này vẫn giữ dáng vẻ tôn quý. Bia Khôi tạo trùng tu Phật tổ Côn Sơn tư phúc tự dựng năm vào niên hiệu Bảo Thái thứ 2 (1721) ghi nhận việc Thiền sư Hải Ấn về trụ trì đã có nhiều tu bổ như: “...Sùng hưng xây dựng Đăng Minh bảo tháp trông tựa ngọc báu...”. Cùng với đó là “...trùng tu, chỉnh đốn bảo điện, dao dài đồng đúc, lầu chuông gác phẩm, chành vênh đối chiếu, sùng sùng tương vọng”, hay “...lại sửa chữa hậu đường, giải vũ nguy nga cùng 2 bên tả hữu hành lang, trùng tu lại cửu phẩm liên hoa như hòn ngọc biếc, tô lại hơn 300 tượng pháp, làm mới tượng Giác Hoa, Địa Tạng, Mục Liên, Dược Sư, Như Lai, sơn thếp lại các pho tượng Phật cùng bảo toà tam vị thánh tổ Hoàng kim lấp lánh, công nghiệp vẹn toàn, chuộc lại ruộng ở Đồng Lỗi...”.

Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp xâm lược nước ta. Các cuộc khởi nghĩa nông dân liên tục nổi dậy, như: Khởi nghĩa Bãi sậy, Đốc Tít... dẫn tới khu vực Côn Sơn - Chí Linh trở thành chiến địa. Chùa Côn Sơn cũng như bao công trình kiến trúc tôn giáo khác đã bị tàn phá bởi chiến tranh và thiên tai, không còn là nơi đô hội như xưa. Vì hoàn cảnh ấy, các công trình kiến trúc nổi tiếng của chùa Côn Sơn bị xuống cấp và dần mất đi trong giai đoạn này. Sang đầu thế kỷ XX, vào năm Khải Định Tân Dậu (1921), nhà tổ chùa Côn Sơn đã được tu bổ lại như ngày nay.



Khu tháp mộ

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Côn Sơn là nơi hoạt động của du kích địa phương và là một cứ điểm quan trọng của chiến khu Đông Triều (Hoàng Hoa Thám). Thực dân Pháp nhiều lần đem quân về càn quét đốt phá khu vực này. Côn Sơn trở nên xơ xác tiêu điều. Năm 1947, chùa bị pháo giặc ở Phả Lại bắn phá huỷ toà tiền đường và hầu hết các công trình kiến trúc, hệ thống tượng pháp, đồ thờ... Chùa lúc này bị bỏ hoang, không ai trông nom. Nhà sư trụ trì mất, cỏ dại mọc vào tận sân chùa. Chùa Côn Sơn như một phế tích. Khi hoà bình lập lại, Đảng - Nhà nước và nhân dân quan tâm thu dọn, trông nom tu bổ lại. Nhưng đất nước vừa qua cơn binh lửa kéo dài nên việc tu bổ chưa được bao nhiêu.

Sau kháng chiến chống Pháp, nước ta lại bước vào giai đoạn chống Mỹ. Nhiều nhà sư trong đó có sư trụ trì chùa Côn Sơn đã bỏ áo cà sa hăng hái lên đường tòng quân đánh giặc bảo vệ tổ quốc. Mặc dù vậy, Đảng và Nhà nước vẫn khắc phục khó khăn để tu bổ chùa. Năm 1962, chùa Côn Sơn được tôn tạo lại, toà tiền đường hiện nay nguyên là ngôi đình ở xã Thất Hùng, huyện Kinh Môn đưa về thay thế. Trong những năm tháng chiến tranh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã về thăm Côn Sơn ngày 15/2/1965. Người căn dặn nhân dân hãy “xây dựng Côn Sơn thành chốn tùng lâm đẹp của đất nước”. Từ

năm 1968 đến 1972, Ty Văn hoá Thông tin và Giáo hội Phật giáo tỉnh Hải Hưng đã di chuyển một số pho tượng và đồ thờ ở các chùa khác về thờ trên Tam bảo chùa Côn Sơn như ngày nay. Năm 1994, UBND tỉnh Hải Hưng quyết định thành lập Ban quản lý di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc với nhiệm vụ bảo vệ tôn tạo, phát huy toàn diện khu di tích. Ngày nay, chùa Côn Sơn vẫn được sử dụng đúng chức năng là công trình tôn giáo phục vụ đời sống tâm linh, là nơi sinh hoạt văn hóa của đông đảo người dân địa phương nói riêng và người dân trong cả nước nói chung.



Ảnh tác giả

Chú thích và tài liệu tham khảo:

* Phạm Thanh Lâm, hiện đang công tác tại Bảo tàng Quảng Ninh.

[1]] Tăng Bá Hoành (1980), Tháp Đăng Minh ở Côn Sơn (Hải Hưng), In trong *Tạp chí Khảo cổ học* (số 1 năm 1980), tr.80.

[2] HT.TS. Thích Thanh Nhiễu (2019), *Vai trò đặt nền tảng cho giáo hội Trúc Lâm của Trần Nhân Tông và bài học lịch sử đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay*, In trong *Trần Nhân Tông và Phật giáo Trúc Lâm - Đặc sắc tư tưởng, văn hóa*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.335.

[3] Hà Văn Tấn - Nguyễn Văn Kự - Phạm Ngọc Long (2013), *Chùa Việt Nam*, Nxb. Thế giới, tr.190.

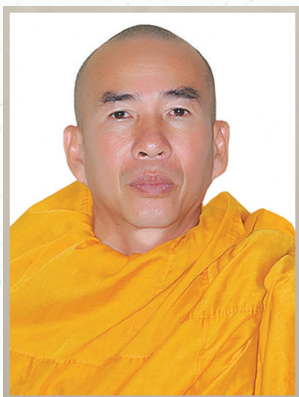
[4] Thích Phước Sơn dịch và chú giải (1995). *Tam Tổ thực lục*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, tr.30.

[5] Nguyễn Khắc Minh (2009), Khai quật chùa Côn Sơn (Hải Dương), In trong *Tạp chí Khảo cổ học* (số 6 năm 2009), tr.55-63.

[6] Đinh Khắc Thuân (2002), Chức quan của Nguyễn Trãi và vị thế của ông trong triều đình Nhà Lê, *Tạp chí Hán nôm* (số 4 năm 2002), tr.21.

Chùa Thanh Lương

Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang



Chùa Thanh Lương tọa lạc tại trung tâm thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chùa được thành lập từ năm 1960 bằng cây lá. Năm 1992 Thượng tọa Thích Giác Tấn được Giáo hội tỉnh bổ nhiệm về làm trụ trì, qua nhiều lần trùng tu chùa Thanh Lương ngày nay là ngôi Già lam trang nghiêm thanh nhã. Tăng Ni, Phật tử về nương tựa, tu học rất đông.

Chùa nằm trên Quốc lộ 80, tuyến đường Rạch Giá – Hà Tiên. Nhiều đoàn khách thập phương khi đi ngang qua cũng ghé vào chùa thắp hương chiêm bái. Nhờ thuận tiện về giao thông nên công tác Phật sự của chùa cũng hanh thông phát triển. Hằng năm chùa Thanh Lương được sự trợ duyên từ quý Phật tử gần xa trong công tác từ thiện, an sinh xã hội ước tính trên 1,5 tỷ đồng. Đặc biệt, đạo tràng tu học Một ngày An lạc tại chùa vào ngày chủ nhật tuần thứ tư của mỗi tháng quy tụ hàng trăm Phật tử về sinh hoạt tu học. Chùa còn tổ chức cúng hội vào ngày 15 và 30 mỗi tháng theo nghi thức hệ phái Khất sĩ. Những ngày lễ hội lớn như tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đại lễ Phật Đản, Lễ hội Vu Lan... Phật tử địa phương và các nơi về chùa rất đông.



Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mỗi tháng 2 số phát hành, Thượng tọa trụ trì đã nhận báo biểu tặng cho quý Phật tử đến tham dự các khóa tu. Từ đó đã tạo nên sự lan tỏa mạnh và yêu thích Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo của đạo tràng Phật tử. Qua đây, đạo tràng đã chung tay cùng với chùa Thanh Lương cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) cho mỗi số và cúng dường 10 số liên tiếp để hun phước in Tạp chí gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, chùa Thanh Lương đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hồng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.



Chùa Thanh Lương

- Địa chỉ: QL 80, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Trụ trì: **TT. Thích Giác Tấn.**
- Điện thoại: 0918316388
- Email: chuathanhluong1@yahoo.com.vn





PHẬT GIÁO

**KHOA HỌC
& TRIẾT LÝ**

Bát Kính Pháp của Tỳ kheo Ni trong **LUẬT TẠNG (PĀLI)** và **Tứ Phần Luật (Hán tạng)**



Tỳ kheo Ni Thích Nữ Liên Liên

Trong Luật tạng, không riêng gì *Luật tạng Pāli (LTP)* hay *Tứ phần luật (TPL)*, mà hầu hết bốn bộ luật còn lại của Phật giáo đều đề cập đến *Bát kính pháp*. Đây được xem là điều kiện cần và đủ để nữ giới được vào cánh cửa giải thoát. Từ đó, Ni đoàn được thành lập. Theo từ nguyên, “*Bát kính pháp*” (八敬法) trong tiếng Pāli là *Aṭṭha garudhammā*, có nghĩa “*tám pháp trọng yếu*”. Trong tiếng Hán, nó được dùng bằng nhiều từ khác nhau, như là bát kính giới (八敬戒), bát kính (八敬), bát trọng pháp (八重法), bát tôn trọng pháp (八尊重法), bát tôn sư pháp (八尊師法), bát bất khả quá pháp (八不可過法), bát bất khả việt pháp (八不可越法), bát bất khả vi pháp (八不可違法), là tám pháp được định ra cho vị Tỳ kheo Ni phải cung kính, tôn trọng vị Tỳ kheo. Tám điều này có thể được xem là những điều giới đầu tiên mà Đức Thế Tôn đã đặt ra dành cho chư Ni. Xét sâu xa hơn, tám điều này không khác các học giới đầu tiên do chính đức Thiệt Thệ quy định cho chúng Tỳ kheo Ni.

BÁT KÍNH PHÁP LÀ TIỀN ĐỀ THÀNH LẬP NI ĐOÀN

Trong xã hội Ấn Độ cổ đại, vị trí phụ nữ hầy còn thấp kém. Tôn giáo và các giáo phái đương thời không đồng tình cho người nữ xuất gia để tu tập tâm linh. Vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội đều không được ghi nhận đúng mực. Họ cũng chẳng được tham gia các hoạt động cộng đồng, nghi lễ tôn giáo như nam giới. Đặc biệt, còn



Vào thế kỷ thứ VI TCN ở Ấn Độ, những quan niệm tiêu cực về phụ nữ đã tồn tại và ăn sâu vào tôn giáo, tư tưởng của mọi người. Do đó, không phải Đức Phật không cho phép người nữ được xuất gia, gia nhập Tăng đoàn mà chính xã hội và con người Ấn Độ lúc bấy giờ là cản trở lớn.



Những quy định trong Bát kinh pháp nhằm ngăn ngừa và dẹp tan những nếp nghĩ về giai cấp, cậy quyền hay kiêu mạn của các vị nữ giới trong dòng tộc Thích-ca. Ngoài ra, tám điều này cũng giúp các vị Tỳ kheo giai cấp thấp không bị mặc cảm tự ti và sức ép từ nguồn gốc xã hội.

có quan điểm sai lầm cho rằng nữ giới là nguồn gốc của tội lỗi và các ác nghiệp. Phái Ni-kiền-tử cho rằng: “*Người phụ nữ là ngọn đèn chiếu sáng con đường dẫn đến cánh cửa địa ngục*” [1]. Còn theo tục lệ Sati, người vợ phải bị thiêu sống để đi theo người chồng đã chết: “*Phụ nữ, khi còn bé phải theo cha, còn trẻ phải theo chồng, chồng chết phải theo con. Phụ nữ không được phép sống độc lập*” [2]. Như vậy, vào thế kỷ thứ VI TCN ở Ấn Độ, những quan niệm tiêu cực về phụ nữ đã tồn tại và ăn sâu vào tôn giáo, tư tưởng của mọi người. Do đó, không phải Đức Phật không cho phép người nữ được xuất gia, gia nhập Tăng đoàn mà chính xã hội và con người Ấn Độ lúc bấy giờ là cản trở lớn.

Vì thế, khi Di mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề (摩訶波闍波提; Mahāpajāpatī) xin xuất gia, Đức Phật ban đầu không đồng ý cho phép nữ lưu được xuất gia sống đời Phạm hạnh theo hội chúng Tăng-già. Mỗi khi Di mẫu cùng các nữ lưu dòng họ Thích tự phải bỏ tóc mình, vận trang phục thô sơ, vượt hành trình dài đến đánh lễ Đức Phật, tiếp tục cầu xin Ngài cho nữ giới gia nhập Tăng đoàn, cùng với lời thưa thỉnh của Tôn giả A-nan (阿難; Ānanda), Đức Thế Tôn đã đưa ra tám quy tắc cho Di mẫu nói riêng, nữ lưu nói chung, nếu đồng ý thì được phép xuất gia học Phật. Tám quy tắc ấy chính là tám điều học đầu tiên dành cho Ni giới, là điều kiện, nền tảng cơ bản để nữ lưu bước chân vào cánh cửa phạm hạnh, sống đời giải thoát.

Chúng ta có thể hiểu, Đức Phật đặt ra điều kiện Ni đoàn phải

thọ trì thêm Bát kinh pháp để thích nghi với điều kiện văn hóa và phản ứng của xã hội Ấn Độ, cũng như trong Tăng đoàn thời bấy giờ. Có thể khẳng định, Bát kinh pháp là điều kiện tiên quyết để Đức Phật chấp nhận cho nữ giới xuất gia. Không có Bát kinh pháp, chắc chắn việc người nữ được xuất gia là điều không thể, cũng không có sự thành lập Ni đoàn, giáo đoàn của Đức Phật cũng không hội đủ bốn bộ chúng: Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di. Trong đó, Tỳ kheo Ni ấy không hề phân biệt giai cấp, dòng họ... như *Kinh Tiểu Duyên* có ghi: “*Này Bà-tát-tra! Người nên biết hiện nay chúng đệ tử của ta, dòng dõi không đồng, xuất xứ khác nhau, xuất gia tu hành ở trong giáo pháp ta. Nếu có gặp ai hỏi: “Người thuộc dòng nào?” thì nên trả lời họ: “Tôi là Sa-môn, con dòng họ Thích*” [3].

Trong *Bát kinh pháp*, điều đầu tiên có thể được xem là thuộc về tư tưởng giáo lý. Bảy điều còn lại đều thuộc về cách thức tổ chức Tăng già trong mối quan hệ giữa Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni. Tuy nhiên, chúng đồng thời cũng là những yếu tố phụ trợ cho điều thứ nhất. Nội dung tám kinh pháp như thế không những cần thiết cho Ni giới mà còn cho bất kỳ ai đi theo con đường Đức Phật.

Ngày nay, Ni giới thực hành *Bát kinh pháp* cũng không hề mất đi quyền lợi về mặt tổ chức giáo hội và cũng không ảnh hưởng đến sự cung kính cúng dường của Phật tử đối với các vị Tỳ kheo Ni. *Bát kinh pháp* không những giúp người nữ trừ diệt sự kiêu ngạo, là hàng rào ngăn ngừa tham ái liên

quan đến phạm hạnh của Tăng, Ni; mà còn là điều kiện cần và đủ để Ni đoàn thành lập, nữ giới được xuất gia. Theo lẽ đó, Ni giới luôn tôn trọng và lấy *Bát kinh pháp* thực hành là trên hết.

BÁT KINH PHÁP TRONG LUẬT TẠNG (PALI) VÀ TƯ PHẢN LUẬT

Bất cứ một bộ luật nào cũng đều đề cập đến *Bát kinh pháp*. Ở đây, giữa Thượng Tọa bộ (*Luật tạng Pāli*) và Pháp Tạng bộ (*Tứ phần luật*), xét trên nội dung tám điều học này, ở cả hai hệ thống giới luật tương đối như nhau. Nhưng giữa hai bộ luật vẫn còn vài điểm khác biệt trong quá trình kết tập.

Về nét tương đồng

- Có cùng tám điều học về kinh pháp.
- Địa điểm: Với *Tứ Phần Luật (TPL)*, Đức Phật ngụ tại Ni-câu-luật viên (尼拘律園) ở Thích-sí-sầu (釋翅瘦) [4]. Theo *Luật tạng Pāli (LTP)*, bậc Thiện Thệ ở tu viện Nigrodha, trong lãnh thổ của dòng Sakya, thành Kapilavattu, giữa những người họ Thích-ca (Sakkesu) [5].

Nhận xét:

- Theo hai bộ luật, địa điểm Đức Phật cư ngụ là thành Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavattu), chỉ khác nhau do phiên âm từ các bản dịch. Tuy nhiên, ở một mức độ nào đó, bản dịch chữ Hán hơi khác với bản Pāli, vì “*Thích-sí-sầu*” là từ phiên âm của Sakkesu, vốn có nghĩa là “*Người họ Thích-ca*”, không phải địa điểm.
- Đầu tiên, Di mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề (摩訶波闍波提; Mahāpajāpatī) cầu xin Đức Phật cho phép được xuất gia nhưng Ngài không chấp nhận.

Có thể khẳng định, Bát kinh pháp là điều kiện tiên quyết để Đức Phật chấp nhận cho nữ giới xuất gia. Không có Bát kinh pháp, chắc chắn việc người nữ được xuất gia là điều không thể, cũng không có sự thành lập Ni đoàn, giáo đoàn của Đức Phật cũng không hội đủ bốn bộ chúng: Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di.



- Do Tôn giả A-nan (阿難; Ānanda) cầu xin Đức Phật chấp thuận cho Di mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề nói riêng, nữ giới nói chung được phép xuất gia.

- Là điều kiện tiên quyết để bậc Thiện Thệ đồng ý cho nữ lưu được phép xuất gia tu tập, sống đời phạm hạnh trong giáo hội Tăng-già.

Về nét dị biệt

Luật tạng Pāli

- Mahāpajāpatī Gotamī cùng với nhiều người nữ dòng Sakya [6] đến đánh lễ Đức Thế Tôn và xin cho người nữ được xuất gia. (Không nói rõ số lượng người nữ đi cùng).

- Khi ở thành Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavatthu): Mahāpajāpatī Gotamī cầu xin Đức Phật ba lần.

- Sau khi đã đồng ý việc người nữ xuất gia, Đức Phật mới nói: “Trong Pháp và Luật nào người nữ đạt được sự xuất gia, rời nhà, sống không nhà, Phạm hạnh ấy không được tồn tại lâu dài” [7].

Tứ phần luật

- Di mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng năm trăm người nữ Xá-di (舍夷) [8], đến chỗ Đức Thế Tôn cầu xin được xuất gia.

- Ma-ha Ba-xà-ba-đề cầu xin Đức Thế Tôn một lần.

- Trước khi cho người nữ xuất gia, Đức Phật đã nói: “Nếu người nữ xuất gia hành đạo trong giáo pháp của Phật thì sẽ khiến cho pháp Phật không lâu dài” [9].

Nhận xét: Như vậy, giữa hai hệ thống giới luật có sự khác biệt rõ nét về số lần Di mẫu cầu xin Đức Thế Tôn cho phép người nữ được xuất gia và thời điểm mà Đức Phật nói về thọ mạng của Chánh pháp khi cho nữ lưu sống đời phạm hạnh cũng khác nhau (TPL) thì Ngài nói trước khi người nữ được đồng ý xuất gia, LTP thì nói sau khi người nữ xuất gia). Bên cạnh đó, về số thứ tự tám kinh pháp của hai bộ luật cũng không giống nhau. Trong tám điều học, có hai điều giống nhau

về số thứ tự, đó là điều 1 (Tỳ kheo Ni dù trăm tuổi hạ cũng phải lễ bái chư Tăng) và điều 5 (Nếu Tỳ kheo Ni phạm tội phải đến trước hai bộ Tăng sám hối và hành Ma-na-đỏa).

Sáu điều còn lại không tương đồng về thứ tự, cụ thể như sau:

- Điều 2 trong TPL là điều 7 trong LTP: Tỳ kheo Ni không được khiển trách hay nặng lời đối với một vị Tỳ kheo trong bất kỳ trường hợp nào.

- Điều 3 trong TPL là điều 8 trong LTP: Tỳ kheo Ni không được ngăn Tỳ kheo xét tội, thuyết giới, tụng kinh hay nói lỗi của Tỳ kheo. Trái lại, Tỳ kheo được quyền cử tội Tỳ kheo Ni.

- Điều 4 trong TPL là điều 6 trong LTP: Sau khi học tập sáu pháp trong hai năm, muốn lên Tỳ kheo ni phải đến Tỳ kheo xin thọ đại giới [10].

- Điều 6 trong TPL là điều 3 trong LTP: Tỳ kheo Ni phải đến chư Tăng cầu giáo thọ mỗi kỳ nửa tháng.



Bát kinh pháp không những giúp người nữ trừ diệt sự kiêu ngạo, là hàng rào ngăn ngừa tham ái liên quan đến phạm hạnh của Tăng, Ni; mà còn là điều kiện cần và đủ để Ni đoàn thành lập, nữ giới được xuất gia. Theo lẽ đó, Ni giới luôn tôn trọng và lấy Bát kinh pháp thực hành là trên hết.

- Điều 7 trong *TPL* là điều 2 trong *LTP*: Tỳ kheo Ni không được an cư ở nơi không có Tỳ kheo [11].
- Điều 8 trong *TPL* là điều 4 trong *LTP*: Sau mùa an cư, Tỳ kheo Ni phải đến Tỳ kheo hành lễ Tự tứ (*Pavāraṇā*): Thấy, nghe và nghĩ.

Với tám kinh pháp này, Đức Phật đã đồng ý cho người nữ gia nhập Tăng đoàn. Di mẫu và nữ giới dòng Thích Ca hoan hỷ chấp hành tám pháp trên. Từ đó, Ni đoàn được thành lập. Hay nói cách khác, với trí tuệ siêu việt, Đức Thế Tôn có thể thấy những hiểm họa và những khuyết điểm không thể tránh trong việc điều hành song song Tăng đoàn và Ni đoàn cùng một lúc. Do đó, Ngài ban hành tám điều quy định cho giáo hội Tỳ kheo Ni nhằm giữ gìn và bảo vệ tương lai cho cả hai giáo hội. Tám điều này được gọi là Bát kinh pháp tám phép tôn kính của Tỳ kheo Ni đối với Tỳ kheo.

Như vậy, có thể hiểu, khi nhận thấy nguyện vọng tha thiết, thiêng

liêng của nữ giới, Đức Phật lại một lần nữa dùng phương tiện, khéo léo đặt ra Bát kinh pháp như một sợi dây cột người nữ trong giới luật có phần nghiêm khắc hơn so với Tỳ kheo. Có thể nói, đây là giải pháp khá tinh tế, nhằm không gây sự chống đối của xã hội đối với Tăng già. Đồng thời, các lần từ chối của Đức Phật trước ý định xuất gia của người nữ chỉ nhằm thử thách tâm ý từ phía nữ giới trong bối cảnh bấy giờ, bởi sự thực hành tu tập trên con đường giải thoát đòi hỏi sự dũng mãnh của niềm tin và nghị lực vượt khó khăn là không nhỏ. Những quy định trong Bát kinh pháp nhằm ngăn ngừa và dẹp tan những nếp nghĩ về giai cấp, cậy quyền hay kiêu mạn của các vị nữ giới trong dòng tộc Thích-ca. Ngoài ra, tám điều này cũng giúp các vị Tỳ kheo giai cấp thấp không bị mặc cảm tự ti và sức ép từ nguồn gốc xã hội.

Chú thích:

* Tỳ kheo Ni - Thạc sĩ. Thích Nữ Liên Liên.

- [1] Viên Trí (2009), *Ấn Độ Phật giáo sử luận*, Nxb. Phương Đông, tr.133-134.
- [2] Thích Giác Dũng (2004), *Phật Việt Nam dân tộc Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, tr.34.
- [3] Thích Hạnh Bình (2018), *Những vấn đề cốt lõi trong kinh Trường-a-hàm, kinh Tiểu Duyên*, Nxb. Hồng Đức, tr.113.
- [4] HT. Thích Đồng Minh (2013), *Luật Tỳ phẩn (tập 3)*, Nxb. Phương Đông, tr.1767.
- [5] Indacanda (dịch, 2007), *Tiểu phẩm (tập 2)*, Nxb. Tôn giáo, tr.341.
- [6] *Tiểu phẩm (tập 2)*, tr.342.
- [7] *Tiểu phẩm (tập 2)*, tr.347.
- [8] Chỉ những người con gái họ Thích.
- [9] *Luật Tỳ phẩn (tập 3)*, tr.1767.
- [10] Với nội dung học giới này, Đức Thế Tôn chủ ý hướng đến người nữ muốn xuất gia sống đời thanh tịnh thì phải theo học pháp trong hai năm, có thể là để muốn người nữ tập quen dần với cuộc sống của Tỳ kheo ni thật sự trước khi thọ giới, cũng là muốn xác định xem người nữ ấy có mang thai trước khi vào xuất gia hay không. Cùng với nội dung này, ở điều giới dành người nữ Thức-xoa-ma-na thì đối tượng là người nữ Thức-xoa-ma-na, chứ không hướng đến tất cả người nữ như điều *Bát kinh pháp* thứ 4. Tuy nhiên, dù là đối tượng nào đi nữa thì nội dung quy định người nữ phải học pháp hai năm trước khi thọ giới Tỳ kheo Ni đã được Đức Thế Tôn nói rõ ràng khi cho người nữ xuất gia, chứ không phải mãi đến sau này có ni cô xuất gia mang thai rồi Ngài mới chế ra điều luật.
- [11] *LTP*: Tỳ kheo Ni không nên an cư mùa mưa ở trú xứ không có Tỳ kheo; *TPL*: Tỳ kheo ni không được hạ an cư chỗ không có Tỳ kheo. Xem *Tiểu phẩm (tập 2)*, tr.344 và *Luật Tỳ phẩn (tập 3)*, tr.1771.

Tài liệu tham khảo:

- 1. HT. Thích Đồng Minh (2013), *Luật Tỳ phẩn (tập 3)*, Nxb. Phương Đông.
- 2. Indacanda (dịch, 2007), *Tiểu phẩm (tập 2)*, Nxb. Tôn giáo.
- 3. Thích Hạnh Bình (2018), *Những vấn đề cốt lõi trong kinh Trường-a-hàm, kinh Tiểu Duyên*, Nxb. Hồng Đức.
- 4. Viên Trí (2009), *Ấn Độ Phật giáo sử luận*, Nxb. Phương Đông.
- 5. Thích Giác Dũng (2004), *Phật Việt Nam dân tộc Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo.

BẮT DIỆT NGANG QUA DÒNG SANH DIỆT

Thiên Chương

Xin cho:

Chút phàm tình tô điểm nét thân sơ
Tuy xa rồi nhưng chẳng gì phải sợ
Vì có lẽ trong lòng ai cũng có
Kỷ niệm này, trong năm tháng mộng mơ.

Mai xa rồi, có mấy ai còn nhớ?
Ta đã từng gắn bó suốt bao năm
Bao thương ghét hãy gửi ánh trăng rằm
Giờ nhìn nhau, cười thôi mà suốt biết.

Đường phía trước muôn vàn điều cảm dỗ
Nhớ nghe không, đừng đứng lại giữa dòng
Đời có mệt, thì dừng chân một lát
Rồi tiếp tục phiêu bạt, nhớ nghe không!

Đời Tăng lữ hãy khắc kỷ trong lòng
Đừng buông lung mà rong chơi cuộc thế
Hãy bước đi sao viên thành bản thể
Những bóng hình tự tại cõi sắc không.

Nếu còn duyên thì ắt sẽ tương phùng
Còn vô duyên xin đừng quên nhau nhé!
Đừng quên đây, đừng quên bao lời thệ
Trước Phật đài, trước thế hệ mai sau.

Thôi về đi! Về lại chốn ban sơ
Nơi xuất thế, hủy hình thù khí tiết
Để bắt diệt ngang qua dòng sanh diệt
Ánh đạo vàng chẳng tiết chốn nhân gian.

Trân quý lắm!



Tâm Trung

Khê kháng nụ hoa hàm tiếu
Sớm mai e ấp bên thềm
Gió xuân mơn man lay động
Nở bùng năm cánh vàng mai

Khê kháng chân sen guốc mộc
Lên chùa xin lộc đầu năm
“Nam mô A di đà Phật!”
Câu chào rộn rã tháng giêng

Khê kháng tay chấp búp sen
Dâng người thẩm tình vị đạo
Sân chùa bước chân thiền đạo
Ngày xuân hỷ lạc an nhiên

Khê kháng lời kinh bát nhã
Hòa theo nhịp mõ tiếng chuông
Giới định huệ hương giải thoát
Ưu sầu phiền não xả buông

Dịu dàng tà áo dài lam
Bên hiên ngôi chùa sen trắng
Khê kháng nụ cười tươi thắm
Ngát hương đức hạnh Ưu đàm!





Tìm

Từ khi Đức Phật còn tại thế cho đến thời đại ngày nay, người thực hành phương tiện ngoài việc tự lợi còn đem lại lợi lạc, hạnh phúc cho nhân loại.

hiểu thuật

về “Phương tiện” qua lăng kính Phật giáo Đại thừa

SC. Thích Nữ Thuần Giới

Tóm tắt: Trong cả Phật giáo Nguyên thủy lẫn Phật giáo Đại thừa đều có tư tưởng về Bồ tát. Các ngài xả thân vì hạnh nguyện mang lại lợi lạc cho chúng sanh, gieo duyên cứu nhân độ thế. Người con Phật tu tập dù theo pháp môn nào, hệ phái nào cũng cùng một đích đến là giải thoát khỏi khổ đau, luân hồi. Qua quá trình phân tích về phương tiện trong Phật giáo Đại thừa, bài viết cho thấy tư tưởng về Bồ tát có cội nguồn uyên nguyên trong lời dạy của Đức Thế Tôn và đã được tiếp biến, phát triển phù hợp với căn cơ của con người và thời đại.

Từ khóa: Bồ tát, phương tiện, Đại thừa

DẪN NHẬP

Thông điệp “*thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh*” là phương châm hoằng pháp của tu sĩ Phật giáo ngày nay. Trên bước đường học đạo, tu đạo, đạt đạo, đem đạo cứu đời, tất cả đều có sự đồng hành của phương tiện. Về bản chất, phương tiện không phải cứu cánh, không phải mục đích cuối cùng để người hành đạo hướng tới. Tuy nhiên, không ai có thể phủ nhận được lợi ích to lớn, thiết thực của phương tiện đem lại, nhưng cũng không nên vì thế mà đắm trước vào phương tiện. Ý nghĩa của phương tiện trong Phật giáo quả thật rất vi diệu, thâm sâu, nhất là khi nhìn

từ góc nhìn Phật giáo Bắc truyền (Đại thừa).

ĐỊNH NGHĨA VỀ PHƯƠNG TIỆN

Phương tiện tiếng Phạn, Pali: Upaya, cũng gọi là Thiện quyền, Biến mưu. Là phương pháp khéo léo để tiến triển hướng thượng... Phương tiện ba la mật cũng gọi phương tiện thiện xảo ba la mật, phương tiện thắng trí ba la mật... Phương tiện hóa độ: Tịnh độ do Đức Phật A Di Đà phương tiện thị hiện để tiếp dẫn các hành giả tự lực tu các thiện hạnh và niệm Phật cầu vãng sanh. Vì tịnh độ này không phải Bảo độ chân thật, nên gọi là phương tiện; còn Giáo



Phương là phương pháp, tiện là tiện dụng. Phương pháp tiện dụng, thích hợp với căn cơ của chúng sanh để giáo hóa, hướng dẫn, làm lợi ích cho chúng sanh.

chủ của Tịnh độ này là hóa thân Phật chứ không phải Báo thân chân thật của Phật an trụ cho nên gọi là hóa độ... Phương tiện nhị chủng tướng: Hai thứ phương tiện khéo léo mà Bồ Tát thị hiện để cứu độ chúng sanh. (1) Thế gian phương tiện: Các phương tiện mà Bồ Tát vì tự lợi, lợi tha thị hiện ra; nhưng còn có chỗ sở đắc sở chấp; (2) Xuất thế gian phương tiện: Những phương tiện thiện xảo mà các Bồ Tát chỉ vì lợi tha không vì tự lợi thị hiện ra; cũng không còn chỗ sở đắc sở chấp [1].

Phương là phương pháp, tiện là tiện dụng. Phương pháp tiện dụng, thích hợp với căn cơ của chúng sanh để giáo hóa, hướng dẫn, làm lợi ích cho chúng sanh. Phương tiện trí: Trí tuệ sử dụng các phương tiện thiện xảo khéo léo trong việc giáo hóa cứu độ chúng sanh. Khả năng sáng tạo nhưng phương tiện thích ứng cho mọi trường hợp và mọi căn trí [2]. Phương tiện còn gọi là Thiện quyền, Biến mưu, Âm hòa, Phương tiện thiện xảo, Phương tiện thánh trí. Là một trong những nội dung chủ yếu cấu thành Bát

nhã. Chỉ Bồ tát Đại thừa không thể giống với Bồ tát Tiểu thừa chỉ là cá nhân chứng nhập Niết bàn, mà cần phải áp dụng các phương pháp, phương tiện linh hoạt để làm lợi ích cho người khác, cứu độ hết thảy chúng sanh [3].

Ngoài những định nghĩa trên, phương tiện còn có nhiều loại, nhiều hình thức biến hóa không lường như phương tiện Bát nhã, phương tiện hiện Niết bàn, phương tiện tùy duyên hỷ... Ở đây, người viết chỉ trình bày những hình thức phương tiện phổ biến theo các định nghĩa ở trên.

NGUỒN GỐC CỦA PHƯƠNG TIỆN TRONG PHẬT GIÁO

Khi nhắc đến phương tiện, chúng ta thường nghĩ ngay đến Phật giáo Đại thừa, bởi lẽ hạnh nguyện của Bồ tát trong Đại thừa là tùy duyên sử dụng phương tiện để hóa độ chúng sanh đi trên con đường chân lý của Phật Đà. Nếu nói tinh thần của Bồ tát Đại thừa là tự độ, độ tha thì Phật giáo Nguyên thủy, xa hơn nữa vào thời Đức Phật tại thế đã xuất hiện tinh thần Bồ tát đạo. Đức Phật khẳng định sự kiện Ngài dẫn sanh cho đến mọi nhân duyên tốt xấu trong cuộc đời Ngài đều là phương tiện. Như khi Bồ tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ tát giữ giới một cách hồn nhiên, không sát sanh, không trộm cắp... Bồ tát nhập mẫu thai, khiến mẹ không khởi dục tâm ái nhiễm đối với một nam nhân nào... Mẹ Bồ tát hưởng được năm món dục lạc, không bị một bệnh tật gì... Sau khi sanh Bồ tát bảy ngày, mẹ bà mệnh chung và sanh lên cảnh trời Đâu suất... Vị Bồ tát khi sanh ra, Ngài đứng vững, thẳng bằng trên hai chân,

mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một lọng trắng được che trên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương, lớn tiếng như con ngưu vương, thốt ra lời như sau: “*Ta là bậc tối thượng ở trên đời! Ta là bậc tối tôn ở trên đời. Ta là bậc cao nhất ở trên đời. Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sanh ở đời này nữa*” [4].

Trong *Kinh Đại Bảo Tích* lại một lần nữa trình bày về phương tiện trong cuộc đời của Đức Phật, đến cuối cùng Ngài dạy: “*Nay Đức Như Lai nói phương tiện rồi thì hiện phương tiện rồi, các phương tiện này phải giữ chặt cất kín, chẳng nên nói với hạng người hạ liệt, thiện căn kém mỏng. Tại sao? Vì kinh này chẳng phải là chỗ hành của Thanh Văn, Bích Chi Phật, huống là phạm phu hạ liệt mà có thể tin hiểu được...Chỉ có Bồ tát là hay thuyết hay học kinh phương tiện này*” [5].

Ngoài ra, trong Jataka cũng trình bày phương tiện qua tiền thân của Đức Phật như: vì cứu con cọp khỏi chết đói khi rơi xuống hố, Bồ tát liền nhảy xuống cho cọp ăn. Tuy chỉ giúp nó sống thêm được vài ngày nhưng Bồ Tát vẫn làm, nhằm gửi một tín hiệu, tạo cho nó một duyên để kiếp tương lai nào đó nhờ duyên này gặp được Phật pháp và chỉ khi nào nó gặp được ánh sáng của Phật pháp, mới thoát khỏi kiếp cầm thú. Các vị Bồ tát có khi hy sinh thân mạng để tạo một duyên dù rất nhỏ nhưng đến tương lai sẽ có gặp lại để hóa độ, đó chính là phương tiện lợi tha của Bồ tát thời kỳ này. Đây được xem như nền tảng cơ bản hình thành nên phương tiện nhập thế độ đời của Bồ tát hạnh trong Phật giáo Đại thừa.

KINH DIỆU-PHÁP LIÊN-HOÀ

Dịch giả
HT Thích-Trí-Tịnh



Chúng ta cũng không thể bỏ qua phương tiện trong Đại thừa, nổi bậc nhất hơn hết là các lời dạy trong Kinh Pháp Hoa. Tuy Kinh Pháp Hoa được kết tập muộn, nhưng được gọi là viên giáo, nghĩa là giáo lý tròn đầy.

Có thể nói, Phật giáo Đại thừa không nằm ngoài giáo lý Phật giáo Nguyên thủy, nếu có chăng chỉ khác nhau về hình thức và ngôn ngữ truyền đạt. Tất cả đều dựa trên giáo lý của Đức Phật để hành trì. Các nhà truyền giáo ở mỗi giai đoạn đều có tư tưởng và cách hành đạo riêng, phù hợp với căn cơ con người và xã hội nơi đó. “Đại thừa với Tiểu thừa đều phải trải qua quá trình ‘gieo trồng hạt giống’ đi đến ‘thành tựu’, cuối cùng đạt được ‘giải thoát’. Do đó, giáo hóa pháp xuất thế không chỉ khiến người khác ở hiện tại đạt được giải thoát tự tại mới là lợi tha. Khiến người khác ‘gieo trồng hạt giống’ đi đến ‘thành tựu’ điều này không phải là lợi tha hay sao” [6]. Người hoằng pháp khéo léo sẽ tùy duyên biến hóa cho phù hợp với thời đại, căn cơ chúng sanh. Ở bất kỳ thời đại nào, các vị đều đã thực hiện đúng với lời dạy của Đức Phật: “Hãy đi, này các Tỳ kheo, hãy đi cùng khắp vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc vì lợi ích, vì an lạc cho chư thiên và loài người” [7].

Như vậy, có thể nhận xét: “Bồ tát Đại thừa dựa trên nền tảng Phật giáo Tiểu thừa hình thành và phát triển, khi Phật giáo Đại thừa xuất hiện, Phật giáo Tiểu thừa cũng không vì vậy mà tiêu diệt, cả hai cùng tồn tại” [8]. Trong Jataka, lý tưởng Bồ tát đa hạnh xả thân để tạo duyên cho chúng sanh đến với Phật pháp dù rất nhỏ vẫn làm v.v... đó là minh chứng cho tinh thần độ tha của Phật giáo Nguyên thủy, thế nên “Bồ tát đạo không phải là lý tưởng riêng của Đại thừa” [9].

PHƯƠNG TIỆN QUA SỰ HÀNH HÓA CỦA CHƯ PHẬT VÀ BỒ TÁT

Trong kinh tạng Nikaya đã đề cập rất rõ phương tiện hành hóa độ sanh của chư Phật và chúng đệ tử. Nếu Bồ tát của Phật giáo Đại thừa là những vị đã giác ngộ thì Bồ tát trong Nguyên thủy là những vị đang trên đường tu tập giải thoát, giác ngộ, “trước khi giác ngộ, thành bậc Chánh Đẳng Giác, khi còn là vị Bồ tát” [10]. Với một hình thức này hay hình thức khác, Bồ tát xuất hiện như một con người bình thường hoặc các loài động vật lớn nhỏ, đều vì lợi ích chúng sanh, tùy nghi sử dụng phương tiện thích hợp. Và một số hình thức phương tiện độ sanh của Đức Phật khi còn tu hạnh Bồ tát trong các kiếp quá khứ như: Thuở xưa, tiền thân của Bồ tát là con khỉ chúa, sống với gần tám ngàn con khỉ khác bên một cái hồ, dưới hồ có một con quỷ chuyên ăn thịt những ai đến gần hồ ấy. Vì lo đàn khỉ chết khát, Bồ tát dùng những cọng lau nối lại với nhau, do nguyên lực rộng lớn của Bồ tát, các cọng lau đều không có mắt, trống rỗng trong suốt kiếp này. Nhờ đó, bấy khi được uống nước và không còn sợ hãi con quỷ tại hồ ấy nữa [11].

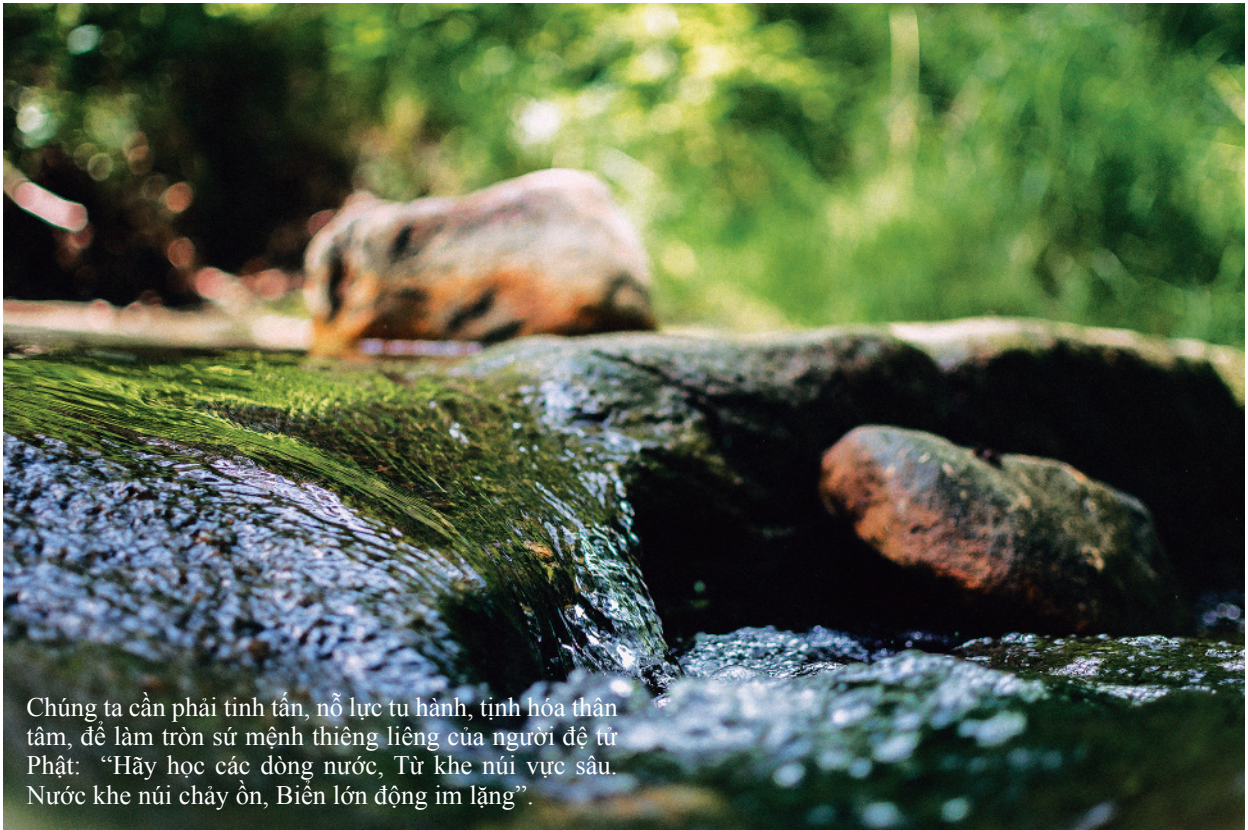
Ở một tiền kiếp khác, Bồ tát sanh làm con chim cun cút đầu đàn, vây quanh bởi hàng ngàn con chim cun cút khác, có người thợ săn luôn tìm cách bắt chúng để bán. Chim cút đầu đàn nghĩ cách cứu đồng loại, liền bày kế: khi bị mắc lưới phải nhấc bổng lưới lên và thả xuống trên một bụi gai, rồi trốn thoát theo ngã dưới. Nhờ đó bấy chim được cứu thoát [12].

Trong cuộc đời hoằng hóa lợi

sanh, Đức Phật đều dùng các phương tiện thiện xảo, hóa hiện muôn hình vạn trạng để tùy nghi giáo hóa và các chúng đệ tử của Ngài cũng đang tiếp nối con đường ấy theo nhiều phương tiện khác nhau. Ngài Đại Ca Diếp vì lòng thương tưởng đến người nghèo khổ, thiếu phước nên phát nguyện chỉ đi khát thực nơi xóm nghèo nhằm gieo duyên lành đến với họ, dù rất nhỏ.

*“Từ trú xứ bước xuống,
Ta vào thành khát thực,
Ta cẩn thận đến gần,
Một người cùi đang ăn.
Với bàn tay lở loét,
Nó bỏ vào một muống,
Khi bỏ vào muống ấy,
Ngón tay rời rơi vào.
Dựa vào bức tường thành,
Ta thọ miếng ăn ấy,
Khi ăn và ăn xong,
Tâm không cảm ghê tởm”* [13].

Hình ảnh một tỳ kheo già khoác trên mình tấm y sòn cũ kỹ, ôm bát khát thực đến những thôn nghèo, xóm nhỏ tạo cảm giác gần gũi, thân thương. Phải có lòng đại bi rộng lớn, đủ định lực như ngài Đại Ca Diếp mới có thể thực hành được, người xuất gia bình thường khó có thể làm được. Hay Angulimāla vì thương xót người phụ nữ sắp sinh, đang đối mặt với sanh tử, vì người phụ nữ đó ông nói rằng: “Này Bà chị, vì rằng tôi từ khi được Thánh sanh đến nay chưa bao giờ cố ý giết hại mạng sống của chúng sanh, mong rằng với sự thật ấy, bà được an toàn và sanh để được an toàn!” [14]. Nhờ công đức ấy, người phụ nữ sanh con an toàn. Bằng mọi phương pháp có thể đem đến an lạc, hạnh phúc cho chúng sanh, Bồ tát đều thực hiện không từ nan.



Chúng ta cần phải tinh tấn, nỗ lực tu hành, tịnh hóa thân tâm, để làm tròn sứ mệnh thiêng liêng của người đệ tử Phật: “Hãy học các dòng nước, Từ khe núi vực sâu. Nước khe núi chảy ồn, Biển lớn động im lặng”.

Chúng ta cũng không thể bỏ qua phương tiện trong Đại thừa, nổi bật nhất hơn hết là các lời dạy trong *Kinh Pháp Hoa*. Tuy *Kinh Pháp Hoa* được kết tập muộn, nhưng được gọi là viên giáo, nghĩa là giáo lý tròn đầy. Nội dung kinh đề cập đến không ít phương tiện thiện xảo của Bồ tát, phẩm “*Được Thảo Dụ*” diễn tả trận mưa xuống, tùy theo mỗi giống cây lớn nhỏ mà hấp thụ nước khác nhau. Trận mưa ví như pháp của Đức Phật, ai thực hành theo pháp đều có lợi ích, dù bất cứ ở đâu, thực hành lớn được lợi ích lớn, nhỏ được nhỏ. Nghĩa là lời dạy của Đức Phật tùy theo căn cơ, chủng tánh của chúng sanh để hóa độ. Trước đây, phương tiện này đã được Ngài sử dụng trong *Kinh Giáo giới La hâu la* và *Đại Kinh Giáo giới La hâu la*. Khi dạy một đứa trẻ chưa hiểu chuyện

Ngài khuyên không nên nói láo với mọi hình thức. Qua một thời gian nhất định Ngài dạy Tôn giả Rahula thực tập hơi thở, quán năm giới: đất, nước, gió, lửa và hư không là vô ngã. Cũng là giáo giới La hâu la, nhưng ở mỗi giai đoạn nhận thức, Đức Phật chỉ dạy phương thức tu tập, hành trì khác nhau.

Hay trong “*Phẩm Thí Dụ*” kể câu chuyện ông trưởng giả vì muốn cứu các con thơ dại ra khỏi nhà lửa đang bốc cháy, dùng phương tiện hứa cho ba thứ xe (xe hươu, xe trâu, xe dê) nhưng cuối cùng chỉ cho 1 xe trâu trắng lớn. Ba thứ xe là phương tiện dẫn dụ thoát khỏi nguy hiểm, bảo toàn sinh mạng cho chúng. Cũng như Đức Phật vì căn cơ của chúng sanh chỉ ra Thanh Văn thừa và Duyên Giác thừa, nhưng đó chỉ

là phương tiện để đưa đến Phật thừa. Do đó, “*hai thừa đầu tiên chỉ là hai thừa phương tiện, mà mục đích chưa phải là cứu cánh đích thực tối thượng*” [15] chỉ Phật thừa có đầy đủ công năng chuyên chở tất cả chúng sanh, hướng đến cứu cánh, giải thoát. Trí tuệ được ví như viên châu trong bụi tóc, trong chéo áo cũng phải bỏ đi, thế mới thấy phạm vi bao trùm của phương tiện quá lớn, suy cho cùng toàn bộ giáo pháp đều gói trong câu nói của Đức Phật: “*Này các thầy tỳ kheo, chánh pháp còn bỏ đi huống nữa là phi pháp*” [16], không nên cố chấp vào điều gì vì tất cả chỉ là phương tiện hướng đến mục đích tối hậu an lạc, giải thoát.

BÀI HỌC QUÝ GIÁ

Tư tưởng Đại thừa trong Phật giáo nêu cao tinh thần Bồ tát đạo,

Bồ tát muốn độ sanh không thể ra ngoài phương, phương tiện chính là cầu nối thiết yếu đưa Bồ tát đến gần với chúng sanh. Giống như các vị Bồ tát đến đi mọi ngõ ngách để độ sanh, như sen trong bùn không tanh mùi bùn. Đơn cử như Duy Ma Cật xem nơi đâu cũng là đạo tràng “*vô phi thanh tịnh đạo tràng*”, Bồ tát vào đó không bị mê hoặc bởi những cấu bẩn của thế gian, vào đó để tùy duyên hóa độ những người đang mê muội, đắm chìm trong sanh tử. Đối với vị tỷ kheo đệ tử Phật khi tu hạnh Bồ tát phải biết tùy phương tiện hành đạo, không phải đâu cũng đến đi được. Bởi lẽ, vị tỷ kheo xem trọng giới tướng, thầy tỷ kheo mặc dù chưa chứng thánh quả nhưng hình thức đồng với Đức Phật. Tỷ kheo là người thay Đức Thế Tôn hoằng pháp sau khi Ngài nhập diệt, lúc nào cũng phải trang nghiêm, đỉnh đạc mới xứng đáng là người con Phật. Bồ Tát khi độ sanh nếu xuất hiện theo hình tướng cư sĩ vẫn đứng sau các thầy tỷ kheo và không được dự vào hàng Tam bảo. Tuy nhiên, Bồ tát khi độ sanh không nhất thiết phải có thần thông hay thân tướng trang nghiêm như thầy tỷ kheo, với bất cứ hình tướng, sắc thân nào, Bồ tát cũng có thể thực hành hạnh nguyện lợi sanh. Thế nên, chúng ta cần phải tinh tấn, nỗ lực tu hành, tịnh hóa thân tâm, để làm tròn xứ mệnh thiêng liêng của người đệ tử Phật:

“*Hãy học các dòng nước,
Từ khe núi vực sâu.
Nước khe núi chảy ồn,
Biển lớn động im lặng*”. [17]

KẾT LUẬN

Từ khi Đức Phật còn tại thế cho đến thời đại ngày nay, người thực hành phương tiện ngoài việc

tự lợi còn đem lại lợi lạc, hạnh phúc cho nhân loại. Bồ tát vì lợi ích chúng sanh không tiếc thân mạng, tài vật, sẵn sàng hy sinh bản thân, trong cõi Diêm phù đề không có nơi nào dù nhỏ bằng hạt cải mà không có sự hy sinh máu thịt, xương tủy của Bồ tát. Bồ tát dễ dàng lưu chuyển trong sanh tử vì các Ngài điều phục được phiền não, dùng Tứ nhiếp pháp để nhiếp hóa chúng sanh, không lìa thế gian vẫn thành tựu được đạo quả, đó là việc khó trong các việc khó. Chúng ta cần thấy rõ bản thân đang ở đâu, không thể ví ta và Bồ tát đồng như nhau, chỉ làm những việc trong khả năng, không nên cố chấp để tam độc tham-sân-si trỗi dậy lúc nào không hay biết. Hàng hữu học như chúng ta đang từng bước sửa đổi phẩm tính, hoàn thiện nhân cách của bậc thánh, tập tành đi trên con đường Đức Phật chỉ bày, cần phải chánh niệm, tỉnh giác, phòng ngừa ma tánh sanh khởi. Có như vậy mới xứng đáng là người con của Phật.

Chú thích:

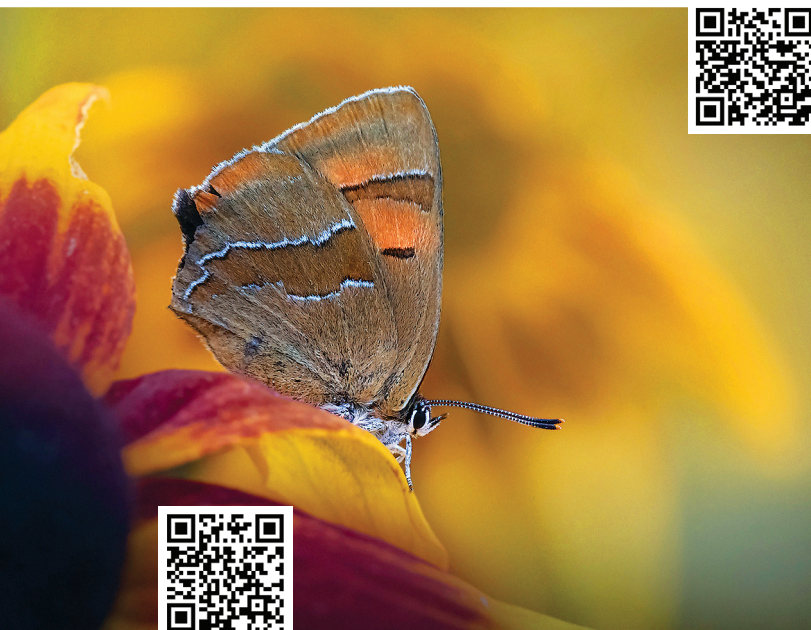
- [1] Thích Quảng Độ (dịch, 2014), *Phật Quang đại từ điển 4*, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản, tr.4404-4407.
- [2] Tâm Tuệ Hỷ (2010), *Danh từ Phật học thực dụng*, Nxb. Tôn giáo, tr.368-369.
- [3] Lao Tử - Thịnh Lê (chủ biên, 2001), *Từ điển Nho Phật đạo*, Nxb. Văn học, tr.305.
- [4] Thích Minh Châu (2013), *Trường Bộ Kinh*, kinh Đại bản, Nxb. Tôn giáo, tr.235.
- [5] Thích Trí Tịnh (dịch, 1988), *Kinh Đại Bửu Tích tập 7*, Trung ương GHPGVN xuất bản, tr.477-478.
- [6] Ấn Thuận, Quán Như-Ý Thiện (dịch, 2018), *Ba điều căn bản cho việc học Phật*, Nxb. Hồng Đức, tr.169.
- [7] Thích Minh Châu (dịch, 2013), *Trường Bộ Kinh*, kinh Đại bản, Nxb. Tôn giáo, tr.259.
- [8] Vu Lăng Ba, Thích Hạnh Bình và Phương Anh (dịch, 2019), *Đức Phật Thích Ca trong Phật giáo Nguyên thủy*, Nxb. Hồng Đức, tr.502.
- [9] Damien Keown, Thái An (dịch, 2020), *Dân luận về Phật giáo*, Nxb. Hồng Đức,

tr.102.

- [10] Thích Minh Châu (dịch, 2012), *Trung Bộ Kinh*, Kinh Bồ Đề vương tử, Nxb. Tôn giáo, tr.121.
- [11] Thích Minh Châu (dịch, 2015), *Tiểu Bộ III*, phẩm Giới, Chuyện hồ Nalakapāna (Tiền thân Nalakapāna), Nxb. Tôn giáo, tr.99-101.
- [12] Thích Minh Châu (dịch, 2015), *Tiểu Bộ III*, phẩm Kulāvaka, Chuyện sống hòa hợp (Tiền thân Sammodamāna), Nxb. Tôn giáo, tr.145-147.
- [13] Thích Minh Châu (dịch, 2001), *Trường lão Tăng kệ*, chương XVIII, phẩm 40 kệ, Nxb. Tôn giáo, tr.469.
- [14] Thích Minh Châu (dịch, 2012), *Trung Bộ Kinh*, Kinh Angulimāla, Nxb. Tôn giáo, tr.130.
- [15] Lê Mạnh Thát-Tuệ Sỹ (chủ biên Việt dịch, 2020), *Dẫn vào tuệ giác Phật*, Nxb. Hồng Đức, tr.271.
- [16] Thích Minh Châu (dịch, 2012), *Trung Bộ Kinh*, Kinh Vi dụ con rắn, Nxb. Tôn giáo, tr.179.
- [17] Thích Minh Châu (2015), *Tiểu Bộ I*, chương 3, Đại phẩm, (XI) kinh Nālaka, Nxb. Tôn giáo, tr.472.

Tài liệu tham khảo:

1. HT Thích Minh Châu (dịch, 2013), *Trường Bộ Kinh*, Nxb. Tôn giáo.
2. HT Thích Minh Châu (dịch, 2012), *Trung Bộ Kinh*, Nxb. Tôn giáo.
3. HT Thích Minh Châu (dịch, 2015), *Tiểu Bộ III*, Nxb. Tôn giáo.
4. HT Thích Minh Châu (dịch, 2001), *Trường lão Tăng kệ*, Nxb. Tôn giáo.
5. HT Thích Minh Châu (dịch, 2015), *Đại thừa và sự liên hệ với tiểu thừa*, Nxb. Tôn giáo.
6. TK. Thích Trí Tịnh (dịch, 1988), *Kinh Đại Bửu Tích tập 7*, Trung ương GHPGVN xuất bản.
7. HT Ấn Thuận, Thích Quán Như - Thích Nữ Ý Thiện (dịch, 2018), *Ba điều căn bản cho việc học Phật*, Nxb. Hồng Đức.
8. Lê Mạnh Thát - Tuệ Sỹ (chủ biên Việt dịch, 2020), *Dẫn vào tuệ giác Phật*, Nxb. Hồng Đức.
9. Damien Keown, Thái An (dịch, 2020), *Dân luận về Phật giáo*, Nxb. Hồng Đức.
10. Lao Tử-Thịnh Lê (chủ biên, 2001), *Từ điển Nho Phật đạo*, Nxb. Văn học.
11. Thích Quảng Độ (dịch, 2014), *Phật Quang đại từ điển 4*, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản.
12. Tâm Tuệ Hỷ (2010), *Danh từ Phật học thực dụng*, Nxb. Tôn giáo.
13. Vu Lăng Ba, Thích Hạnh Bình và Phương Anh (dịch, 2019), *Đức Phật Thích Ca trong Phật giáo Nguyên thủy*, Nxb. Hồng Đức.



ÁNH SÁNG NHIỆM MÀU

Nguyễn Thánh Ngã

Nhớ gì từ thuở lên ba
Một vàng trắng hiện, một tà áo nâu
Lên chùa mẹ dắt theo sau
Tiếng chuông đã thức từ lâu. Đêm dài

Chấp tay con kính lễ Ngài
Con từ hạt bụi hình hài trôi lăn
Qua vô lượng kiếp nhọc nhằn
Bến bờ đau khổ vẫn trần trọc đêm

Mặt trời ngỡ mọc bên thềm
Xua tan khoảng tối sau rèm biếc xanh
Những tia nắng rọi mong manh
Đã làm vỡ lớp âm thanh phủ mờ...

Nhận ra từ thuở sơ cơ
Chút duyên hạnh ngộ mấy tờ tâm kinh
Tưởng rằng mây nước lung linh
Đâu hay vẫn cõi thất tình chìm sâu

Một hôm ánh sáng nhiệm màu
Đã soi thấu những bể dâu cuộc người
Ngài là trí tuệ siêu vời
Mở ra cánh cửa chân trời nghìn năm

Cả đời con ngỡ tối tăm
Bỗng nhiên từ cuối đường hầm bước lên
Ngộ ra tâm Phật là sen
Cúi đầu trong giấc bùn đen con quỳ

Chấp tay lay Đức Mẫu Ni
Đã trao chánh pháp từ bi cho đời
Ơn Phật thường chiếu nơi nơi
Muôn loài thoát khỏi luân hồi tử sinh...

RU CON QUA TUỔI DẠI KHỜ

Bình An

Ầu ơ cánh võng mẹ đưa
Êm êm tiếng gió ru vừa giấc ngoan
Tiếng ru đượm nắng trưa vàng
Chan cơn mưa ướt mịn giàn mồng tơi

Con đà qua tuổi nài nôi
Lời ru hòa với nhịp đời mẹ đưa
À ơi... khúc hát bốn mùa
Già bao năm tháng vẫn vừa thương yêu

Chắt từ dâu bể cuộc người
Lời ru của mẹ chưa thôi ấm nồng
Theo con chín núi mười sông
Sợ không chán nỗi gió giống cuộc đời

Lời ru khoan nhặt à ơi
Ủ hơi ấm lúc ngoài trời gió mưa
Mong con qua tuổi dại khờ
Đá mềm chân cứng giữa bờ nhân gian...



HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT MẠNG XÃ HỘI PHẬT GIÁO BUTTA

- 01** Vào trang web <http://butta.vn> từ trình duyệt trên máy điện thoại:    
- 02** Ấn nút  TẢI ỨNG DỤNG TỪ Apple Store hoặc  TẢI ỨNG DỤNG TỪ Google Play
- 03** Ấn nút **NHẬN** hoặc **Cài đặt** tại kho ứng dụng
- 04** Mở ứng dụng  Butta, nhập các thông tin: Họ tên (Pháp danh), Ngày sinh, Giới tính để đăng ký tài khoản
- 05** Xem thêm hướng dẫn tại: <http://butta.vn/huongdan>

Phật Sự

www.phatsunetv.com

Online



QUÉT MÃ CODE

- Quét mã để xem tất cả các video của Phật sự OnlineTV

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 65.000 đồng

PHÁT HÀNH MỘT KỲ VÀO NGÀY 1 HÀNG THÁNG

quangminh

CANDLE



THƯƠNG
HIỆU
NẾN

ĐƯỢC
YÊU
THÍCH
NHẤT



quangminh
CANDLE

NẾN QUANG MINH

Đc : 20 Đường Số 4, Khu dân cư City Garden Hills Phan Văn Trị,
P.5, Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại : 028 6257 9494 - 0942 835715



Hotline CSKH
0903 955 018

www.quangminhcandle.vn





Bảo Hải Linh Thông Tự

QUẦN THỂ VĂN HÓA TÂM LINH BÊN VỊNH DI SẢN

